77) ANH SACH CHUNG VO CON CUU QUAN-CAN-CHINH VIET NAM CONG HOA VA NHAN-VIEN PHUC VU CAC CO QUAN HOA-KY

(To 1)

VUOT BIEN DUONG BIEN DRANG O TRAI BANTHAD THAILAND

(1) So TT	(2) Ho va ten	(3) Ngay va noi sinh	(4) So quan so dien cac danh bo	(5) Cap bac	(6) Chuc vu	(7) Don vi cuoi cung	(8) Thoi gian cai tao	(9) Ngay den Thailand	(10) Ngay den Banthad	(11) So nha	(12) So ho so	(13) Xin bao tro	(14) Ghi chu
1:	LE THI TUYEN	1959 Saigon						01-2-88	19-5-88	1A1			-IV-220595
	Cha LE VAN THIEN	1930 Saigon	50/142737	Thieu-Ta	CHT/CS	Q. Phuoc-Ninh	10n.3thg						IV-41546
													Grt 174 Thu-Duc
2:	NGUYEN MINH HAI	1972 Long-an						01-2-88	19-5-88	1A1			
	Cha NGUYEN VAN CHAM	1942 Sadec	62/105767	Trg-si 1	Thg-dich	BCH/DK3	15 ngay						-Hien o My
3:	DINH VAN HOANG DUNG	17.4.64 Sadec						31.1.88	19.5.88	1A1		Co	
	Cha DINH VAN MAN	1933 Gia-Dinh	53/125438	Thieu-ta	TD.Trg.	Truyen tin	9n.11ng						-Grt.105
4:	TA VAN PHUNG	2.9.64 Saig.						31.1.88	19.5.88	1A1		Co	
	Cha TA VAN THEM	1938 Gia dinh	58/130296	Ha si		TTHL/QTrung	3 ngay						-CNCT 4890
5:	THAN QUANG HUY	1969 Saigon						20.1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha THAN VAN HIEN	1944 Saigon	CA/141842	Dai uy	Trg.ban2	Chi Khu Cangio	7n.						-Grt. 87 Tan Lap
	Me NGUYEN THI DINH	1946 Giadinh		Nhan vien	Liaison Coordinator	DED-CLU-JAO US.Embassy	3 ngay						-IV-037664
6:	PHAN HOANG CUONG	1971 My-tho						21.1.88	14.5.88			Co	
	Cha PHAN VAN QUYEN	1944 Saigon	64/189044	Ha si 1	CTCT	TD30/SD7BB	3 ngay						-Grt.1130
7:	NGUYEN THI PHUOC HUAN	1967 Danang						31.1.88	19.5.88				
	Cha NGUYEN HUU HUONG	1940 Danang		Dai uy									-Mat tich 1975
8:	nguyen thanh can	1960 Long an						19.1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha NGUYEN VAN CON	1932 Long an											-Mat tich 1964
9:	TRAN HUY HAI	23.4.58 Lg.An						19.1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha TRAN HUY TRANG	1930 Long an		Giam thi		Ty KienT,Lg-an	7 ngay						
	Me NGUYEN THI MEN	1933 Long an		Nhan vien		Cq.Vien tro My							
10:	NGUYEN DUY VU	1970 Saigon						8.1.88	14.5.88	1A3		Co	
	Cha NGUYEN DUY DO	1949 Minh Dinh	69/134801	Trg-si	Quan canh	TD.11.Q.canh							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) (to 2)
11:	NGUYEN THANH TINH	1962 Saigon						8.1.88	14.5.88	LA3		Co	
	Cha NGUYEN VAN THAI	1925 Ninhbinh		Cong chuc		Can cu 80 QTQC							
12:	PHAN THANH THINH	8.10.62 Saig.						10.1.88	14.5.88	LA3		Co	
	Cha PHAN VAN Y	1926 Hadong	C9709	Thgsi DB		Phu ta An ninh	3 nam						-Grt.280
13:	NGUYEN THI MY LEN	1953 Saigon						13.1.88	14.5.88	LA3			
	Cha NGUYEN HUU THANH	Saigon		Nhan vien		Toa Dai su UC							
14:	NHON TUYET HONG	1960 Travinh						15.1.88	14.5.88	LA6			
	Cha THACH NHON	Travinh		Cong chuc		Trg-ty ST.T.vinh	6 nam						-Hien o My
15:	TRAN VINH THINH	1968 Saigon						12.1.88	14.5.88	LA7			
	Cha TRAN VAN DUONG	1944 NhaTrg.	64/144629	Thieu uy		TK. Binh-duong							-Hy sinh 1975
16:	NGUYEN THI TUYET MAI	8.10.70 Saig.						19.1.88	14.5.88	LA6			
	Cha NGUYEN VAN TOAN	1946 Namvang	66/156998	Binh 2		TD.11 BTL Du							-Hien o My
17:	PHAN HOANG DUY	1964 Q.ngai						19.1.88	14.5.88	LA7			
	Cha PHAN GIOI	Q.ngai		Trg uy	Tr.B.5 CK	Chi khu PhongPhu	6 nam						-Hien o UC
18:	NGO THI THANH TAM	1958 Saigon						20.1.88	14.5.88	LA7	00092		
	Cha NGO THANH NHON	1936 Giadinh	56A/700101	Ch.uy	Co khi	TTTL Nha be	7 ngay						
	Me NGUYEN THI BE	1938 Saigon		Nhan vien	Thu ky	IRC (US Amb.)							
19:	TRAN ANH NHA	1959 Saigon						19.1.88	14.5.88	LA9	00094		
	Cha TRAN VAN VINH	V.Tau	47/100472	Trg-Ta	CHTrg.	TTHL Nhay du	3 nam						-Chet trong tu
20:	LE VU HOAI HUONG	1969 Q. Nam						25.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha LE VAN HANH	1943 Kontum	63/205318	Dai uy	Trg.B.5	Chikhu Hoa vang	6 nam						-Grt.1188
21:	CAO THI KIM ANH	1969 Bienhoa						19.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha CAO VAN TUYEN	1926											DAng o My
22:	TRAN THIEN ANH CHUONG	1962 Saigon						19.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha TRAN THIEN THANH	1942	62A/102427	Thg si	Trg.Phong	TH/QG TQLC/TLC	8 thg.						

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) (to 3)
23	NGUYEN VAN TUAN	1967 Saigon						19.1.88	14.5.88	LA9	0		
	Cha NGUYEN VAN CHI	1933	53/146691	Ha si		KDC.4545							
24	TA TRUYEN MAI	1964 Giadinh						19.1.88	14.5.88	LA9		Co	
	Cha TA TRUYEN PHUONG	1930 Daclieu	50/024196	Trg.euy	Trg.phong	KT. Nha Canh sat	2 nam						-D.252 BTL.QK.9
25	DOAN THI THU	1968 Giadinh						17.1.88	14.5.88	LA10	00066	Co	
	Cha DOAN PHUOC	1940 Thua-Th.	60/100469	Thieu uy	DDT/TS	Sd.18 BB							-Ly ainh 1972
26	DANG THI KIM TUYET	1968 Saigon						17.1.88	14.5.88	LA10			
	Cha DANG VAN TRI	1928 Kienan	48A/302911	Ch.uy									-Giai ngu 1973
27	MAI THI BINH	1954 Saigon						17.1.88	14.5.88	LA10			
	Cha MAI VAN TAM	1930 Namdinh		Thieu ta	Trg,ban	Q.tri ANQD	5 nam						-Grt.2904
28	NGUYEN NAM SON	1955 Kien hoa						15.1.88	14.5.88	LA10			
	Cha NGUYEN VAN AN	1903 Haiduong		Dai uy									
29	LE QUOC DUNG	1953 Ha Noi						17.1.88	14.5.88	LA10		Co	
	Cha LE VAN HUONG	1922 Ha noi	42/100967	Thieuta	CH.Pho	Tg.HD/BQP							-GCN 900/CN
30	CHAU NGOC BICH	1957 Saigon						15.1.88	14.5.88	LA11		Co	
	Cha CHAU NGHIA	1927 Baxuyen	47/100091	Trg.Ta	Trg-Phong	ANQD/QD3							-Dang hoc cai tao
31	TRAN THI MAI PHUONG	1978 Saigon						15.1.88	14.5.88	LA11		Co	
	Cha TRAN XUAN THU	1945 Buichu	65A/145101	Trgsi 1	Trg.tin	TG65/KT/TT	3 ngay						
	Me TRAN THI NGAT	1940 Buichu	896	Tho ky		Hang Pacific							
32	DINH NHU THANH	1960 Th.Thien						15.1.88	14.5.88	LA11		Co	
	Cha DINH ANH	1936 Th.Thien	56/104202	Trgsi 1	Trg.Ban	Su doan Du	3 ngay						-CMC 8369 AN
33	BUI THI PHI PHUNG	24.1.40 S.dec						17.1.88	14.5.88	LB1		Co	-IV.23247
	Chong PHAN VAN HUONG	1938 Can tho	58/103704	Th.uy		CD.Phuong hoang	14 thang						-V.25775
													-Grt.30876
34	NGUYEN ANH TRUONG SON	21.1.75 Sadec						17.1.88	14.5.88	LB1		Co	-IV.33763-Grt 154
	Cha NGUYEN ANH LE	1938 Bentre	58/103289	Th-Ta		TrgD.16/SD9	12n.2th.						V.25723
35	NGUYEN THI THU	11.9.58 Saig.						1.2.88	19.5.88	LB3		Co	
	Cha NGUYEN VAN HOACH	1932 Datbiet		Thg.dichv			9 nam						-Grt. 24.9.80

(1)	(2)	(3)	9 (4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 4) (14)
36	TRAN DINH QUANG Cha TRAN DINH HUNG	27.4.58 BMT 1932 Nam dinh		Trg si		SD 9 BB	11 nam	15.3.88	19.5.88	1B3		Co	
37	DO VINH CO Cha DO VO TU	1967 Cholon 1942 Cholon	62/184708	Binh 2		TD3 SD9BB	3 ngay	20.1.88	14.5.88	1B4		Co	-Grt 3911
38	LE VAN QUOC VU Cha LE VAN LICH	1967 Q.tri 1930 Q.tri	57/201140	Ch-uy		LLDB/BTTM	6 nam	24.1.88	1.6.88	1B1			-IV 053945 V.0217 grt 782
39	NGUYEN THI NA Cha NGUYEN VAN RI	5.12.64Q.Nhon		Trg si 1		Ban QuannhacQD2	15 ngay	29.1.88	14.5.88	1B4			
40	LE TRUNG HIEU Cha LE XUAN HOA	23.7.77 Saig. 1955	75/126776	Binh 1		Ban Quanhac SD1	1 nam	19.1.88	14.5.88	1B6		Co	
41	DO THI THU HUYEN Cha DO VAN HOAN	8.9.71 Saigon 1.1.38 B.Viet				KBC. 4259		19.1.88	14.5.88	1B6			
42	LE XUAN THANH Cha LE XUAN THUAT	14.1.72 Saig. 1.9.55	55/301590			TD.3/SD2		19.1.88	14.5.88	1B6			
43	HOANG QUOC HAI Cha HOANG QUOC HAI	21.8.57 Dalat				Trg Ap Dalat		14.1.88	14.5.88	1B6			-Chet trong tu
44	NGUYEN THI XUAN MAI Chong TON-LONG-KY	14.7.34 Q.Ngai				Nha K.lo Cg.Ch.		19.1.88	14.5.88	1B7			
45	NGUYEN HOANG KIM HIEU Cha NGUYEN DUC HOANG	10.12.66 Saig 25.12.45 Hdg.	45/247117	Trg uy	DDP/CTTL	Tieu K. Giadinh		1.2.88	19.5.88	1B5			-Grt 348 CucC24
46	TRAN ANH TUAN Cha TRAN HIU HOE	22.3.59 Saig. 1922	42/300076	Thg si 1		Cuc T.Tin CC60		19.1.88	25.5.88	1B7			
47	HUYNH KIM VUI Cha HUYNH VAN TU Me NGUYEN THI KIM LIEN	23.12.56 Saig 1934 1940				Canh sat Cg.lo		19.1.88	14.5.88	1B7			-Bi am sat 1968
48	NGUYEN TUY DUNG Cha NGUYEN NGOC KINH	25.7.69 1943		Dai uy CS		BTL/CSQG/CQE2		15.1.88	26.5.88	1B7		Co	-Grt 79
49	NGUYEN THI KIM THUY Cha NGUYEN VAN HUAN	17.1.62 DaNg. 1929	49/301967			TD2/6 BB	3 ngay	22.1.88	14.5.88	1B9			
50	TRAN THI LAN HUONG Cha TRAN DIEP	8.9.66 Saig, 5.10.28	48/103771	Trg si 1		TD5 Cong binh	7 ngay	15.1.88	14.5.88	1B9		Co	
51	NGUYENTHI NGOC DUNG Chong THAI HA THANH	22.4.52 B.Hi 1948 Hai Phg	68/600847	Trg uy		Toa DS My DS 3 Khong Q.		15.1.88	14.5.88	1B9			-IV.47261 V. 39342 Chet trong tu.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
52	NGUYEN THI KIM THUY Cha NGUYEN HUU QUYET	6.10.62 Giad. 1934 Ha Nam	54/402668	Trg si		TTHL/Quang Trg	3 ngay	22.1.88	19.5.88	1B9			
53	TRAN THI HIEN Cha TRAN CHO	1959 Hue 1917 Hue			Giao vien	Thua thien	20 ngay	20.1.88	19.5.88	1B11			-IV 059664
54	HA TO LINH Cha HA TO HA	1976 Saigon 1953 Cholon			Canh satDC	Bien hoa	4 ngay	1.2.88	19.5.88	1C1		Co	-CN7978
55	LY HIEN TUNG Cha LY HIEM DUC	1970 Saigon 1942 My tho	62/600699	Trg si 1	Trg.toan	SD1 KQ		27.1.88	19.5.88	1C1		Co	
56	NGUYEN HIEU LIEM Cha NGUYEN AN DEM	1963 Binh Tg. 1941			Trg Ap			12.3.88	19.5.88	1C1		Co	-QG Nghia tu
57	NGUYEN THI HONG PHUNG Cha NGUYEN CHI LANG	1969 Saigon 1939 Nam Dinh	59/164200	Dai uy	Trg.B.QS	KBC. 4125	3n 7 thg	1.2.88	19.5.88	1C1			
58	NGUYEN THI HU Cha NGUYEN THANH PHONG	1971 KienGi. 1935	55/443045		Nghia Q.	Chi Khu Kien Tan	2 thg.	1.2.88	19.5.88	1C1			
59	NGUYEN NGOC HUONG Cha NGUYEN QUOC SUNG	1957 Saigon 1919 Bac Ninh			Phu ta	Truong Cho Quan	7 ngay	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
60	NGUYEN THI THU HUONG Cha DUONG PHUONG	1960 Danang 1911 Danang			Cong chuc			2.4.88	19.5.88	1C2			-Hien o My
61	NGUYEN THANH HUY Cha NGUYEN THANH TRANG	1969 Dalat 1942	62A/121007	Trg uy	G.Su VBDL	Vo bi Dalat	3 nam	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
62	LA THI KIM LOAN Cha LA QUANG VIET	1967 Quinhon 1929 Hanoi			Nhan vien	Dai Phat thanhQG	7 ngay	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
63	PHAN VAN HIEN Cha VAN LOA	1953 Qui nhon 1928 Namdinh	48/302247	Trg si 1		Quan y vienQ.nhon		2.4.88	19.5.88	1C4			-CN 7093
64	NGUYEN THI NOT Cha NGUYEN VAN HIEU	1954 Saigon 1915 Kienan			Chu tich	Dang Dan chu	6 thg.	7.2.88	19.5.88	1C4			-CN 2190 GQ3SN
65	CAO TRAN TUAN Cha CAO VAN CAM	1968 Angiang 1945	65/410868	Dai uy				12.2.88	19.5.88	1C5		Co	-Chet trongtu 1980

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 6) (14)
66	NGUYEN TRAN MAI TRAM Cha NGUYEN VAN TAI	1961 Hue 1936 Hue	56/107222	Trg si 1		TD2/TD48/SD18	7 ngay	17.1.88	14.5.88	1C6		Co	-CN 5421
67	NGUYEN VAN THIEN Cha NGUYEN VAN THO	1961 Darlac 1945 N.binh				DD93/TD9 Du		15.1.88	14.5.88	1C6			
68	HOTHANH LIEM Cha HO QUANG HOAI	1957 Longan 1933 Kien H.	53/054881	Thieu ta	Trg.P.TT	T.Khu Sadec	87 thg.	17.1.88	14.5.88	1C7			-Grt 259 Hamtan
69	BUI THI HOI Chg. VU DUC HUYEN	1935 Namdinh 1922 Namdinh			Nh.vien CH		3 ngay	19.1.88	14.5.88	1C7			-CN 1106
70	HUYNH THI HOA TIEN Cha HUYNH VAN DIEU	1961 Saigon				Quan nhac SD9BB		23.1.88	14.5.88	1C7		Co	
71	NGUYEN NGOC QUANG Cha NGUYEN NGOC MINH	1966 Hinhbinh 1943 Hinbinh	63/660519	Thg si		BTL KhgQuang	40 thg.	23.1.88	14.5.88	1C7		Co	
72	PHAM QUOC LUAN Cha PHAM VAN NUOI	1954 Dalat 1934 Haiduong	54/002470	Thg si		T.khu Tuyenduc	7 ngay	23.1.88	14.5.88	1C7			
73	PHAM VAN TUONG Cha PHAM VAN DINH	1971 Saigon 1926 K.hoa				Bo Quoc phong		2o.1.88	14.5.88	1C8		Co	
74	NGUYEN THI THU THUY Cha NGUYEN CONG TIEN	1971 Bienhoa 1924 Hadong	44/400075	Trg si		TD. Thg Van	1 nam	19.1.88	14.5.88	1C8			
75	TRAN KIM NGOC Cha TRAN BUU LONG	1976 Sadec 1953 Sadec		Th uy	Trg Cuoc	Tieu K.Sadec	5 nam	17.1.88	14.5.88	1C8			
76	PHAN NGOC DUNG Cha PHAN VAN HAU	1966 Saigon 1929 N.dinh			Nhan vien	RNK/DRJ		19.1.88	14.5.88	1C8			- So My
77	LA TAN KIET Cha LA MY MINH	1972 Saign				SD1 Thiet ky		17.1.88	14.5.88	1C8			
78	HA HONG THUY Cha HA DUY KHUYECH	1958 T.ninh 1923 H.hung			Cong chuc	Ty Chieu hoi	5 nam	19.1.88	14.5.88	1C8		Co	-Grt 26/12/80
79	DAO THI THUY DUONG Cha DAO DUY TOAN	1972 1941 H.NN.	61/106617	Trg si		BTTM/HQ	3ngay	12.1.88	14.5.88	1C8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 7) (14)
80	HUYNH THI HOA Cha HUYNH VAN TAC	1959 Angiang 1929 Ch.doc	49/062842	Thg si	Trg Ban	TB.BX.QTCQN	5 ngay	13.1.88	25.5.88	1C9			
81	NGUYEN HOANG HOA Cha. DONG VAN	1953 Sadec 1949 V.long	69A/700537	Trg si	ThuyenTrg.	C/CHQ/Cat lai	3 ngay	13.1.88	25.5.88	1C9		Co	-CH 0404
82	HUYNH THANH VAN Cha HUYNH THANH KHOI	1970 Angiang 1944 Kambuchia	132431	Dalay CS	Trg Phong	TK. Chaudoc		15.1.88	25.5.88	1C10			-Grt380
83	CHUNG THI HUYNH MAI Cha CHUNG VAN DONG	1958 Tayninh 1929 B.duong	49/118790	Daita	Tinh-Trg	Tinh My tho	12 nam	6.2.88	19.5.88	1G1		Co	-Chet trong tu
84	PHAN THI THUY Cha PHAN CONG MINH	1962 Giadinh 1925 Th.binh			Cong chuc	Phu Thu tuong	10 ngay	6.2.88	19.5.88	1G1			
85	NGUYEN NGUYEN ANH Cha NGUYEN NGOC HOA	1966 Saigon	58/103512				7 ngay	31.1.88	19.5.88	1D2		Co	
86	PHAN DINH QUYNH Cha PHAN ANH QUAN	1971 Saigon 1943 Saigon	39361	Dai uy CS	DDT/CSDC	BCH/CS BinhTuy	10 nam	31.1.88	19.5.88	1D2			-Grt 44QDBNV
87	TRUONG VAN LINH Cha TRUONG VAN LUONG	1958 Q,Tri 1931 Q.tri	51/201901	Trg Ta	Ph.TT/BTTM		10n.3thg.	17.1.88	25.5.88	1D3		Co	-Grt 168
88	NGUYEN LA VINH LINH Cha NGUYEN VAN LINH	1971 Th,hai 1942 Nghetinh				PSD/AN CCMARCOS	1 thg.	17.1.88	25.5.88	1D3		Co	
89	NGUYEN MINH PHUNG Cha NGUYEN NGOC	1971 Saigon 1950 B.dinh		Ha si 1		TD2/SD.Du		31.1.88	19.5.88	1D4		Co	-Tu tran 4175
90	NGUYEN THI TUYET HONG Cha NGUYEN DANG DANH	1962 Saigon 1929 Th.binh		Cong chuc		B 6 D		11.5.88	19.5.88	1D4		Co	
91	VU MINH HUNG Cha VU VAN LIEN	1956 Saigon 1921 Hanam			Thu ky	Trg.DH Y khoa	7 ngay	31.1.88	25.5.88	1D4		Co	
92	PHAN VAN TIEN Cha PHAN VAN LUAN	1957 Saigon 1932 H.duong		Trg si 1		BCH/K3	7 ngay	3.1.88	14.5.88	1D7		Co	
93	NGUYEN THI HUONG Cha NGUYEN VAN QUYEN	1960 Saigon 1925 N.dinh	AP096243		Nhan vien	Saigon ADVHCS		19.1.88	14.5.88	1D7		Co	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 8) (14)
94	[illegible] VU Cha [illegible] VAN AN	1967 Saigon 1942 H.binh	62/106704	Ha si 1		CC10QK	3 ngay	19.1.88	14.5.88	1D7		Co	-CT 8137CH
95	[illegible] QUANG VU Cha [illegible] DON	1976 Honai 1953 DacViet	72/155753	Ch.uy	D.Doi Pho	Trg BB Thu duc		8.1.88	14.5.88	1D7			
96	[illegible] NA Cha. LE CAO [illegible]	1960 Saigon 1941 Phuyen	61/151040	Daiuy		TK. Camranh	3 nam	23.1.88	14.5.88	1D10			-Grt 36 BTL/Langa
97	[illegible] THI [illegible] AI Cha [illegible] VAN HO	1964 Phu-kh. 1938 Phu.th.		Nghia quan				23.1.88	14.5.88	1D10			-Tu tran
98	LY [illegible] DUNG Cha LY THO QUY	1957 NTT		Cong chuc		Phg.Vienthg.CT	1 thg.	17.1.88	14.5.88	1D10		Co	
99	[illegible] THI THANH [illegible] Me [illegible] THI CUONG Cha [illegible] CUONG	1970 Vinhbinh 1943 Ba.xuyen				Hu Quan nhan		13.1.88 13.1.88	14.5.88 14.5.88	1D10 1D10		Co	-Tu tran
100	THAI THUY Cha THAI VAN THU	1966 Saigon 1944 H.duong	64/102250	Trg si		Cuc TLC.	3 ngay	16.1.88	15.5.88	1D11			
101	[illegible] VAN THANH Cha [illegible] VAN CHI H	1962 Saigon 1935 H.dong	55/151043	Ha si 1	Y ta	Tong Y Vien CH	3 ngay	17.1.88	14.5.88	1D11		Co	-Chet
102	LE QUANG VINH Cha LE HOANG DUNG	1966 1945	65/100158	Trg uy		Du doan 1 BB	3 nam	15.1.88	14.5.88	1E1			
103	NGUYEN THI THUC Cha NGUYEN LUONG DUC	1975 Tayninh 1926	46/029011	Thg si 1		AN.Phitrg TCN	3 ngay	27.3.88	15.5.88	1E1			
104	LE THI [illegible] LUONG Cha LE VAN TIEP	1965 1934 Namdinh	54/302788	Th.Ta	TCTV	Bo TTM	5 nam	15.1.88	25.5.88	1E1			
105	NGUYEN TRUONG HOAN Cha NGUYEN QUANG TRUONG	1973 Saigon 1951 Saigon		Ha si 1		SD3 KQ	3 ngay	15.1.88	14.5.88	1E1			
106	NGUYEN QUYNH HOA Cha NGUYEN DUC QUY	1968 Cocong 1930 Ha noi					5n.9thg.	22.1.88	25.5.88	1E2			-Grt 317
107	BA THI TUYEN Cha BA KE	1957 Phanrang 1925 Phanrang		Pho Doc su			3 nam	17.1.88	25.5.88	1E2			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 9) (14)
108	NGUYEN THI HONG TUYEN Cha NGUYEN NGOC HO	1973 Saigon 1948 HA.binh	68/135605	Thg si	Trg.ToanQCTT	TD5 QC	3 nam	15.1.88	25.5.88	1E3			-Grt445
109	NGUYEN VAN CHI Cha NGUYEN KIM	1976 Saigon 1947 Q.tri	67/313117	Trg si		DD32 DPQ.TH.		15.1.88	24.5.88	1E3			-Hien o Panat
110	NGUYEN HOANG DIEM CHI Cha NGUYEN VAN KHOI	1975 Saigon 1942 Hue				So T.N.		15.1.88	24.5.88	1E3			-Hien o My
111	[illegible] VAN GA Cha NGUYEN VAN GOC	1958 Dinhtuong		Trg si 1		TD 45/SD23BB	6 thg.	10.2.88	19.5.88	1E4			
112	CAO QUANG HIEN Cha CAO CANH TUYEN	1968 Cuulong	55/400943	Trg uy		Ban CH Tranoc	5 nam	17.1.88	14.5.88	1E5			
113	TRAN ANH THU Cha TRAN QUANG HUE	1964 Saigon 1940 Hue	60/203712	Th-ta	Trg Ban 1	LD81 BKD	5 nam	19.1.88	14.5.88	1E6		Co	-Grt 155
114	NGUYEN THCH THUY Cha NGUYEN HAU KINH	1960 Kontum 1933		Trg Ta		Pho TK.Kontum		8.1.88	14.5.88	1E6			-Hien o My
115	NGUYEN THI THUONG TRA Cha NGUYEN HUU AI	G1962 Gaylay 1930 Caolanh				CT.Dg.DC Hoaan	3 thg.	17.1.88	14.5.88	1E7			-Grt 001
116	DUONG DINH HUY Cha DUONG THI DUONG	1972 Saigon 1948 Hanam	68/129379	Binh 1		KBC.4685		19.1.88	14.5.88	1E7		Co	-Chet
117	TRAN THI MY LINH Cha TRAN VAN CHINH	1974 Kientuong 1945 Gaylay	65/106605	Trg si 1		KBC. 6075	11 ngay	17.1.88	14.5.88	1E7			-Grt. 1645/CN
118	NGUYEN NGOC DUNG Cha NGUYEN VAN PHUNG	1969 Saigon 1947 Saigon	67/304921	Trg uy	HLV	DucMy Nhatrg.	6 nam	19.1.88	14.5.88	1E7		Co	-Grt 438
119	NGUYEN VAN MAI Cha NGUYEN VAN HANG	1967 Saigon				KBC. 4377		27.1.88	27.5.88	1E8			-Chet 1973
120	MAI ANH THANH VU Cha MAI VAN THUNG	1970 Saigon 1940 Danang		Trg si		Ty CS Danang		27.1.88	27.5.88	1E8			-Chet 1974
121	DINH THI HONG HANH Cha DINH LE	1967 Saigon 1940 Q.ngai	60/096545	Trg si 1		TK. Gladinh		27.1.88	28.5.88	1E8			-Tu tran

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 10) (14)
122	HUYNH VAN TUAN Cha HUYNH THU	1964 Q,nam	57/220710	Binh 1		TD3/51BB		27.1.88	23.5.88	1E8			Tu tran
123	NGUYEN VAN PHUNG Cha NGUYEN VAN DEM	1971 Dong Th. 1942 K.phong	62/512255	Binh 1		TD67/BDQ		15.1.88	14.5.88	1E10			-Tu tran 1972
124	PHAM NGOC LINH Cha PHAM DINH HO	1968 Dongnai 1935 Th.binh	55/180591					16.1.88	14.5.88	1E10			
125	VO THI NHU QUNH Cho VO CONG DION	1968 Danang 1938 Hue			Trg.cuoc	Ty CS Danang		29.1.88	14.5.88	1E11			-O tai Ly
126	DUONG THI TRANG Cha NGUYEN BA HAO	1931 Ngh.binh 1921 Ngh.binh		Dai uy	Trg cuoc	-"-		15.1.88	14.5.88	1E11			-Hien o UC
127	NGUYEN THI KHANH Cha VU HINH	1953 K. An 1945 B.ninh		Trg si 1	Ban QS	Bo TTM		23.1.88	14.5.88	1E11			-Hien o UC
128	PHAN NGUYEN CHUONG Cha PHAN VAN NGHI	1970 1933	53/300660	Thieu ta	TDT	Cuc Tr.tin	6 nam	5.4.88	19.5.88	1F3			
129	TRAN VAN HOOC Cha TRAN VAN THIN	1973 1955 Hue	75/605688			KBC. 4324	3 ngay	5.4.88	19.5.88	1F3			
130	NGUYEN HOANG NY LINH Cha NGUYEN VA DUNG	1967 1942	62/709794	Dai uy	Trg Ban 2	KBC.4277		5.4.88	19.5.88	1F3			-Tu tran 1968
131	NGUYEN THUONG HOA Cha NGUYEN VAN QUE	1942 1935		Trg uy		TK. Khanh hoa		31.1.88	19.5.88	1F3			
132	HOANG THI KIM TUYEN Cha HOANG DIEP	1964 1934			Nhan vien	GAO		20.1.88	14.5.88	1F4			
133	VI THI THUONG Cha VI VAN NGUYEN	1961 1922	42/400029		Pho Th.muu	KBC 4039		20.1.88	14.5.88	1F4			
134	LE DUY DUC Cha LE DUY ANH	1969 Saigon 1924 Haiong				Ngan hang QGVN		20.1.88	26.5.88	1F4		Co IV 507329	

(to 11)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
135	BUI THI LE Cha BUI VAN DAU	1935		Trg si 1	CSQG	Nha trang	7 ngay	5.4.88	19.5.88	1F5			
136	NGUYEN THI HA HANH Cha NGUYEN VAN HAI	1936			CS Vien		9 3 ngay	20.1.88	14.5.88	1F6			
137	NGUYEN DUY NGUYEN Cha NGUYEN DUY KY	1968 1935				KBC 4420		20.1.88	14.5.88	1F6			
138	DO THANH KIET Cha DO THANH HONG	1963 Saigon 1936 Hue	56/130729			kBC 3529	5 nam	19.1.88	14.5.88	1F7			
139	TAT NGOC NAM Cha TAT QUOC THANG	1962 Saigon 1949	69/700290					18.1.88	14.5.88	1F7			
140	NGUYEN VAN SON Cha NGUYEN VAN TOA	1963 Cuulong		DPQ		My hoa Cuulong		18.1.88	14.5.88	1F7			
141	NGUYEN KIM HIEN Cha NGUYEN VAN HOANG	1973 Saigon 1954	74/162065	Binh 2		SD1 BB	9thg.	29.1.88	14.5.88	1F7			
142	PHAM THI HIEN CHAU Chg. NGO HUU LOC	1951 Saigon 1948 Hanam	68/144991	Trg uy		TK. Longan		19.1.88	14.5.88	1F8			
143	TRAN QUOC PHUONG Cha TRAN DUY PHO	1963 Saigon						20.1.88	14.5.88	1F7			
144	DANG DINH VUONG Cha DANG DINH KIEM	1964 Dalat 1948 Hadong	68/300102	Trg uy		TTHL/QTrung		19.1.88	14.5.88	1F8			
145	NGO THE DUNG Cha NGO HUU KHANG	1961 Kontum 1938 Hongai	58/100086	Trg si		LL/DacB.3419		19.1.88	14.5.88	1F8			
146	NGUYEN QUANG VINH Cha NGUYEN QUANG VU	1969 Sgigon 1951 Thuduc			C.sat vien	Ty CSQG Thuduc	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1F8			
147	PHAM THI NGOC MY Cha PHAM VAN PHA	1960 Saigon 1941Kontum	61/107287	Binh 1		BTL/CSQG	7 ngan	19.1.88	14.5.88	1F8			
148	NGUYEN HUU THANG Cha NGUYEN HUU DINH	1962 Saigon 1923 Q,Yen	STT 124	Dai uy		Ty Cg.ch.ThNghe	12 thg.	19.1.88	28.5.88	1G1			-Grt 16NV, hien o Germany

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 14) (14)
149	BUI TAN THUC Cha BUI DAC MAI	1968 Saigon 1938 B.dinh	58/107436		Giam doc	Ngan hang PTNN		19.1.88	20.5.88	1G1			
150	TRAN THIEN KHANH Cha TRAN THIEN KINH	1969 LongKh. 1938 H.binh	58A/700044	Trg ta	DVDN 933			16.1.88	25.5.88	1G2			
151	VU DUC TUAN KHOI Cha VU QUANG TRIEU	1974 Saigon		Trg si				10.1.88	25.5.88	1G2			
152	VU THI AI XA Cha NGUYEN AI	1969 Ngh.binh 1931 Ngh.binh						15.1.88	25.5.88	1G2			-Tu tran 1971
153	NGUYEN PHUONG QUOC Cha NGUYEN DINH THANG	1953 HNinh 1915 H.Ninh			Nhan vien	RNK/DRJ Kowp.		15.1.88	25.5.88	1G2			
154	CU THI PHUONG MAI Chg. TRAN VAN HIEU	1955 Saigon 1949 Cholon		Trg si 1		VP/CTTL	3 ngay	27.1.88	28,5.88	1G3			
155	PHUONG THI HIEN Cha PHUONG VAN RUA	1964 Tayninh 1938 Tayninh			Nghia quan	CK.Trg.bang		27.1.88	28.5.88	1G4			
156	DO THI KHUYEN Cha DO HUY	1956 Hue 1930 Hue		Trg si		Quang ngai		27.1.88	28.5.88	1G4			-Tu tran
157	NGUYEN DO THY THY Cha NGUYEN THANH	1962 Saigon 1952 Hue	72/211617	Th.uy	DDT		6 thg.	27.1.88	28.5.88	1G4			
158	DOAN THANH LUU Cha DOAN THAN DUNG	1958 Saigon 1934 H.dinh	58/6910 54/105476	Th.ta	Trg Ban 3	Trg. TSQ.10/12 QD. 3	3 ngay 8 nam	22.1.88	28.5.88	1G4			-Grt 176
159	NGUYEN THANH SON Cha NGUYEN VAN GAT	1962 Bentre 1935	STT.6795		Chu tich	Hoi dong K.Hoa	5 nam	19.1.88	30.5.88	1G1			
160	NGUYEN THI MY HUONG	1951 Lamdong						27.1.88	28.5.88	1G1			
	TRAN NGOC BAC QUYEN Chg. TRAN NGOC GIAO	1972 Lamdong 1942 V.ninh	62/415217	Dai uy	Ban 2	CK. Bao loc	6 ham	27.1.88	28.5.88	1G1			-Grt 86
161	UNG KIM LONG Cha UNG THANH LONG	1950 DongTh. 1926 Sadec	46/101140	Trg ta	CHT	CC/Ngo van San	9 nam	27.1.88	28.5.88	1G5			-Grt 233

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 13) (14)
162	NGUYEN THI NGUYEN Cha NGUYEN TAN HIENG	1972 A.giang 1942 Cantho	62/502270	Trg si		TTHL/Chilang	6 thg.	20.1.88	14.5.88	1G6			
163	NGUYEN THI DIEU TIN Cha NGUYEN HUU THOI	1964 Hue 1928 B.dinh			Dan bieu	HV. Quinhon	10 nam	2.438	19.5.88	1G7			
164	NGUYEN TU TUAN Cha NGUYEN TU THAI	1967 Saigon 1924 Danang			Phu DUTUTE			2.4.88	19.5.88	1G7			-Dang cai tao
165	TRAN THI PHUONG NAM Cha TRAN VAN NGHIA	1955 Danang 1920 Hue	40/023778		CHT	TTHL Duc my		2.4.88	19.5.88	1G7			
166	LAM TONG Cha LAM VAN Y	1962 Tayninh 1934 Daclieu		Dai uy		Ky su HH.V.tau	3 ngay	2.4.88	19.5.88	1G7			
167	KIM HOANG SON Cha KIM ONPA LYLAI	1977 Travinh	54/853317	HSQ		TK. Vinhbinh		2.4.88	19.5.88	1G7			
168	PHAN THI KIM CHI Cha PHAN NHU CHAU	1959 Pleiku 1930 N.binh			Trg Ty	Ty TT.Tuy hoa		2.4.88	19.5.88	1G7			
169	TRAN HONG THU Cha TRAN VAN THU	1966 Pleiku 1938			CSV.	CSQG/Q2/Saigon	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1G8			
170	PHAN CHAU HUY Cha PHAN HAN THACH	1969 Quinhon 1930 Quinhon	50/200011	Th.ta.	Th.tra	BCH/TKBinhdinh	6 nam6th	19.1.88	14.5.88	1G8			-Kv 214482 V.38245
171	NGUYEN HUU NHAN Cha NGUYEN HUU THOI	1959 Q.Nam 1928 B.dinh			Dan bieu	Ha nghi vienBD	10 nam	19.1.88	14.5.88	1G8			-IV 127612 V.34237 GrtQD165
172	NGUYEN THI MINH THU Cha NGUYEN TUYEN	1958 Hue 1930 Hue	50/074499	Dai uy		Cua khau Khu 2		19.1.88	14.5.88	1G8			-Grt 55/PT
173	NGUYEN THI THAO Cha NGUYEN VAN THAI	1961 Dalat			Nghia q.	Tuyen duc	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1G9			
174	NGUYEN QUANG HUNG Cha NGUYEN VAN CHON	1968 Dalat 1939 Hue						19.1.88	14.5.88	1G8			
175	NGUYEN THI TOAN Chg. TONG TUONG HOI	1954 Q.tri 1950 Q.tri	70/209518	Trg uy		ANQD.Q.duc	8 nam	17.1.88	14.5.88	1G10			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 14) (14)
176	TONG THI THU BA Cha TONG VAN CONG	1956 Q.tri 1919 Q.tri		Th.uy		Ty CSQG Q.tri		17.1.88	14.5.88	1G10			
177	NGUYEN TRUC PHUONG Cha NGUYEN TRUC THU	1966 Sadec 1939 Hue	59/102208	Dai uy	Trg.ban	Phg.DH.	3 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 1874/QD
178	NGUYEN HUU BINH HINH Cha NGUYEN HUU AU	1972 Q.tri 1941 Th.binh	61/110987	Trg uy	Bac si	TYV. Conghoa		31.1.88	14.5.88	1G11			-Cai tao mat tic
179	DO THANH TRI Cha DO THANH PHONG	1969 B.duong 1944 B.duong		Dai uy CS	CK.trg	CK.Phu hoadong	8 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			
180	NGUYEN DINH QUANG Cha NGUYEN DINH VINH	1959 Saigon 1935 Dalat	56A/109142	Dai ta	TL/DN	BTL/QD 4	13 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 91
181	NGUYEN HUNH TAM Cha NGUYEN VAN TRIEU	1961 Cong be 1929 HNinh	49/300809	Trg si 1		TD. Cong vu	5 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 1100
182	MAI HINH TUAN Cha MAI PHUOC HUNG	1958 Saigon 1935 H.dinh		Trg si 1	Ke toan	Nha V.Thong	3 ngay	31.1.88	25.5.88	1H1			
183	NGUYEN KY THU VAN Cha NGUYEN KY VONG	1968 Dalat 1939 V.tau	59/101867	Th.ta	TDT	TK. Gia dinh	5 nam	13.1.88	14.5.88	1H2			
184	LE THI YAN HUONG Cha LE HINH TAP	1967 Saigon 1940 Saigon	60/188631	Trg uy	CK.trg	CK.Kien Phong	3n 3thg	17.1.88	14.5.88	1H2			
185	NGUYEN THI HONG DIEP Cha NGUYEN VAN QUAN	1969 Dalat 1924 H.dong			CSQG	Ty CSQG Dalat	3 nam	15.1.88	25.5.88	1H2			
186	TRAN THI BICH OANH Cha TRAN HUU PHONG	1962 Darlac 1929 H.phong	49/300013	Trg ta	TK.pho	TK.Tuyen Duc	5 nam	13.1.88	14.5.88	1H2			-Hien o My
187	VU THI THUY VINH Cha VU VAN DUC	1955 H.an 1927 H.binh			CSQG	CK. Condao		20.1.88	25.5.88	1H4			- -"-
188	NGUYEN HUU THAO Cha NGUYEN DU THIEN	1963 Saigon 1929 Gantho	49/125057	Dai uy		TD.130 DP		17.1.88	14.5.88	1H6			
189	LE THI LE CHI Cha LE MAI HOACH	1961 1931 Q.tri	51A/600053	Trg ta		SD1 KQ.Danang	13 nam	31.1.88	25.5.88	1H5			
190	TRUONG KY Cha TRUONG NIENG	1960 Hue 1936 Hue	56/202437	Ha si 1		CK/KT/Hue	1 thg.	14.1.88	14.5.88	1H7			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
191	PHAM THI ANH Chg.NGUYEN VAN HAI	1934 Daria 1925 V.long		Trg ta	Truong ty	Ty AN QD.V.long	12n8thg.	20.1.88	14.5.085	1H7			
192	TRAN HUNG VIET Cha TRAN VAN HUON	1958 Saigon 19 7				Quan thue Saig.		17.1.88	14.5.88	1H7			
193	HUYNH VAN HOANG Cha HUYNH VAN KIEU	1960 Longan 1937 Long an	57/000843	HSQ.	Quan van		3 nam	17.1.88	14.5.88	1H8			
194	NGUYEN THI HINH PHUNG Cha NGUYEN HUNH VUONG	1958 Saigon 1932 Long an			Phu ta		3 ngay	20.1.88	14.5.88	1H8			
195	NGUYEN THI THU VAN Cha NGUYEN VAN GIO	1972 Saigon 1948	68/339475	Ha si 1		KBC		19.1.88	25.5.88	1H4			
196	DONG VAN BINH Cha DONG VAN GIAU	1975 Saigon 1950 Saigon		Trg si 1		BTL/Hai quan		19.1.88	25.5.88	1H4			- Da chet
197	TRAN THI BICH PHUONG Cha TRAN VAN HINH	1960 1935 H.duong	55/300055	Th.ta	Pho ty	Quan 3		31.1.88	21.5.88	1H5			
198	CAOTHI HONG HOA Cha CAO LUONG	1969 D.duong 1939 D.duong		Trg si 1		Hai quan		13.1.88	21.5.88	1H5			
199	LA THY LOAN Cha LA THANH	1964 Saigon 1938 V.binh	58/827815			KBC 4113		22.1.88	28.5.88	1J4			
200	BUI QUY HOANG Cha BUI QUY SAM	1960 Hue 1922 H.duong	42/300298	Th ta		Vung 2		22.1.88	28.5.88	1J4			-Chet
201	NGUYEN THUY HUONG Cha NGUYEN VAN CHAN	1967 Saigon 1933 D.thap				Co quan Hoa ky		22.1.88	28,5.88	1J4			
202	PHAN THI ANH TUYET Cha PHAN VAN TA	1962 DIF. 1930 HXB.		Thg si		KBC 4912		22.1.88	28.5.88	1J4			
203	NGUYEN THIN TRAM Cha NGUYEN VAN THO	1959 Saigon 1935 Hanoi						25.1.88	24.5.88	1J7			
204	NGUYEN THI SOAN Cha NGUYEN CONG KHAU	1959 B.duong 1934 H.duong	54/104506	Binh 1		TD1 Thiet giap		29.1.88	14.5.88	1J8			-Tu tran 1964
205	HOANG THU LAN Cha HOANG VAN PHAT	1970 D.nai 1942 n.binh	62/158402	Ha si	FD/HT.TOW	TD48/SD18		27.1.88	14.5.88	1J8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 16) (14)
206	PHAM THI NGOT Cha PHAM VAN LY	1955 Saigon 1917 N.binh			Nhan vien	So My		21.1.88	14.5.88	1H8			
207	PHAN NGOC HIEN Cha PHAN VAN DINH	1978 G.dinh 1940 N.binh	60/181120	Binh 2				2.1.88	14.5.88	1H8			
208	NGUYEN THI HIAM Cha NGUYEN VAN CUOT	1967 K.giang 1937 Ch.Th.						15.1.88	15.5.88	1H9			
209	LY VAN HOA Cha LY VAN TOM	1978 R.gia 1932 R.gia	52/191506	Trg si		TD426 DPQ	17 ngay	20.1.88	14.5.88	1H9		Co	-Grt 06173
210	NGUYEN MINH THANH Cha NGUYEN MINH DE	1958 G.dinh 1923 Th.b.			Trg ty	Trg.HLCHTD	5 n20ng	22.1.88	14.5.88	1H10			-Grt 00117702332
211	HOANG THI TUYET NGA Chg. BUI VAN PHAM	1941 H.noi 1933	53/266056	Trg ta	Pho TLC	LD/TQLC	5n 6thg	13.1.88	14.5.88	1H11			-Hen o Phillipine
212	HOANG GIA KHANG Cha HOANG GIA CAT	1973 Saigon 1943	63/188549	Trg uy	Trg Ban	Tg.Nha Taichanh	4n 5 thg	13.1.88	14.5.88	1H11			-Grt 111
213	LUU VAN HAI Cha LUU SUNG	1971 Saigon 1933 Hue			Tai xe			15.1.88	25.5.88	1J2			
214	LE THANH TUNG Cha LE VAN HO	1963 Nha trg 1944	64/600270			KBC.2136	2 ngay	31.1.88	25.5.88	1J2			
215	LAM THI DUC Cha LAM QUOC THUY	1975 V.long 1943 N.binh	63/187395	Trg uy	Tr.tin	TD466DPQ	5 nam	31.1.88	25.5.88	1J3			-Grt 335
216	DINH QUANG KHOI Cha DINH VAN DANG	1959 Saigon 1917 N.ninh	37/284660	Dai uy		TK. Giadinh		31.1.88	25.5.88	1J3			
217	HUYNH BUU TRI Cha HUYNH BUU LY Me NGUYEN THI HONG PHAM	1965 1941 Ch.doc		Trg si 1	Nhan vien	KBC.4039 Ty CSQG Sadec	1 thg.	10.1.88	15.4.88	1J8			
218	DANG XUAN KHANH Cha DANG XUAN TOAI	1970 D.nang 1938 D.nang	58/106305	Dai uy	LDT	TK.Quang tin	11 ngay	20.1.88	21.5.88	1J8			
219	BUI THI NHU PHUONG Cha BUI TIEN	1963			Pho HC.	Quan Tin duc		25.1.88	14.5.88	1J8			-Chet

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	td(17) (14)
220	BUI THI MIU PHAN Chg. NGUYEN HANH TUAN	1958 D.nang 1942 Q.ninh	62/208265	Dai uy	Trg Ban 2	TD6/SD2BB	8 nam	25.1.88	14.5.88	1J8			
221	PHAN THI KIM LOAN Cha PHAN VAN BIEN	1969 Saigon 1933 B.chu	92217	Trg si 1		Q.7 Saigon		22.1.88	25.5.88	1J9			-Grt 063
222	NGUYEN THI NGUYET Cha NGUYEN VAN TIEN	1960 B.duong 1937 H.hung			Pho Ap	Ap Th.Hoa B.Hoa	1n 6 thg	22.1.88	25.5.88	1J9			-Mat tich 1977
223	VU THI SA Chg. DINH NGOC LE	1954 Saigon 1946 B.chu			Chu tich	Dang DC.Kien hoa	4 ng.	22.1.88	25.5.88	1J9			
224	NGUYEN DAC TIEN Cha NGUYEN VAN LAM	1971 Saigon 1928 HIN.	22055	CSQG		Cang Saigon		15.1.88	25.5.88	1J10			
225	TRAN VAN TOAI Cha TRAN VAN GIAN	1964 C.tho 1935 C.tho	55/569748	Ha si		LD7 CB.	17 ng.	13.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 124
226	LE QUANG BINH Cha LE QUANG VIEN	1971 D.nang 1929 BTT.	49/202429	Th.ta		Tong Kho QuanVanDI	2nam	16.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 114/LT
227	DAO TRONG NGHIA Cha DAO TRONG HAU	1966 1943 H.hung			Phong vien	Dai Tr.hinh VN	3 ngay	16.1.88	25.5.88	1J10			
228	LY NHUT Cha LY NY	1971 C.tho 1942 C.tho			Hieu trg	Trg.Phung Hiep	34 ngay	13.1.88	25.5.88	1J10			- Grt 101
229	TRUONG THI MINH TUYET Cha TRUONG NHU TONG	1963 1936 C.tho	56/156031	Th.uy	Quan tri	TD481 TK.Baclieu	2 nam	13.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 487
230	BUI PHINGA Cha BUI THIEN TUONG	1964 T.giang 1923 B.tre	43/101698	Th.ta		Can cu Long binh		27.1.88	28.5.88	1M1			IV 528784 -Da chet
231	TRUONG NGAN HOA Chong TA KIEN HOA	1940 S.be 1947 Saigon	67/802866	Ha si 1		TD 6 QC/BK.Thudo	7 ng.	27.1.88	28.5.88	1M1			-IV 43661 -CN 85HQ3/CN
232	NGUYEN DUNG VI Cha NGUYEN MAN CO	1969 Saigon 1941 hue	61/204311	Trg uy		Biet phai BD.	2n.8thg	22.1.88	28.5.88	1M2			-Grt 256/QG
233	BUI HUY PHONG Cha BUI KIM PHUOC	1969 L.khanh 1945 Sadec	65/513196	Thg si 1		Ty AN/QD/Sadec	6 thg.	22.1.88	28.5.88	1M2			-Grt 159/LT
234	LE KHOI NGUYEN Cha LE CONG QUAN	1975 Saigon 1943	63/473062	Trg si		TT.TU/DPQ		22.1.88	28.5.88	1M2			-IV 087155

(to 18)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
235	CAN QUOC DUNG Cha CAN VAN DE	1960 Saigon 1932 Ha tay	52/304198	Chuanuy		TD42/SD22BB	3 ngay	22.1.88	228.5.88	1M3		Co	-Grt 519
236	PHAN BICH THUY Cha PHAN VAN HAO	1960 Saigon 1939 Saigon			Trg ban	Tong vu CSQG	3 thg.	20.1.88	28.5.88	1M3			
237	TRAN THI NGOC HUONG Cha TRAN TIEN	1966 Pleiku 1937 Q.nam	57/104253	Trg si 1		BCH/TK/Pleiku		22.1.88	28.5.88	1M4			
238	TRAN MINH TRI Cha TRAN VAN DIEU	1964 G.dinh 1934 B.tre			Nhan vien	So My		22.1.88	28,5.88	1M3			-IV 4405 V.20997
239	VU THI SUOT Cha DAO MANH TRUNG	1957 Saigon 1951 Ha noi		Trg uy		Doan G1/SD1KQ		31.188	28.5.88	1M5		Co	
240	VO NGOC MAN Cha VO VAN BINH	1967 Saigon 1942B.hoa	62/151276	Dai uy	T.Doan Pho	TK. Quangda	7n 7thg.	31.1.88	28.5.88	1M8			-Grt 1165/Grt
241	PHUNG THI ANH TUYET Cha PHUNG VAN TUCI	1969 Saigon 1944 Saigon			Cong chuc	Ty B.dien		16.1.88	25.5.88	1M5		Co	
242	NGUYEN THI HONG Cha NGUYEN MIEN	1967 Saigon 1941 Q.binh	61E/196624			BCH4TV		31.1.88	25.5.88	1M5		Co	
243	PHAM THE TUNG Cha PHAM THE HUNG	1959 Saigon 1929 My tho	49/125100	Dai uy	TD Truong	TD22/PB	6 thg.	31.1.88	25.5.88	1M8			-IV 36984 -QD 15/NV ?
244	TRAN THI THANH THUY Cha TRAN VAN THANH	1961 Saigon 1923 H.noi	43/301780	Trg ta	Trg.khoi	Trg. CTCTDalat	5 nam	31.1.88	25.5.88	1M8			-IV 36984 -IV 36984
245	DINH PHUC THINH Cha DINH KHOA	1967 BMT 1935 N.binh	55/101566		Pho TS	BTL/CSQG	3 ngay	16.1.88	14.5.88	1M9			-003313/CN
246	DINH HOAI HUYEN TRANG Cha DINH VAN THIET	1967 Saigon 1939 K.an	59/154776	Thg si 1		TD1/SD/BB	10 ngay	14.1.88	14.5.88	1M9			-IV 501945 -Grt 2360
247	DANG NGOC QUANG Cha DANG NGOC TU	1969 H.nghia 1941 q.ngai	61/211762	Th.ta		SD25BB	8 nam	19/1/88	14.5.889	1M9			-Grt 143
248	BACH THI MY Cha BACH HUONG	1957 Hue 1941 Hue.				KBC.6084		14.1.88	14.5.88	1M9			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 19) (14)
249	DANG DICH NGOC Cha DANG NGOC NGHIA	1964 Saigon 1927 N.dinh	47/211251		Cong chuc	Cty XaB.saigon		31.1.88	25.5.88	1M10			
250	NGUYEN THI TUYET Cha NGUYEN HUU CHINH	1961 D.nagg 1930 S.tay			Tho ky	Cuc Congbinh	4 ngay	31.1.88	24.5.88	1M10			-IV 075038
251	VU CONG KHOI Cha VU NGOC NGOAN	1970 Saigon 1934 N.dinh	54.400679	Th uy			1 thg.	31.1.88	25.5.88	1M10			
252	TRAN THI THANH HAI Cha TRAN TRONG HUAN	1952 H.phong 1918 P.diem			Chu su	Cq.TV/Trguong	3 ngay	31.1.88	25.5.88	1M10			-IV 536023 Gcn 15299/Gn
253	NGUYEN QUOC TAN Cha NGUYEN VAN TIN	1957 Darlac 1933 B.hoa	53/140372	Dai uy	SQ.Th.Kan	P.HCTC/Tg.Nha	2 nam	2o.1.88	25.5.88	1K1		Co	-Grt 213/QH
254	NGUYEN THI THU NGUYET Cha NGUYEN VAN KIM	1964 B.duong 1928 L.an	114813	Trg si 1	TD.truogg	SD43 BDQ		2o.1.88	25.5.88	1K1			-IV 218169 -Tu tran
255	NGUYEN HINH PHUOC Cha NGUYEN VAN TRIEM	1967 C.mau 1937 T.Hoa		Thg si 1	Can su			16.1.88	25.5.88	1K1			
256	NGUYEN NGOC CAN Cha NGUYEN DON	1958 BT.Thien 1922 BT.thien	43/200637	Th ta		Giai ngu 1974	2 thg.	13.1.88	25.5.88	1K1			
257	TRINH KIM HANG Cha TRINH VAN KIM	1959 Saigon Ha noi				Thg Tan ABC		22.1.88	28.5.88	1K2			-Hien o My
258	NGUYEN THANH TAM Cha NGUYEN THANH TUAN	1971 D.thap		Trg si				27.1.88	28.5.88	1M2			-Hien o My
259	NGUYEN VAN TINH Cha NGUYEN VAN TAN	1957 B.thuan 1927 T.hoa			Nhan v en	So My		27.1.88	28.5.88	1K3			
260	NGUY N XUAN QUOC BAO Cha NGUYEN XUAN HUYEN	1973 Q.nhon 1942 Hue			Giao Vien	Trg Kt.Q.nhon		27.1.88	28.5.88	1K3			
261	VO THI THONG Chg. LE HUE	1937 H.tinh 1937 H.tinh	57/403487	Ha si		TD382 DPQ.GD		27.1.88	28.5.88	1K3			
262	LE MINH MAN Cha LE VAN SU	1961 V.tau 1936 V.tau	56/131414	Dai uy	Trg phong	TL.Quan Nhac		27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 524650 Grt 19577
263	DUONG TUYET TRINH Cha DUONG VAN PHUOC	1973 Sa gon 1938 Ph.penh			Cong chuc	So Ngoai kieu		27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 132587

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 20) (14)
264	TRAN ANH TUAN Cha TRAN CHOC MINH	1969 X.loc 1944 L.son	64/158833	Ch uy		SD18BB	2 nam	27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 526287
265	HO QUI HUOI Cha HO HUONG LONG	1954 B.thuan		Thg si 1				27.1.88	28.5.88	1K4			
266	PHAM THI LE QUYEN Cha PHAM CONG DINH	1959 R.gia 1957 T.binh		Thg si		LD66TT	3 thg.	25.2.88	19.5.88	1K5			
267	HOANG THI THU THAO Cha HOANG VAN HOE	1968 Saigon 1936 B.chu		Trg si 1		BTL/CSQG	7 ng.	24.1.88	1.6.88	1K5			
268	PHAM THI CHIEN Chg. NGUYEN DUY HOANH	1947 1947 G.vo	67A/700174	Ha il		CCYTTV nha be		16.1.88	25.5.88	1K5			-Hien o My
269	TRAN THI HUONG Chg. HO HIU HHUNG	1952 Q.tri 1953 Hue		Th uy		SD3 KQ.	3 nam	17.1.88	25.5.88	1K6			-Hien o My
270	TRAN VUONG VU Cha TRAN DUY CAT	1967 Saigon 1940 T.binh			V.nghesi		6 namlth.	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 58033 -V. 16597 Grt3233
271	HO TRANDIEN SON Cha HO TRANG	1968 Hue 1938 Hue	58/202089	Th ta	CK/trg.	Chi khu D.khanh	8 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 212784 -Hien o My
272	TRAN DINH QUOC BAO Cha TRAN DINH MINH	1974 Hue 1945 Hue	65/172945	Th uy		Tinh Q. tri	6 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 94495 -V 27084
273	VO HAI Cha VO TOAN	1967 Hue 1942 Hue		Dai ta	TD.trg.	TD1/SD1/QD1		19.1.88	14.5.88	1K7			-Mat tich 1975
274	BUI QUOC KHANH Cha BUI CHU	1968 V.tau 1940 K.son			Trg.Ty	Trg Ty CV A.xuyen	6 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 029088
275	LE THI TUYET MAI Chg. NGUYEN VAN MINH	1944 Q.ngai 1943 Q.ngai	158860	Th ta	Chu su	Nha GS.Mien dong	8 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 205092 V.47039 o My
276	HUYNH THI HIEN Cha HUYNH VAN TUNG	1960 C.doc 1932			HD/ND	Phu an/Chau Doc		15.1.88	25.5.88	1K9		Co	
277	DOAN THI THUY PHUC Cha Mr. SKEY	1968 C.lai		Sergent		Co van T/Q.tin		19.1.88	25.5.88	1K9			
278	HO THI CHAU DUNG Cha HO VINH CHAU	1975 Saigon 1951 Q.nam	71/109095	Th uy		TK. Q.nam	31 thg.	15.1.88	25.5.88	1L3			-Grt 121/QD3/4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 21) (14)
279	QUACH THI NGOC HAI Cha QUACH VAN THANH	1966 Saigon 1939 H.dong	59A/151594	Th ta		Trg VB Dalat	8n.6 thg.	15.1.88	25.5.88	1L3			Grt 632
280	DAM THU HOP Cha DAM KINH	1956 Saigon 1923 B.ninh	43/200296	Th ta	Trg Ph.HL	Bo TTM		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	Grt 0055MS/T5
281	NGUYEN HUU CHUONG Cha NGUYEN VAN THUAN	1956 Dalat 1920 H.noi		Cong chuc		PDU/TD/TU		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	
282	NGUYEN THI YEN NGA Cha NGUYEN VAN BUOI	1968 Hue 1944 Hue	64/000701	Trg si		Giai ngu		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	25.1.74
283	PHAN HONG HOA Cha PHAN VAN THUYET	1960 Saigon 1934 T.binh		Cong chuc	Tham su	Bo Thg-tin		15.1.88	25.5.88	1L6			IV 057422
284	NGUYEN VAN SANG Cha NGUYEN VAN TU	1964 C.long		Nhan vien	CSQG	TraOn C.long		15.1.88	25.5.88	1L6			
285	HOANG THI HAN Cha HOANG VAN TRIEU	1965 D.nang 1927 HN.ninh		Trg si 1			3 ngay	16.1.88	25.5.88	1L6			
286	NGUYEN VAN LOI Cha NGUYEN VAN QUI	1972 Saigon 1927 H.duong	47/301721	Th uy			2n.6thg	12.1.88	25.5.88	1L6			Grt 5/QG3/16
287	PHAN HUY HOANG HAI Cha PHAN HUY MY	1972 B.hoa 1943 H.duong	63/100318	Dai uy	DDT	TD373DPQ	5 nam	19.1.88	14.5.88	1L7			IV 114336 Grt 1547/Grt
288	VU BA CUONG Cha VU BA YEN	1967 B. hoa 1939 H.phg.	59/600492	Thg si		Ph4/SD5DB	3 ngey	16.1.88	25.5.88	1L6		Co	
289	DINH THI THU HOA Cha DINH CONG KHANH	1974 Saigon 1942	62/100526	Trg si 1		SD21DB	3 ngay	16.1.88	25.5.88	1L6			GEn 45943/CN
290	LAI HIEN DUONG Cha LAI QUOC THAI	1955 Sa gon 1917 T.binh		Luc su		Bo Tu phap		15.1.88	24.5.88	1L11			IV 511517
291	TRUONG THI TUONG VI Cha TRUONG CHI LAM	1966 Sa gon 1925 T.Thien	45/300282	Trg ta	YS Trg	Bo QP	3 nam	23.1.88	14.5.88	1L8		Co	Grt 83/QD
292	LAI HOANG TUAN Cha LAI VAN TU	1969 Nam vang		CS/DC		Saigon		15.1.88	14.5.88	1L7		Co	
293	NGUYEN THI HUE Cha NGUYEN DINH SU	1961 T.duc 1928 H.dong	377736			TD4 CTCTQD4	4 thg.	2.4.88	19.5.88				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 22) (14)
294	NGUYEN NGOC HIEP Cha VU NGOC TUY	1963 Saigon			Tg.Tho ky	Nghi V.HD/GD	10 nam	2.4.88	19.5.88				
295	NGUYEN THUONG DUNG Cha NGUYEN VAN DAN	1970 G.dinh 1949	69/126466					27.1.88	27.5.88				-Tu tran 1975
296	VO THI KIM LIEN Chg. LE HIEU QUANG	1948 Dalat 1942 C.tho	62/149680	Dai uy	DDT	TD407TK/PD	7n.4thg	28.4.88	19.5.88	2E5			-V.36975 -IV 80767 Grt 177
297	NGUYEN THANH LIEM Cha NGUYEN THANH NHUT	1969 Saigon 1942 G.cong	62A/115754	Trg si	Nhanvien	Hg.Khg.DS	10 ngay	28.4.88	19.5.88	2E5		Co	-CTGN 2P65CHT -KS 6942
298	NGUYEN THI LIEN Cha NGUYEN VAN THANH	1959 Saigon 1926 Cholon			Nhan vien	Bo Y te		28.4.88	19.5.88	2E5			-
299	NGUYEN NGOC PHU Cm NGUYEN NGOC ANH	1948 Saigon 1953 Saigon	73/161114	Binh 2	Tho ky TL	Dia Phg Quan	4 ngay	28.4.88	19.5.88	2E5			-Grt 3182
300	TRAN VAN HOA Cha TRAN VAN HO	1963 Hue 1926	FSL-7/3			Am.Consult Hue		6.2.88	19.5.88	2D2	DT00854		
301	TRAN DUAN HUNG Cha TRAN TRAN Me DUONG THI THUY	1962 Saigon 1935 P.yen 1938 C.tho	55/009241	Trg si 1 Tho ky	Tg.d.vien Dien Th.vien	LH/QS 4 ben Nha Y te CC/Sg	3 ngay 3 ngay	9.2.88	19.5.88	2E1	BT00843	Co	-IV 090436
302	LE THI NGOC DIEM Cha LE PANH THIET	1969 1944		Trg uy	CHT(	Nga 5 Ch.cho	7 nam	10.2.88	19.5.88	2E9			
303	HUYNH THANH TAM Cha HUYNH VAN TUONG	1960 Saigon 1934			Q. Trg	Quan Duc Tu	9 nam	31.1.88	19.5.88	2E7			
304	DUONG HOANG HA Cha HUONG HOANG CHAU	1962 T.vinh 1939		Dai uy	DDT	TK.Lamdong		2.10.87	19.5.88	2D6			
305	TRAN THI THU THAO Cha TRAN PHUC	1968 Kontum		Trg si 1	Pho T.Toan	B15 Kontum		6.2.88	19.5.88	2D6			-Tu tran 1968
306	VU DAC TAN Cha VU NGUYEN DAN	1968 Saigon	30/[illegible]00636	Trg uy	Trg Ban 1	TK Bien hoa	5 nam	22.4.88	19.5.88	2J5			
307	NGUYEN HOANH CHAU Cha NGUYEN TOI HIEN	1958 1930		Trg si 10		Bo TL/CSQG	234 ng.	14.4.88	19.5.88	2G9			

To(23)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
308	NGUYEN THI THO Chg. NGUYEN DUC	1952 1950		Binh 2		LD Du Saigon		28.4.88	19.5.88	2E2			Tu tran 17.2.75
309	NGUYEN THI NGOC THAO Cha NGUYEN DUC	1972 1950		Binh 2		LD Du Saigon		28.4.88	19.5.88	2E2			Tu tran 17/2/75
310	NGUYEN VAN GNHIEM CHINH Me TRINH TUYET HAI Cha NGUYEN VAN NGHIEM	1963		Can su Th ta	Thu y Trg Ban 3	TD&TQ LC		10.2.88	19.5.88	2A2			Tu tran 1970
3 311	NGUYEN THI PHUONG GIANG Cha NGUYEN VAN XEP	1987	36/013998	Dai uy	DDT	TK. Tay ninh DD3/2TT/DPQ	6n3thg	10.2.88	19.5.88	2A2			
312	NGUYEN THI THUAN THAO Cha NGUYEN VAN PHUOC	1962	56A/600066	Trg si		Phi trg. TSN.		10.2.88	19.5.88	2A2			
313	LUU THI TUYET HANG Cha LUU HOAI PHUONG	1966		Dai uy	Trg PhongANQDCantho			10.2.88	19.5.88	2A2			
314	NGUYEN THI LAN PHUONG Cha NGUYEN VAN THIET	1961			Trg Cuoc CSQG Tay ninh			10.2.88	19.5.88	2A2			
315	VU THI PHUONG KHANH Cha VU VAN VAN	1961			Trg Ty Buu	Dien		10.2.88	19.5.88	2A2			
316	TRAN VAN THANH Cha TRAN VAN LANG	1963		Nghia quan	Tieplieu	Di CK. Vinlinh		1.2.88	19.5.88	2A6			
317	TRAN ANH BINH Cha TRAN VAN CHINH			Nha Vien	thong Bo Noi	-Vu		2.4.88	19.5.88	2A1			Tu tran 1972
318	PHAM VAN KIET Cha PHAM VAN THAM	1972		Trg uy	PCK.Trg.Xa	Tan My TK.Sadec	5 nam	8.4.88	19.5.88	2A9			
319	NGUYEN THI ANH DAO Cha NGUYEN PHU QUOI	B.Hoa	58/600449	Thg si 1	Ch.V/KT	BCH/KT/KQ		2.4.88	19.5.88	2A1			
320	DUONG QUANG HIEP Cha DUONG BA NGOAN	1973		Ha si 1				10.2.88	19.5.88	2A9			
321	TRUONG THANH HAI Cha TRUONG KY	1956 Th.thien	40591	Thg si	Trg.Ban KH	UB.Phg.Hoang	Camranh 4 thg.	2.4.88	19.5.88	2A1			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 24) (14)
322	LE-HUUD DO Cha LE VAN TIEN			Danh thac	Vien Buu Dien	Saigon		2.4.88	19.5.88	2A1			
323	NGUYEN PHU QUOC Cha NGUYEN PHU QUOI	Bien hoa	58/600449	Thg si 1	ChV/KT	BCH/KT/KQ		2.4.88	19.5.88	2A1			
324	NGUYEN THI NGOC THUY Chg.NGUYEN TIEN CHAM	1957		Dai uy	Doan Trg.Ban	Quan nhu	5 nam	10.2.88	19.5.88	2A9			
325	NGUYEN QUOC THY Cha NGUYEN TIEN CHAM	1983 Saigon		Dai uy	Doan trg.Ban	Quqn nhu	5 nam	10.2.88	19.5.88	2A9			
326	NGO THI TUYET HONG Cha NGO THANH HAI	1971	264300			DD8BD222		10.2.88	19.5.88	2A9			
327	NGUYEN THI THU THUY Cha NGUYEN TRONG THIN	1971 Th.thien 1929	49/001727	Th ta	CHT		11n6thg	10.2.88	19.5.88	2C6	BT00015		
328	NGUYEN LE TRONG HOANG Cha NGUYEN TRONG THIN	1972 Saigon 1929	49/001727	Th ta	CHT		11n 6thg	10.2.88	19.5.88	2C6	BT0 0815		
329	TRAN QUY PHONG Cha TRAN VAN HOI		53A/104969	Ha si		CK/Thu duc	3 ngay	10.2.88	19.5.88	2C6			
330	CAO VAN CAM Cha CAO VAN DINH	1981 1937		Ha si			3 ngay	10.2.88	19.5.88	2C6			
331	NGUYEN VAN HOAI Cha NGUYEN VAN CHIEU	1971 Hue 1933	53/203883	Dai uy		So HCTC	2 nam	28.1.88	19.5.88	2C6			
332	NGUYEN THI KIM HONG Cha NGUYEN LONG HOAN	1960 1930		Thg si	Y ta	Q.Y V.Q.nhon	15 ngay	2.4.88	19.5.88				
333	LUU THI LAN Chg. VU THANH VIET	1953		Ha si	Ban HCTC	TD5 Nh.du	10 nam	21.2.88	19.5.88				
334	VU TRUONG THINH VU THI BICH MAI Cha VU THU TUYET	1967 Saigon 1966 Saigon 1930	50/600222	Thg si 1	Trg ban	KD30 TL	3 ngay	31.1.88 31.1.88	19.5.88 19.5.88	2D8 2D8			
335	TO MANH DE Cha TO VAN DE	1967		Dai uy	Chu su P.KT	BCH/CSQG/Q8	8n11thg6ng	6.2.88	19.5.88	2D8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 25) (14)
336	NGUYEN PHUONG THAO NGUYEN PHU THINH Cha NGUYEN PHU THO	1969 Hue 1972 Hue 1941	61/100578	Trg ta	TK pho	TK.Dinhtuong	12 nam	12.3.88 12.3.88	19.5.88 19.5.88	2D8 2D8			
337	DO THI KIM LOAN Cha DO VIET NINH	1969 Saigon	63/400857	Thg si				9.2.88	19.5.88	2D8			
338	NGUYEN VAN CHAU Cha NGUYEN VAN TINH	1972	266677					2.4.88	19.5.88	2B6			
339	NGUYEN DO DUY HAI Cha NGUYEN VAN DOI	1973 Saigon						9.2.88	19.5.88	2			
340	NGUYEN VU MINH HUNG Cha NGUYEN HAO KIET	1974		Trg uy	Trg Ph.NC	CSQG/HN	8 nam	5.2.88	19.5.88	2B9			
341	NGO TRONG QUOC NGO TRONG DANH Anh NGO TRONG NHON	1966 1972		Binh 1				6.2.88 6.2.88	19.5.88 19.5.88				-Tu tran 1974
342	NGUYEN THI ANH LAN Cha NGUYEN VAN TRI Anh NGUYEN VAN GIAN	1963 Saigon						6.2.88	19.5.88				
343	TRAN VU HA Cha TRAN VAN KINH Anh TRAN ANH KIET	1956 Saigon		Dai uy Trg uy		So QN Q.tri Toa HC Kontum	5 nam 6 nam	6.2.88	19.5.88				
344	PHAM THE HUNG Cha PHAM VAN TRIEU	1969	69/050322		CSQG	An giang	4 nam	12.2.88	19.5.88				-Chet trong tu
345	TRAN THI PHUONG Anh TRAN PHUONG TRUONG	1969 Saigon	69/602239		To truon g	KD30/Baotri	3 ngay	12.2.88	19.5.88				
346	TRAN PHUONG NAM Anh TRAN PHUONG TRUONG	1971 Saigon	69/602239		-"-	-"-		12.2.88	19.5.88				
347	LAI THI QUYNH LIEN Cha LAI NANG NHUONG	1963 Saigon	49A/118272	Ha si 1	Trg ban 1	LQ/Congxuong	1 thg.	31.188	19.5.88	2E7			
348	LAI TIEN DUC Cha LAI NANG NHUONG	1972 Saigon	-"-	-"-	-"-	-"-	-"-	31.1.88	19.5.88	2E7			
349	PHAM BA NAM Cha PHAM VAM HUU	1957	41/300795	Thg si		TK.phuoc tuy		10.2.88	19.5.88	2A2			-Giai ngu 1970

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 26) (14)
350	VO QUANG TUYEN Cha VO QUANG TUONG Me TRUONG THI TIEN	1961	52/600170	Trg ta	Pho phong	SD6 Khg Quan Thau BV Phi co	8n6th6ng.	31.188	19.5.88	2A5			
351	NGUYEN GNOC TU Cha NGUYEN VAN QUYNH	1961 Hue	103187	Trg si 1	Canh sat	Quan 1 Hue		8.2.88	19.5.88 ~~8/2/88~~				
35 352	TRAN DINH CHUONG Cha TRAN VAN XUAN	1972 1944		Dai uy	TD pho		7 nam	2.4.88	19.5.88	2E6			
353	NGUYEN THI HUE Cha NGUYEN DINH SU	1961 1928	377736		Tai xe			2.4.88	19.5.88	2E6			
354	VU NGOC HIEB Cha VU NGOC TY	1963 Saigon 1929	49/395572	Nghi vien	Hoi dong TTK	tinh G.dinh	9 nam	2.4.88	19.5.88	2E6			
355	BUI THANH MAI Cha BUI VAN LUC	1971 1949	69/102398		Thong dich	C.nh.VT Bien hoa	3 ngay	10.2.88	19.5.88	2A9			
356	HUYNH HAN KIET Cha TRAN VAN	1967		~~Tai/xe~~ Tai xe		~~Phi/truong~~ Phi truong		21.1.88	19.5.88				
357	NGO QUANG DINH Cha GNO VAN DIEN	1971 Saigon	54/402919	Th tuy		TK Bien hoa		1.2.88	19.5.88	2K9	BT001156		
358	DO BICH THUY PHAM LE TAM Cha PHAM VAN CHAI	1957 1970 Saigon	53/302425	Trg si 1	Y ta	Q.YV.T.Ng.Minh	3 ngay	1.2.88 1.2.88	19.5.88 19.5.88	2K9 ~~BT 001078~~ 2K9 BT 001078			
359	PHAM THI NGOC Cha PHAN VAN CHAI	1958 Saigon	-"-	-"-	-"-	-"-	-"-	1.2.88	19.5.88	2K9	BT 001078		
360	LE THI THANH THAO Cha LE MINH DUC	1969	61/106009	Dai uy	DDT	TD30 Bienhoa	3 nam	1.2.88	19.5.88				
361	LE QUANG HUONG DUYEN Cha LE QUANGTHI	1971	46/201098	Dai ta	TN pho	QD1	12n 3thg	26.1.88	19.5.88	2F7	BT00977		
362	NGUYE I TRAN HUNG Cha NGUYEN TRAN HUE	1969	48/203381	Trg ta	Trg Ph.DT	Bo TTM	9n2thg	26.1.88	19.5.88	2F7	BT00976		
363	LE THI XUAN LIEN BUI LEUYEN BUI LE DUNG BUI LE HOANG Chg.+Cha BUI MAI	1950 1969 1975 1983	63/411236	Dai uy	Trg b.TT	Chi K.Annnhon	5 nam	21.1.88 -"- -"- -"-	19.5.88 -"- -"- -"-	2F7 2F7 2F7 2F7	BT00975		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
367	Phan thi xuan Trang cha Phan canh khau	1966	52/205033	Th. Ta	Truong B.1	BTTM	6N.	26.1.88	19.5.88	2E7	001006		
368	Phan Quynh - Tram cha Phan canh khau	1973	52/205033	Th. Ta	Truong B.1	BTTM		26.1.88	19.5.88	2E7	001006		
369	phan huu Hoan cha phan huu Hoa	1957	340219			Q.CAN DUOC L.A		26.1.88	19.5.88	2F7	00900		
370	Vu Tru cha Vu - TONG	1963 Saig 1931 HN	51/120847	Th. my	K.T.S.D		6N.	10.2.88	19.5.88	2D7	00914		
371	Nguyen thi Bich Ngan cha Nguyen van Ky	1956 Saig 1918 HN			nha T.V	TC. CT. CT	Thon C.T	10.2.88	19.5.88	2F7	00872		
372	Chung - Lan - Huong chg. Pham-anh-Tuan	1948 1945	65/129496	Th. Ta	T.Q.L.C	TD3		6.2.88	19.5.88	2D8	00855		Tử Tran 11.9.72
373	Dang van Sang chg. Vo.van.Ut	1945 R.Gia 1941 R.Gia				P.D.U TW.T.B.	10N.	4.2.88	19.5.88	2D6	00842		
374	Nguyen vo van Tien vợ Nguyên thi Tuyet	1924 1942 Tr.vinh		Th. Ta		CIA	8N.	1.2.88	19.5.88	2D6	00870		
375	Tran quoc Tuan Tran Khanh Du cha Tran van Dong	1958 1960 1919 HNN		Thg. Si I	Bưu cục	B-Hoa		9.5.88 "	19.5.88 "	2D5 "	00911 "		
376	Nguyen thi Hoa cha Nguyen Vien	1968 Saig.			So My	cam Ranh		9.5.88	19.5.88	2D5	00901		
377	Nguyên thanh Hung cha Nguyen van Hai	1961 T. Hai 1941 B. Lieu	61/100004	Tr. uy	DDT	nhay Du	6N	9.5.88	19.5.88	2D5	00938		
378	Huynh thị My Dung cha Huynh Ban	1962 DN 1926 DN			R.M.K	Saigon		9.5.88	19.5.88	2D5	00678		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	Tổ 28 (14)
379	Nguyen thi Bich Thuy Nguyen Thien NGhien	1971 L.C 1943	144141				6N	9.5.88	19.5.88	2D4			
380	Truong thi - Hồng cha Truong van Oanh	1958 Saig. 1943 B.Ninh	63/001444	Th. Ta	Q.Trg	c.k. Lac Duong	13N.		19.5.88	2F6	00863		
381	Nguyen thi Kim chồng Nguyen van Thành	1931 T. Binh 1925 T. Binh			N.Vien	T. Gia Dinh	2N. 6th		19.5.88	2F6	00863		
382	Nguyen thi Nga Nguyen binh Hoang cha Nguyen binh Hoa	1963 B Duong 1965 B. Hoa 1940 P. Nhac	60a/101390	Dai uy	DDT	DD/THD/QDIII			19.5.88 19.5.88	2F6 2F6	00052 00053		T.P. Binh 68
383	Dang th. Binh Dang van Thinh	1970 1941	61a/145.549	Dai uy	Tr.b. CT.CT.		9N.		19.5.88	2F6	00898		
384	Huynh chi Thanh cha Huynh van Hieu	1968 1935	55/161323	Ha Si	Tai xe	LD10 VTai	3mg.		19.5.88	2F6	001051		
385	Vo - hue - Tien cha Vo manh - Luong	1966 T. ninh 1935 L. An		Ha Si		DD314 DPQ	7ng.	5.2.88	19.5.88	2C2	00826		
386	Le Thi minh Kim cha Le van Tien	1955 1932		Tr. uy		3TL.CSQG		25.2.88	19.5.88	2C5	00747		Dang cai tao
387	Le khac an Binh cha Le khac an	1968 1941	61/420518	Th uy	B1	DK. C.Ranh		25.2.88	19.5.88	2C5	00767		
388	Lai - Hoai - Triết cha Lai van Nguon	1967 K. Giang		B. II		SD23TS		25.2.88	19.5.88	2C5	00814		
389	Nguyen thi - Nhan cha Nguyen van Anh	1962 K. Giang				CK Cam Ranh		25.2.88	19.5.88	2C5	00804		
390	Tran thi nam Phuong cha Tran Trong kinh	1964 C. Ranh		Ta Si I	CS T.P.			12.3.88	19.5.88	2C5	00825		
391	Le thuc quynh chi cha Le thuc Vien	1971 My Tho 1939	59/402.186	Dai uy	HC/Q.Y	QYV. Vung T.	3n. 3th.	4.2.88	19.5.88	2H7	01033		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)7	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 29) (14)
392	TON NU HUONG TRANG Cha VINH SANH	1967	50/201466	Dai uy	Tiep lieu	TD230 Q.cu	5n 10 thg	26.1.88	19.5.88	2H7	BT001022		
393	TRAN NGOC THANH YEN Cha TRAN NGOC BINH	1965 Hue		Trg uy			5n 6 thg.	26.1.88	19.5.88	2H7	BT00970		
394	PHAM KIM NGOC Cha PHAM HUNG THINH	1962 Saigon	51/181246	Binh 1	Tai xe	TK.G.dinh		24.1.88	19.5.88	2H7	BT00978		
395	TRAN THI TRINH NGUYEN THI XUAN THAO Chg. NGUYEN HUNG	1948 Th.binh 1968 Saigon 1939	59/811244	Dai uy	Trg B.TCHL		7 nam	6.2.88 6.2.88	19.5.88 19.5.88	2B4 2B4	BT00768 -"-		
396	TRAN THI NGA HA VINH TRAN ANH Chg HA VINH YEN	1947 Thbinh 1973 Saigon 1944			Trg Ty Toa	Hanh chanh	4 ngay	31.1.88 -"-	19.5.88 -"-	2B4 -"-	BT00626 -"-		
397	DO NGOC ANH Cha DO HUU QUAN	1968 1920	313089	Binh 1				6.2.88	19.5.88	2B4	BT00787		Tu tran 1984
398	PHAM TINH TRUNG Cha PHAM VAN BINH	1972 1945		Trg uy	Ban 5	CK.Thu duc	6 nam	6.2.88	19.5.88	2B4	BT00773		
399	TO HUU THAI Cha TO HUU DUC	1971 Saigon 1929	304418			NCR.IPM		10.2.88	19.5.88	2B4	BT 00691		
400	NGUYEN DUC VUONG Cha NGUYEN DUC MAI	1969 1920			TK/K.lam		3 ngay	6.2.88	19.5.88	2B4	BT00769		
401	TRAN THIEN PHU Cha TRAN NGOC KIEN	1959 Saigon			K.toan	Cuc Tiep te		6.2.88	19.5.88	2B4	BT00774		
402	NGUYEN THI TUYET NGHIA Cha NGUYEN VAN CON	1963	52/600093	Thg si		Phi trg.D.nang	4 thg.	24.1.88	19.5.88	2H8	BT001055		
403	NGO DUC KHAI Cha NGOC DUC THANH	1964	55/103947	Dai uy	DDT CTCT	Phu quoc	6 nam	26.1.88	19.5.88	2H8	BT00971		
404	VU DANG QUANG chaVU CONG NHUONG	1970	61/115916	Tr.		SD7BB		24.1.88	19.5.88	2H8	BT00112		
405	TRUONG THI TRANG ChaTRUONG VAN TUONG	1961 Sai gon	40/300473	Th.si		Bo TTM		24.1.88	19.5.88	2H8	BT00104		

(to 30)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
406	NGUYEN MINH KHOI	1970 Saigon						9.2.88	19.5.88				
	Cha NGUYEN VAN RU	1929 H.dong			DD thg mai	CgTy Red Cross	USA Saigon						
	Me HONG THI HIUE	1936 L.son			Duoc si	Bo Y te VNCH							
407	NGUYEN HOAN DUY LINH	1968						24/1/88	19.5.88	2H8			
	NGUYEN VIET QUY		62/120318	Th uy	CD pho	QD2							-Tu tran
408	TRAN DINH VINH	1969 B.hoa						24.1.88	19.5.88	2H8			
	Cha TRAN DINH VUI		113940	Thg si		Bo TTM							
409	TRAN DINH PHUONG	1969 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	TRAN PHUONG NAM	1971 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	Cha TRAN PHUONG NHUONG	1923 H.duong		VGS 3	Checker	Army+Navy US							
	Anh TRAN PHUONG TRUONG	1949	69/502239	Binh2	To trg	KD30 BTTL							
410													
	LE MONG THUY	1956						23.1.88	1.6.88	7A1	Co	BT001095	-IV 058478
	LE HONG TRINH	1958						23.1.88	1.6.88	7A1	"	-"-	V.023768
	Cha LE DINH HIEN	1934			Nha bao	Bao Chinh luan	10 nam						
	Me HATUYET NHUNG	1935			Nhan vien	TT/QG Dien anh	8 "						
411	DANG THI HOI HUONG	1953 H.dong						23.1.88	1.6.88	7A7	Co	BT1162	
	Anh DANG VAN THONG	1951 Sagon		Trg si 1	Trg Tam V	Thg,V.tau							
412	DANG THI MY DUNG	1955 Saigon						23.1.88	1.6.88	7A7		BT001022	-IV 043288
	Chg. NGUYEN VAN HAU	1948 H,dong		Trg uy		TD/ZTGV.long							-Grt 432
413	VU THI HAM	1954 Saigon						21.1.88	1.6.88	7A3	Co	BT018	-IV 512591
	Chg. NGUYEN VAN THIEN	1968		Trg uy	TDT	TK. Bien hoa	7 nam						
414	LE VAN SON	1957 T. giang						19.1.88	1.6.88	7A6	"	BT001106	
	LE DUY THAI	1987 T.giang						-"-	-"-	7A6	"	-"-	
	Cha LE VAN HUYNH			Pho cuoc	CSQG	CK. Ben tranh	3 thg						
415	NGUYEN THAI DUONG	1971 Q.tri						29.1.88	1.6.88	7A1		BT001157	
	Cha NGUYEN VAN TIMI	1947 Q.tri		Dai uy	DDT Dia	phuong quan							
416	DO THI TRUC HOP	1953 Dalat						23.1.88	1.6.88	7A6	"	BT1020	
	Cha DO VAN LUU	1908 HN.ninh		Th ta	TDT	QD. LH Phap	22 nam						
417	NGUYEN NGOC ANH	1967 Hue						29.1.88	1.6.88	7A1		BT001014	
	Cha NGUYEN TRIET	1944 hue		Trg si			9 nam						
418	NGUYEN VIET THACH	1967 Saigon						22.1.88	1.6.88	7A4	"	BT1059	
	Cha NGUYEN VAN NGA	1937 H.dong			Nhan vien	Hang Khg VN							-Gct 62388

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	to(31)
419	NGUYEN THI THANH MAI	1960 B.M.Thuoc						21.1.88	1.6.88	7A3	co	BT1059	
	Cha NGUYEN DUC KHOAI	1929 Bac Ninh	49/300468	Dqi ta	Chi huy te.	QD1/QK1							
420	DOAN THI HANG	1972						23.1.88	1.6.88	7A3		BT1158	
	DOAN THI UYEN	1982						23.1.88	1.6.88	"		"	
	Me MAI THI CUC	1932	253ANQD/QB	Dan chinh		NDL/BQP							
421	NGUYEN THI HONG TUYET	1957 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7A1		BT 1121	
	Cha NGUYEN VAN CAP	1923 Hai duong	43/301227	D.uy	SQ /DHBX	DD /THD/TTM							
422	VO CONG HINH	1970 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1134	Grt:959
	ChaVO CONG TAM	1940Gia dinh	60/130558	Tr.uy	GiCh BP	BCH/PB/SD18							
423	NGUYEN THI KIM CHI	1966Ph.dinh						21.1.88	1.6.88	7A1		BT1132	
	ChaNGUYEN VAN KHEO	1934Can tho	54A/101739			DD116/LD4VT							
424	NGUYEN HUU HANH	1966Kien hoa						21.1.88	1.6.88	7A1		BT1015	
	ChaNGUYEN VAN DINH	1930My tho	BB/026717	Ch.uy	PH.H.V	TK long An							
425	NGUYEN TRONG HUNG	1966 Sai gon						26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1081	
	Cha NGUYEN CAU	1926 Q.Binh			Lien gia tr	Ph.HV							
426	LE HOANG LONG	1973 Saigon						23.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1096	Grt:112/QD
	ChaLE HOANG CHUONG	1943	63/136800	D.uy	DDT								
427	NGUYEN THI MINH CHAU	1952Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7A9		BT 1023	IV80420
	NGUYEN NGOC THAI HIU	1977Sai gon						"	"	"		"	VEWL 84995
	NGUYEN DINH CHUNG HUY	1979Sai gon						"	"	"		"	
	Chong NGUYEN TRI PHUONG	1948 B.dinh	72/153/40	Ch.uy	A.O H.C	Vung tau							
428	NGUYEN THI BICH HAN	1972Sai gon						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1160	
	Cha NGUYEN THACH HUNG	1942	62/601337	Tr.uy	hoa tieu		8 nam						
429	LUC THANH DUOC	1965 Do.Thap						27.1.88	1.6.88	7A5	co	BT 1147	
	Cha LUC VAN DUONG	1942D.Thap	62/502567	Tr.si		TD16/KB							
430	NGUYEN VAN KHANH	1961L.Khanh						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1136	Tu tran 1970
	ChaNGUYEN VAN HAO	1936N.Binh	56/152597	HS 1		TD5/KB							
431	NGUYEN TAN DUC	1960 G.Dinh						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1171	di voi con
	Cha NGUYEN THE HAO	1932 R.Gia	52/301891	D.uy	TrB /HC	ICCS	5 nam						

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
432	BUI XUAN HUY ChaBUI NGHIA BINH	1962V.Tau 1932 Tay Son	52/300695	Th.ta	Y si			26.1.88	1.6.88	7A8	Co	BT1064	to 32 Di voi emgai
433	PHAN LE HUYEN OANH ChaPHAN HUU KHAM	1968 Q.Tin 1946 Q.Nam	66/208327	Tr.uy			6 nam	22.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1079	Di voicon Grt:29
434	DANG PHAN HONG YEN Cha DANG VAN LUAN Me PHAN THI TINH	1969 Sai gon 1940 Nam Ha 1943 N.Binh		Tr.uy Thu ky	Truong ban Bo CCB	CSDB/E5		22.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1133	Grt:1223 Gct:270/cn
435	DINH MINH THE ChaDINH XUAN QUANG Me NGUYEN THI TRINH	1963 Bien Hoa 1932 N.Dinh 1944 H.Yen	52/142279	Tr.si 1 Giao vien	Ch.ph Tr. BT	TD30/CTCT		24.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1065	
436	TRAN VAN NHA ChaTRAN VAN PHONG	1955 Sai gon 1921 N.Dinh			Thu ky	Bo XH		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1021	
437	NGUYEN XUAN HIEU ChaNGUYEN VAN TUC	1968 ThuDuc 1933 N.Dinh	53/302742	Tr.si		PhongTQT:TTM		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1097	Tu tran 1967
438	TRUONG VINH PHUOC ChaTRUONG VAN HOA	1962 V.Long 1926 Q.Binh			Thu ky	Bo CH/CSQG		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1080	IV 505 260
439	TRUONG THANH TRUONG VAN CUONG ChaTRUONG LAP DAT	1926 Sai gon 1970 Sai gon 1940 Sai gon	60/187944	Binh nhi		KBC 4091			1.6.88 " 	7B2 " 		BT 1165 " 	
440	DO HOANG VIEN Cha DO XIU MEI	1963 Sai gon 1938 S.Trang	97572 58A/103457	Tr.uy	CSDB	BTL/CSDB		18.1.88	1.6.88	7B9		BT1191	Srt :644
441	TRAN CHI THANH ChaTRAN VAN CHIEN	1960 Saigon 1933 Ha Dong	53/304890	Tr.si 1	y ta	BX/QT/TTHL	5 ngay	23.1.88	1.6.88	7B3		BT1042	
442	TRAN THI THUTHUY Cha TRAN VAN SON	1969Sai gon 1943	63A/158484	Tr.si 1		BDTC/DT		30.1.88	1.6.88	7B1			
443	LUU QUY MINH LUU NGUYEN HO HUNG Cha LUU QUY HOANG	1958 1960 1934			nhan vien	Ty y te DN		26.1.88 "	1.6.88 "	7B1 "		BT1111 "	
444	TRAN THI THANH NGA Cha TRAN TAN	1961 Gia dinh 1932 N.Binh			Truong ap			29.1.88	1.6.88	7B2		BT1109	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 33
445	NGUYEN THANH HA	1965T.hai						18.1.88	1.6.88	7B9		BT1201	
	NGUYEN THANH VAN	1966 T.hai						"	"	"		"	
	NGUYEN THANH KY Cha	1939 T.Hai	59A/402773	Tr.uy	Pho cuoc	CS /CT							
446	PHAM CONG DINH	1962 Sai gon						26.1.88	1.6.88	7B5		BT1167	
	PHAM CONG THANG	1964D.Nang						"	"	"		BT1255	
	BUI THI QUE	1961Tam hiep						"	"	"		BT1167	
	Cha PHAM CONG LAP	1936		VGS/11/4	MOFME/EB	Sai gon	5 nam						
447	TRAN VAN TRUNG	1961 Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1044	
	TRAN BICH THUY	1965HT Xa						"	"	"		"	
	ChaTRAN VAN ROANH	1931H.Dinh	51/301433	Th.si 1	Ch su vu	BTTM-NHQGVN							
448	SON KOH	1960Hung Chau						26.1.88	1.6.88	7B6			
	ChaSON PHANH		177-378	Dinh 1		TD 2/14							Tu tran 14.1162
449	NGUYEN THI HUONG	1952Bui chu						25.1.88	1.6.88	7B3		BT1137	Di voi con
	Chong DAO VAN MAU	1951				Dia phuong Q							Hien o My
450	LE KHANH HOANG VU	1975 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1168	
	Cha LE THANH NHAN	1947 Ha Nam		Tr.si 1		An ninh QD	1o nam						Grt:15
451	PHAM THI HONG	1955Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7B5		BT1113	
	Cha PHAM THE TUY	1933		Ha si									
452	VU NGOC MINH HOANG	1974Sai gon						23.1.88	1.6.88	7B5		BT1088	
	Cha VU NGOC HUONG	1948 My tho	135997	Th .uy	CB/DK	BCH/CSDB/BD	10 nam						Grt:966/BCA
453	TRINH VAN DUNG	1960 D.Hoa						23.1.88	1.6.88	7B5			
	ChaTRINH VAN VINH		57/300292	Tr.si 1		TD 3/14							Tu tran 1974
454	NGUYEN HOANG PHUONG	1972B.Thuan						18.1.88	1.6.88	7B9		BT1211	
	ChaNGUYEN HOANG NHAN	1939H.Dong	39/157792	D.uy	Chi khu pho	TK/BT							
455	TRAN BICH LIEN	1959 T.Ninh						29.1.88	1.6.88	7B2		BT1103	
	Cha TRAN VAN TU	1937 HN Ninh		Tr.uy									Hien o My
456	VU THI KIM THOA	1960						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1100	
	Cha VU CHI THANH	1918		giao vien		Bo QGCD							Chet 1972
457	TRAN VAN KHIEM	1964						30.1.88	1.6.88	7B1		BT1035	Di cung 2 con
	Cha TRAN VAN BIEN	1929			tai xe	phu tong thong							1 chet do chim bg

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 34
458	NGUYEN TAN HUY	1974 Bien Hoa						25.1.88	1.6.88	7B3		BT1173	
	Cha NGUYEN VAN LUONG	1948 Bui chu	68/602377	Tr.si		PD .223SD3/KQ							
459	NGUYEN NGOC THANH AN	1969 Cu chi							1.6.88	7B2		BT1024	
	TRUONG THI KIM EM	1967 Cu chi							1.6.88	"		"	
	Cha NGUYEN NGOC XUAN	1944	64/160570	Dai uy	CDT/TG	TD 1/10							
460	VU MINH TU	1968 D.Nang						23.1.88	1.6.88	7B8		BT1070	IV LUK -130
	VU MAI TRANG	1975 D .Nai						"	"	"		"	
	Cha VU LUAN	1932 T.Binh	52/305694	Th.si	DDT/YTT	TYV/DT/DN	15ngay						Grt:766
461	HUYNH VAN HAU	1960P.Dinh						24.1.88	1.6.88	7B6		BT1099	
	ChaHUYNH VAN TU		51/137964	Tr.si 1		LD 64/YTTT							
462	PHAM KHOI	1961 B.Dinh						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1028	
	ChaPHAM SAM	B.Dinh		Tr.uyCS	Th S Vien	Ty CS/BD							
	Me TA THI HUNG	B.Dinh		Giao vien	TTHDT/BD								
463	HA VAN THANG	1965						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
	Cha HA THE	1934		Th .si 1	P .TC/TKH	Ty CS/KH							
	MATHI KHANH VI	1983						23.1.88	1.6.88	"		"	
464	NGUYEN THI KIM CHI	1958						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
	Cha NGUYEN XUAN OANH	1928	48/103827	Ha si	Y ta	So y te SG							
465	MA DANG TUAN	1981						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
464	LUU THI HONG NHUNG	1957T.Giang						24.1.88	19.5.88	2H8	co	BT1056	
	LUU THI THUY TIEN	1964Sai gon						22.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1057	
	LUU THI HONG CUC	1969Sai gon						"	"	"	"	BT1058	
	LUU THI CUC	1942 BTThien				Tan son nhat							Hien o My
	Anh LUU DUC LINH	1951		Th.uy		TD9/TQLC							Mat tich 3/1975
465	HO THI THANH THUY	1963 Q.Nhon						22.1.88	1.6.88	7C9	co	BT 1241	
	HO THI THANH LIEN	1966 Pleiku						22.1.88	1.688	"	"	BT1242	
	Cha HO HIEU VO	1927 Th.Thien		Tr.ta	TK.pho	TK/BMT	8 nam						Grt :52
466	TON THAT CUONG	1965						24.1.88	1.6.88	7C6	co	BT1234	
	Cha TON THAT VIEN	1953 Hue		Th.uy CS									IV86800

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
467	NGUYEN THI BICH HANG Cha NGUYEN TAN DAT Me NGUYEN THI GIANG	1968 Nha trang 1934 Gia Lam 1945	54/300049 55B/100028	Dai uy Th.uy	Tr.phong	TTHL/QG/LS T HSQ/DD/NT		22.1.88	1.6.88	7C7	BT1048	BT1048	to 35
468	LE QUANG HOANG DUC Cha LE QUANG PHU	1973 N.Binh 1945		D.uy CS		Ty CS/NT	13 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	co	BT1169	Grt 307
469	HA HUU MINH HA HUU CHANH Cha HA VIEN	1966 N.Binh 1969 N.Binh N.Binh	401135	Dai uy	SQ/Hoa yem	Su doan22BB		23.1.88 "	1.6.88 "	7C6 "	co "	BT1046 "	
470	PHUNG VAN HAI Cha PHUNG VAN BANG	1971B.Dinh 1924 B.Giang			Nhanvien	Phi truong QN		21.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1188	
471	NGUYEN CONG THANH ChaNGUYEN NGOC CAM	1957 1924			Nhan vien	Bo thong tin	2 nam	25.1.88	1.6.88	7C5	"	BT1203	Grt 238/QD
472	TRAN NGOC THANG ChaTRAN NGOC HA	1974 N.Binh 1936	56A/104209	Th si		Quan canh		23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1170	
473	TRAN QUOC CUONG Cha TRAN VIET PHA	1969 Sai gon 1947 HaNam			CB Nong thon	Bien Hoa	7 nam	29.1.88	1.6.88	7C7	"	BT1199	Lenh tha 45
474	NGUYEN CUU DIEU TRANG NGUYEN CUU DINH	1957 Th.Thien 1932	205034	Tr.ta	SQ/TC	Su doan25BB	4 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1115	Grt 545
475	NGUYEN HUY THONG ChaNGUYEN VAN TRO	1969Q.Nam 1936Th.Thien	56/400741	TR.uy	SQ/quan bac	Quan doan 1	4 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1197	
476	NGUYEN THI THU ChaNGUYEN DINH YEN	1975N.Binh 1940 N.Binh	60A/140991	Tr.uy	SQ/Biet phai	SD 22BB		23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1215	
477	LE VINH KHOA LE VINH KHANG ChaLE VAN DUNG	1973N.Binh 1976N.Binh 1939N.Binh	59/904344		DP/Giao chuc			23.1.88 "	1.6.88 "	7C6 "	" "	BT1198 "	
478	HUYNH VAN THO Cha HUYNH VAN QUANG	1958 T.Ninh 1923L.an			Nhan vien	PT/Tan son i		21.1.88	1.6.88	7C3	"	BT1185	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 36
479	VU THI HONG DIEP	1964Sai gon						23.1.88	1.6.88	7C7	co	BT1150	
	VU TRONG NGUYEN	1973Sai gon						"	"	"	"	"	
	Cha VU DINH HIO	1930 N.Dinh	53/190088	Tr.ta	chi huy pho	P1/BTTM	9 nam						Grt 87812282
480	PHAN THI KIM KHANH	1952D.tuong						28.1.88	1.6.88	7C5	"	BT1202	
	Chg NGUYEN HUNG	1951B.Dinh			Giang vien	DHKH		15.1.87					Hien o My
481	NGUYEN THI THUY LOAN	1963Sai gon						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1247	IV 025016
	Cha NGUYEN SAMI KINH	1903 Hue			truong ty	buu dien							VEWL 39086
482	NGUYEN DINH TAN	1955Da Nang						26.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1217	
	VUONG NGOC BICH	1954G.Dinh						"	"	"	"	"	
	Cha NGUYEN DINH KHUYEN	1929Th.thien		Dai uy	Truong F64	Tinh bao	12 nam						
483	NGUYEN HOANG MINH	1977Sai gon						26.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1217	
	NGUYEN HOANG TUAN	1978Sai gon						"	"	"	"	"	
	ChaNGUYEN KIM VINH				Giao vien	Tr.A thanhTD							
	Me VUONG NGOC BICH	1951GDinh			Giao vien	Tr.A thanhTD							
484	NGUYEN THI LOAN	1949N.Dinh						28.1.88	1.6.88	7C1	"	BT1146	
	NGUYEN CAO LE DUNG	1975Sai gon						"	"	"	"	"	
	Chong NGUYEN CAO UNG	1946N.Dinh		Tr si	HLV	TTHL/QT							Hien o My
485	NGUYEN THE BAO	1970N.trang						20.1.88	1.6.88	7C1	"	BT1194	
	ChaNGUYEN HUU ANH	1952Q.Nam	62/209071	Tr uy	Dai doi Tr	22/QCTP							
486	DINH THI KIM CHI	1964 Q.Nhon						23.1.88	1.6.88	7C7	"	BT1235	
	Cha DINH KIM KHU	1932 Son Tay	52/001847	Th ta	CH truong	TTYT/TV/NT							
487	LE THI TUET MAI	1965Q.Nam.						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1151	IV 86/100922/38
	ChaLE TAN HOC	1929Q.Nam			Tr.L.Vien	Ty cong chanh							
488	NGUYEN THI THU	1955Sai gon						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1216	
	NGUYEN THUY HAI YEN	1980B.Hoa						"	"	"	"	"	
	Chong NGUYEN VAN QUAN	1954H.Duong	74/165534	Dinh 1	Bietkich du								Hien o My
489	NGO THI LAN	1963Vinh long						15.5.88	1.6.88	7C4	"	BT1186	
	TRAN VAN HUONG	1982Can tho						"	"	"	"	"	
	TRAN VAN E	1950C.Doc		Dinh 2		Su doan 21							
	Cha NGO VAN LAU	1928V.Long		Th.si 1	TPTL	Trung tam 4							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
490	LE DINH KHANG ChaLE XUAN THO	1970 1949H.N.Ninh	69/133385	Tr uy	TB/CTCT	TK/BD	8 nam	21.1.88	1.6.88	7C5	co	BT1233	to 37 Grt 619 TD t
491	TRINH VIET CUONG ChaDINH VIET HUONG	1970Sai gon 1933La Phu	305541		Congchuc	CC70/TT YD	3 ngay	22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1206	
492	TRAN QUANG DUNG NGUYEN THI MAI HUONG TRAN QUANG VU NGUYEN THI NGOC NGA ChaNGUYEN DUC TIEN	1960Sai gon 1959Sai gon 1982Sai gon 1966Sai gon 1934 Bui chu	5696	4105	Thu ky	Hang khongVN		25.1.88 " " "	1.6.88 " " "	7D1 " " "	" " " "	BT1237 " " "	
493	NGUYEN THI THANH THAI ChaNGUYEN DO	1963 1931	120650	Ha si	Ban tiep lieu	QD1	50 ngay	23.1.88	1.6.88	7D4	"	BT1154	
494	NGUYEN THI HOA NGUYEN VAN THONG	1945 G.Dinh 1949Sai gon		Lam so My Tr si 1	Boi phong TDT	PT Cam ranh GD 609		26.1.88	1.6.88	7D9	"	BT1790	Hien o My
495	NGUYEN THANH HUNG Cha NGUYEN VAN CA	1968 1943G.Dinh	600380	Binh 1	canh ve	khong doan 33		8.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1281	
496	NGUYEN CHI LINH Cha NGUYEN VAN XIEN	1964Da lat 1941Ha Dong	61A702687	Ha si1	Tai xe	Bo tu lenh HQ		19.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1250	
498	TRAN NGOC PHAN ChaTRAN NGOC LAM	1965Sai gon 1930 Ha Nam	50/600086	Th si	Hieu thinh	SD 5/KH Q	3 ngay	19.1.88	1.6.88	7D5		BT1245	
498	TONG VAN CHI TONG DUY Cha TONG VAN TIEM Anh TONG VAN THIEN	1960Sai gon 1934 1919NBNinh 1943NBNinh	68A/701850	Tr si		Hai quan		28.1.88 "	1.6.88 "	7D8 "	co "	BT1289 "	
499	BUI THI DUNG Cha BUI QUANG MINH Me NGUYEN THI LUONG	1960GDinh 1923Ha Noi 1933Ha Noi			TP/NV	Nganh DYV Nganh DYV		19.1.88	1.6.88	7D2	"	BT1275	
500	PHAN BA TUAN KIET ChaPHAN BA KHOAT	1971 Sai gon 1944	46/143940	Dai uy	phao doi tr	TD 184PB/CD		24.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1208	Hien o My
501	VU THI NGHIEM DUONG VAN HAN	1938Ha Noi 1935 Ha Dong		Tr si				22.1.88	1.6.88	7D7	"	BT 1282	Di voi 1 con

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 38
502	NGUYEN QUOC KHANH Cha NGUYEN VAN THANH	1957		Th si		CSQG/TB		23.1.88	1.6.88	7D8	co	BT1269	Chet 1972
503	HUYNH THI KIM LU Cha HUYNH VAN THU	1921V.Long			NV Kiem xa	Ty QT/AG		22.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1258	Chet 1984
504	TRAN THI VUONG LE XUAN CHIEN con	1935		Tr uy		Bo TL/HQ	5 nam	23.1.88	1.6.88	7D3	"	BT1256	
505	TA THI TUYET TA DAC NGOC	1960Sai gon 1953 Son Tay				QT/VK/VT		24.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1254	Chet 1971
506	VO NGOC QUANG VINH Cha VO NGOC DONG Me NGUYEN THI LIEU	1969Sai gon 1940Q.Nam 1942 Q.Nam			canh sat	BCH/CSQG/GV The3rdF.Hospital		22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT 1040	Grt2057AQ3/CH
507	TRAN DINH KHOI ChaTRAN DUC KHIEN Anh TRAN DUC THE	1964Pleiku 1937B.Chu 1956Sai gon		Ha si Th si	Khau phao TDT	TK/GD Dia phuong quan		22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT 1220	Grt1193A/Q3 Grt1305AB/CH
508	MAI THI HOANG YEN Cha MAI HUY PHUC	1973Sai gon 1938Hung Yen	38/172395	Th si	Toan truong	Biet tham TD	3 thang	25.1.88	1.6.88	7D5		BT1225	
509	NGUYEN THI MAI ChaNGUYEN VU NGHIEM NGUYEN VU SOI Anh	1955 Sai gon 1922 1945	8768	Th uy Tr si	TDT/ PV	DTL/CSQG/SG CTLC/DL		26.1.88	1.6.88	7D8		BT1283	
510	MAI QUOC NGUYEN ChaMAI HUY LOC	1970 P.cuong 1942Hung Yen	42/160783	Th si 1		BCH/TK/DD	3 ngay	19.1.88	1.6.88	7D5	co	BT1249	
511	TRAN THI KIM DUNG ChaTRAN LONG THAO	1967 Sai gon 1937 H.Chu	37/09786	Th si				23.1.88	1.6.88	7D6			
512	PHAN NGOC VIEN Cha PHAN NGOC NONG	1958 1930			Q.truong		6 nam	28.1.88	1.6.88	7D3		BT1153	Di voi vokcon
513	LE THI NY DUNG LE TRUNG LOC	1968 D.Nang 1943	63/208276	Tr uy		TD3/6/BB		28.1.88	1.6.88	7D3		BT1153	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5													to 39
514	CHUNG QUANG CHINH CHUNG QUANG THIEN CHU QUANG DIEN cha	1973 1975 Gia dinh 1943Ha Bac	43/145653	Th si		Tong nha TC		26.1.88 "	1.6.88 "	7E4 "		BT1313 "	
515	DAO THI THANH CAN ChaDAO TO CHUC	1955Sai gon 1929H.Phong			NV ke toan	AMERICAN BANK		21.1.88	1.6.88	7E9	co	BT1396	
516	LE THI HA LIEN Cha LE HA VAN Me VO THI LE THUY	1956 B.T.Thien 1929 B.T.Thien 1930 B.T.Thien	49A/118132	Tr uy BS	Giam doc Luat su	Dai hoc Y khoa T.T.Tham Hue		21.1.88	1.6.88	7E6	"	BT1418	
517	NGUYEN QUANG DINH Cha NGUYEN VAN LIEM	1964Sai gon 1939Cho lon	59A/165224	Binh 2	Tho may			21.5.88	1.6.88	7E7		BT1377	
518	NGUYEN THI MINH KHAI cha NGUYEN TRAN	1962L.Khanh 1937B.Dinh	dB260253		To truong	lang phe binh		19.1.88	1.6.88	7E6	co	BT1452	
519	DAO DUY HIAN NGUYEN THI BICH THUY Cha DAO VAN THANH	1956Q.Tri 1965Sai gon 1938 Hue	58/420310	KS.NC	Truong ty	Ty nong nghiep		21.1.88 "	1.6.88 "	7E6 "	" "	BT1295 "	
520	TRUONG THI HANH Cha vo NGUYEN MINH BACH	1944 Hue 1936 Sai gon		Huan su Th si		Ty CN/Hue chi khu TU/KH							
521	TRAN THI THANH THUY Cha TRAN VAN DIEN	1965Sai gon 1937	37/213546	Ha si		TTQT/TV/GD		21.1.88	1.6.88	7E9		BT1397	
522	TRAN KIEU LIEN Chong DANG HOANG THANH	1950B.Duong 1949B.Duong	69/601432	Tr uy		Su doan 3/KQ		21.1.88	1.6.88	7E9	"	BT1337	
523	TRUONG THI NGOC DIEP Cha TRUONG CAO DINH	1961Sai gon				So TTVH HoaKy		21.1.88	1.6.88	7E9	co	BT1378	Chet
524	TU NGAN DUNG ChaTU NGUN	1971Sai gon 1937Saigon	57/133188	Ha si 1		TT/HLQT		21.1.88	1.6.88	7E8	"	BT1464	
525	LE THI KIEU LAN Cha LE NGOC TRIET	1960A.Giang		TK/HC	Truong phong	HC/HN		21.1.88	1.6.88	7E8	"	BT1463	Di cung chong con

526													to 40
526	KHUAT THI BACH TUYET KHUAT VAN PHONG Chh Anh KHUAT VAN QUY	1962Sai gon 1926 SonTay	74/161926	Binh 2	K.B.C4329	Tu tran tai TD1/8	Dac To mat tich	25.1.88	1.6.88	7E2	co	BT1373	QGTT:11518/ND GTT:3/124/61 GTT: 1974
527	NGUYENTHI ANH LOAN NGUYEN BA CHINH Chong NGUYEN VAN AN Cha voNGUYEN BA DINH Chachong NGUYEN VAN PHU	1965Sai gon 1971Sai gon 1957Sai gon 1943H.Duong C1935 S.Gon	63/204187 54/100187	Dai uy Ha si	CVP	SD25 BB Cuc quan Y		21.1.88 " "	1.6.88 " "	7E6 " "		BT1393 " "	
528	PHAM THI KIM CHI TRAN THI THANH THAO Chong TRAN CONG MINH	1953V.Long 1980 1943			T.dich vien	Vinh Long		21.1.88 " 26.8.87	1.6.88 "	7E1 "		BT1431 "	
529	LE VINH DUC Cha LE VINH HUNG	1970Sai gon 1944		Th si		Phi trhong DN		21.1.88	1.6.88	7E9		BT1292	
530	NGUYEN DUC HAI ChaNGUYEN DUC THUONG	1967Sai gon 1936	56/120972	Ha si	nhan vien	cuc tam ly chien		22.1.88	1.6.88	7E1		BT1277	
531	LE TRONG NGHI Cha LE VAN NGOC	1966Ninh Hai 1939		Ky su	chanh su vu	Nha thuy lam		19.1.88	1.6.88	7E8	co	BT1339	
532	QUANG KIM TUYET Chong DANG THIEN HUE	1959G.Dinh 1948B.Duong	53/125492	Tr si 1	tiep lieu			22.1.88	1.6.88	7E5	co	BT1294	
533	DUONG HOAI DUY ChaDUONG DANH	1967S.Trang 1944S.Trang			Thu ky	Ty CS/ST		26.1.88	1.6.88	7E2	"	BT1309	
534	PHAM THI NGOC NHUNG ChaPHAM VAN TU	1964Bao loc5 1922Q.Tri	42/060076	Th si		DD545	chet1967	25.1.88	1.6.88	7E2	"	BT1413	
535	NGUYEN THI HANH Chong NGUYEN HUU HAO Cha HUYNH VAN PHU	1952Da lat 1950T.Vinh 1917Sai gon	70/513319	Tr si 1	thu ky TB cong xa	TA/QS/CT Ty CS/SD		21.1.88	1.6.88	7E5	"	BT1353	
536 537	LAI THI KIM CUC Cha LAI THE MY	1960 G.Dinyh 1928Nam Dinh		Chuan uy	TD truong			26.1.88	1.6.88	7E7	"	BT1395	
537	TRAN THI TUYET NO ChaTRAN NGOC THUONG	1960Sai gon 1935N.Dinh	55/180233	Tr uy	DD pho	TD1/45/BB		21.1.88	1.5.88	7E8		BT1355	810/Grt

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
538	DO THI THUY HUONG	1964Sai gon						21.5.88	1.6.88	7E3	co		to 41
	DO QUOC PHONG	1972Sai gon						"	"	"	"		
	Cha DO VAN BUC	1933N.Binh	53/301170	Binh 2		Biet khu TD							
539	PHAM THU HA	1964Sai gon						21.5.88	1.6.88	7E7	co	BT1315	
	PHAM TOAN THANG	1972Sai gon						"	"	"	"	"	
	PHAM MINH THE	1974Sai gon						"	"	"	"	"	
	Cha PHAM XUAN HUYEN	1925N.Binh		Tr uy	Truong ban	BTL/CSQG	7 nam						Grt:651
540	VU DUC MINH	1954H.Giang						22.1.88	1.6.88	7E5	"	BT1375	
	VU DUC VINH	1964Sai gon						"	"	"	"	BT1376	
	Cha VU THIEN CHINH	1931N.Binh	51/308748	Th si		Tr.Bo binh							
541	LE THI KIM HAI	1963Sai gon						28.1.88	1.6.88	7E6		BT1417	
	LE QUANG HAI	1971Sai gon						"	"	"		"	
	Cha LE QUANG MINH	1939	59A/600246	Th si 1		Vien an TT							Gcn:4494
542	PHAM THI LY	1957Sai gon						26.1.88	1.6.88	7E2		BT1331	
	DINH THIEN HUONG	1981Sai gon						"	"	"		"	
	PHAM NGOC THUY	1960						"	"	"		"	
	Cha PHAM NGOC TRAC	1925Bui chu	2503380001	Th si		NhaTLC/BTL/CS							Grt 7134
	Chong DINH QUANG HOAI	1952Bui chu	381485	Th uy		NhaKT/BTL/CS	5 nam						Grt 354
543	NGUYEN THI XUAN HUONG	1967Xuan loc						25.1.88	1.6.88	7E2		BT1005	
	ChaNGUYEN VAN HUYEN	1940H.Duong	60/089654	Tr si		TK/LK							
544	NGUYEN ANH KIET	1972Sai gon						23.1.88	1.6.88	7E1		BT 1265	
	ChaNGUYEN HAI	1951B.T.Thien	71/104248										
545	NGUYEN THI CAM HAI	1972Hue						21.1.88	1.6.88	7E1		BT1372	
	ChaNGUYEN CONG DINH	1946B.T.Thien	66/207358	Tr si 1	Truong toan	TDDT/TTVT							
546	HAI ANH TUYET	1963Ba xuyen						15.5.88	1.6.88	7E3		BT1260	
	Chong HO VAN DIEP	1944V.Binh		Dai uy	chu su	BEH/CSQG/KH	7nam 6th						
547	HAI NGOC HUYEN	1972Sai gon						25.1.88	1.6.88	7E2		BT1210	
	ChaHAI MINH CHAU	1941B.Chu	61/104461	Ha si	TD pho	TD 8 du							Grt 3972
548	NGUYEN DUCQUOC	1975Sai gon						26.1.88	1.6.88	7E4		BT1392	
	NGUYEN QUOC VIET	1976Sai gon						"	"	"		"	
	ChaNGUYEN VAN DUC	1943HaBac	KE48A-12258			CSQG							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 42
549	NGUYEN TAI	1969D.Nai						25.1.88	1.6.88	7E4		BT1334	
	Cha NGUYEN DOAI	1930N.Dinh	320049			Chi Khu KT							
550	NGUYEN THANH HOANG	1969 B.Hoa						25.1.88	1.6.88	7E4		DT001383	
	ChaNGUYEN THANHTHIEN	1947N.Dinh	318796			chi Khu KT							Mat tich 1975
551	NGUYEN THANH HOA	1955D.Tuong						25.1.88	1.6.88	7E7		DT	
	NGUYEN THI VAN ANH	1981 Sai gon						26.1.88	1.6.88	"			
	NGUYEN HHI Cha	1912 N.Dinh	314339	ha di 1		SD7/BB							
	Anh NGUYEN VIET PHAT	1964N.Dinh	64/156150	Tr uy	HL vien	Tr /TV							
	AnhNGUYEN VIET PHAN	1950 N.Dinh	70/106208	Ha si 1	nhac vien	TQLC							
552	LE THI PHUONG DUNG	1965 B.Ninh						25.1.88	1.6.88	7F1	co	BT1465	
	ChaLE VAN KHACH	1938 B.Ninh	58A/111507	Tr si 1		TD 3/QC/LB							
553	PHAM VAN TOI	1959T.Gi ng						24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1379	
	Cha PHAM VAN HUONG	1925T.Giang			Tuan vien	Ty QT /SG							
	Chi PHAM THI CAM	1946T.Giang			Khan vien	So My							
554	BUI VU THUY LIN	1980Sai gon						21.1.88	1.6.88	7F9	"	BT1345	
	Cha BUI THE DAN	1953D.Viet	37	Th uy		D.P.Q							
555	DO TRONG PHUC	1969Sai gon						25.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1454	
	ChaDO TRONG TUAT	1946HHNinh	66/600195	Dinh 2									
556	NGUYEN THI KIM NGA	1957BTTh en						24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1316	
	Cha NGUYEN VAN KHUYEN				Truong ty	Chieu hoi TT							
557	DO KHAC LOI	1955BTT ien						24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1316	
	Cha DO KHAC BUI	1955BTTien		Th si	truong ban	Ty CSQG/QT							
558	VO TUAN ANH	1971Sai gon						21.1.88	1.6.88	7F2		BT1437	
	VO TRAN ANH	1976Sai gon						"	"	"		"	
	Cha VO HUU TANH	1939		Th si		Khong quan							
559	NGUYEN NGOC THUC TRANG	1972Tuy hoa						23.1.88	1.6.88	7F4		BT1401	
	NGUYEN NGOC QUYNH NHU	1974N.Dinh						"	"	"		"	
	NGUYEN NGOC CHANH	1975S.gon						"	"	"		"	
	NGUYEN HUU VIN	1982S.gon						"	"	"		"	
	Me NGUYEN THI THUC HIEN	1948 Ha noi			Giao vien	TTH/DD/QN		"	"	"		"	
	Cha NGUYEN NGOC CAN	1943 Ha noi	132155	Dai uy	DD truong	CSDC/DD							IV52677

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 43
560	NGUYEN KIM NGAN	1952N.Binh						23.1.88	1.6.88	7F4	co	BT1432	IV022856
	Cha NGUYEN NGOC XUYEN	1928N.Binh			Giao vien	TTH/NI/GD							Hien o My
561	NGUYEN THI THANH MAI	1963Sai gon						23.1.88	1.6.88	7F4	"	BT1432	IV053110
	NGUYEN THI THANH THUY	1967Sai gon						"	"	"	"	BT1433	
	cha NGUYEN VAN HIEN	1934Al.Duong			Nhan vien	Bo lao dong							
	Me NGUYEN THI CHAU	1938Q.Binh	58/100049	Th si	Nu phu ta	TT/QTTU/BTTM							
562	NGUYEN DINH THANH	1969						18.1.88	1.6.88	7F3	"	BT1439	
	Cha NGUYEN DINH TRUNG		70/116055										
563	NGUYEN THI QUYNH TRANG	1964 My tho						21.1.88	1.6.88	7F5		BT1298	
	DO THI ANH KHOA	1984Sai gon						"	"	"		"	
	Cha NGUYEN NGOC AN	1937 Bac Viet			Truong ty	Ty TH/GD							
564	TON HUU NGHIA	1972Sai gon						21.1.88	1.6.88	7F5	co	BT1342	
	Cha TON NGOC THIEN	1932 My tho		Tr ta	Truong ty	Ty Canh sat Q5	chet trong trai cai tao						
565	LAI THI MAY	1954Bac lieu						21.1.88	1.6.88	7E5	co	BT1297	
	TRUONG THI THUY AN	1974Bien Hoa						"	"	"	"	"	
	TRUONG NGOC HAN	1976Bien hoa						"	"	"	"	"	Co giay nhap
	LAI THANH HUNG	1953Bien Hoa						"	"	"	"	"	canh My
	Anh TRUONG VAN TRUYEN	1958		Tr si 1	Quan canh	Quan vu TT	chet 1977						IV504763
	Anh LAI VAN HOAN	1950		Chuan uy		TTQT							VEWL 014226
	Em LAI THANH LONG	195[illegible]	EL.12	Tan binh	hai quan								
	Chi LAI THI XU	1958		Thu ky		RNK-DRJ							
566	NGUYEN THI CHANH	1952Ha noi						23.1.88	1.6.88	7F4		BT1318	
	NGUYEN VAN CHUNG	1910 Bac Viet			Thu ky	Bo cong chanh							IV23735
													VEWL 39046
567	TRAN ANH TUAN	1971Sai gon											
	Cha TRAN XUAN HIEN	1933T.Binh	53/145178			TD53/CBKT							
568	PHAM HINH LONG	1971Kontum						21.1.88	1.6.88	7F2		BT1340	
	Cha PHAM VAN CU	1933Kom tum	53/400262	Th si	KT VTVA/251A	Bo TTM							
569	NGUYEN THI THU	1954						23.1.88	1.6.88	7F8		BT1300	
	PHAN THI HUYEN TRAM	1978						"	"	"		"	
	Chong PHAN THI HA	1954				TD 8/TQLC							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
570	PHAN VAN DINH PHAN VAN TUU Cha Anh PHAN VAN HA	1966 Sai gon 1931 H.Phong 1954		Th si "	HLV	TTHL/VK/TDS TDS/TQLG		23.1.88	1.6.88	7F8	co	BT1301
572	TRAN VAN THU ChaTRAN VAN LUAT Anh TRAN VAN NAM	1964Sai gon 1929 1955	49/118822	Ha si 1 binh 2		TTHL/QT Su doan 5		23.1.88	1.6.88	7F8		BT1456
573	LA QUOC LAC Anh LA QUOC TRUNG	1967Sai gon 1954		Binh 2		Su doan 21		23.1.88	1.6.88	7F8		BT1139
574	HOANG THE LONG ChaHOANG TIEN DUE Anh HOANG THE LAN	1959DaNang 1926 1955		th si 1 Tr si	HLV HT vien	TTHL/QT Su doan 25		23.1.88	1.6.88	7F8		1299
575	TRAN THI KIM LIEN TRAN THI KIM KHANH Cha TRAN DINH HY	1961L.Khanh 1963L.Khanh 1935T.Binh	55/100636	Tr si 1		Ty CS/BH	1 nam	22.1.88 "	1.6.88 "	7F7 "		BT1441 "
576	HOANG THI ANH TUYET Cha HOANGVAN TRINH	1966Sai gon 1942V.Phu	62A/600335	Th si	Thu ky	Bo TLKQ		25.1.88	1.6.88	7F1		BT1360
577	NGUYEN QUOC VIET Cha NGUYEN VAN DONG Me DINH THI HIEN	1967Sai gon 1937T.Binh 1946N.Binh	57/199881	Th si	Phu dong	KEC 4939 TD 230		23.1.88	1.6.88	7F7		BT1442
578	VU DUC HIEU HOANG THI HA VU HOANG GIANG Cha VU DUC LUAT Anh VU NGOC LIEN	1959D.Nang 1963N.Nai 1965Sai gon 1930T.Binh 1955K.Hoa	50/303735	Th si Tr si	Truong toan	TD53/CDKT		23.1.88 " "	1.6.88 " "	7F8 " " ?		T1321 " "
579	LE MANH TIEN Cha LE DINH SINH	1961Sai gon 1935B.Viet		Tr si 1	Nh vien	Doi CSPT/GT		20.1.88	1.6.88	7F9		BT1334
580	THAI NGOC HAI Cha THAI NGOC CAN Me NGUYEN THANH DIEP	1970Sai gon 1945B.Viet 1946			Pho TBVI/TH Nh vien	Quan BT Phong hoc vu GD		22.1.88	1.6.88	7F9		BT1230

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
581	NGUYEN MINH TRANG NGUYEN VAN IT Cha Me NHUT MINH TIET	1956Sa dec 1922Sa dec 1931Sa dec		Dai uy	DD truong Thu ky	Chet 1967 TDS /VNCH		22.1.88	1.6.88	7F9		BT1339	to 45
582	NGUYEN DUY THINH Cha NGUYEN DUY LONG	1970QuiNhon 1923B.Dinh		Th si		QYV/QN		23.1.88	1.6.88	7F2		BT 1317	
583	DOAN THI LAN TRAN DOAN MINH PHUONG ANH NGUYEN THI THANH NGUYEN Chong NGUYEN DUC HIEP	1951S.Tay 1975Sai gon 1985Sai gon 1939T.Dinh	59/154573	Tr uy	NC /BT	Bo TTM		25.1.88 " " "	1.6.88 " " "	7F6 " " "		BT1404 " " "	
584	TRAN HUU THAN Cha TRAN HUU ICH	1970B.Dinh 1931B.Dinh		Tr si 1		Ty CS/BD		23.1.88	1.6.88	7F2		BT1419	
585	TRAN NGUYEN HO VAN Cha TRAN VAN TAN	1969Sai gon 1943	63A/702799	Dai uy	Dac si	BV Hai quan		21/1.88	1.6.88	7F5		BT1440	IV82142
586	DANG THI CHON Chong HOANG HUNG	1953 T.Thien 1941T.thien	41/145028	Th ta	TD truong	TK/QN		21.1.88	1.6.88	7F7		BT1423	Dang o Philippin
587	NGUYEN NGOC TRI Cha NGUYEN VAN QUAN	1969Ho nai 1943H.yen				KBC4100		22.1.88	1.6.88	7F9		BT1343	
588	NGUYEN DINH GIAO THUY Cha NGUYEN DINH KHIEM	1968Q.Nhon 1942V.Xuan	62/204678	Tr uy	Truong toan	TD 10		21.1.88	1.6.88	7F7		BT1422	
589	DOAN THI KIM THOA Cha DOAN DINH Y Me NGUYEN THI KIM LY	1970K.Tum 1939 1947		Dai uy	Thu ky	Su doan 22 MACV		25.1.88	1.6.88	7F6		BT1405	
590	DOAN NGOC DIEP Cha DOAN DINH DE Anh DOAN DINH Y Anh DOAN DINH THUAN Anh DOAN KHAM MY Anh DOAN MAI	1946H.Phong 1939 1940 1941 1943		Dai uy Thieu uy Dai uy	Ky su	Nha HKDS Su doan 22 Su doan 7 Su doan 5		25.1.88	1.6.88	7F6		BT1403	
592	VU THI NGOC DIEP VU NGOC AN Cha VU THANH CONG	1962Sai gon 1966Sai gon 1929H.Duong	49/300424	Tr ta	Chi huy Tr	TD9/SD5		25.1.88 "	1.6.88 "	7F6 "		BT1406 "	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to46
593	DINH HUU TRINH Cha DINH VAN PHUONG Me NGUYEN THI THUY NGOC	1969Sai gon 1940Hue 1935Sa dec		Cong chuc "	Truong ty Y ta	Cap thuy TN BV GAEL		21.1.88	1.6.88	7F7		BT1361	
594	HUYNH CONG TAN Cha HUYNH CONG CU	1975Can tho 1943 Hue	15 309	Th uy	Truong cuc	CS/TN	5 nam	21.1.88	1.6.88	7F5		BT1319	
595	NGO THI MAI NGUYEN DUC THINH NGUYEN THI THAI MY Anh NGO VAN THU Anh NGO VAN BACH	1954Vung tau 1958Sai gon 1988Thailand 1948G.Din 1951G.Dinh		Can bo Hai quan	XD/Nt	Vien doan 33		21.1.88 " "	1.6.88 " "	7G8 " "	co " "	BT1435 " "	
596	SAM NGOC LAN LAM UY MAN SAM KIEN HOA Cha SAM NANG PHAN	1965Sai gon 1960Cho lon 1971 1938H.Ninh	58/325177			Su doan 25BB		25.1.88 " "	1.6.88 " 2	7G5 " "		BT1429 " "	
597	CHU DUY THANH PHAM THI BICH NGOC Cha CHU DUY PHUC Me DOAN THI KHANH PHAM VAN TONG	1953H.Yen 1960Ba Ria 1923H.Yen 1922H.Yen 1923Ben Tre	43/300265	Tr uy Thu ky	Truong ty	Trai L.V.D Long binh Bo NN		23.1.88 "	1.6.88 "	7G9 "		BT1468 "	
598	TRAN NGOC TOAN Cha TRAN VAN KY Me NGUYEN THI LOAN	1953N.Binh 1927N.Binh 1936N.Binh		Tuy phai Thu ky		Toa HC/Q10 NAVY		28.1.88	1.6.88	7G3	co	BT1302	
599	DANG THI NGA ChaDANG VAN VINH	1960P.Tuy 1934N.Binh	54/303483	Th si 1	Tiep van	Long Binh		28.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1426	
600	NGUYEN HAI PHUONG HOANG ChaNGUYEN PHI HAI	1976Sai gon 1952N.Binh	72/152680	Th uy	PT/TL/TD	Tieu doan356		28.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1302	
601	DAO BAO TRAM Cha DAO VAN MAU	1971Sai gon 1939H.Noi		Co van	Dien tu			25.1.88	1.6.88	7G4		BT1388	
602	PHAN THANH SAC Cha PHAN THAI DINH	1966Sai gon 1946G.Dinh	108026	Th uy	Tr Doi truong	TD4/DD303		23.1.88	1.6.88	7G5		BT1459	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 47
603	CHAU THI SONG	1951H.Giang						29.1.88	1.6.88	7G8	co	BT1324	
	CHAU THUY	1909H.Giang						"	"	"	"	"	
	KHATHI EN	1916H.Giang						"	"	"	"	"	
	LY NHAT LAN THUY	1974H.Giang						"	"	"	"	"	
	Chong LY THANH TAM	1948B.Xuyen	68/103145	Ha si	tai xe	KBC 3294							
604	DINH VAN DANG	1957Sai gon						23.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1387	
	DINH THI NGOC DIEP	1986Sai gon						"	"	"	"	"	
	NINH THI HOP	1958G.Dinh						"	"	"	"	"	
	Anh DINH DANG	1953N.Binh	73/147206	Th uy	DD pho	TH Hoah Tuong	5 nam						
	Anh DINH DICH	1951N.Binh	71/605326	H si		SD3/KQ	5 ngay						
	Anh DINH QUANG NHO	1947		Tr uy	DH vien	Tan son 1	6 nam						
	Chi NINHTHI LAM	1949		Nhan vien		Bo XH	5 ngay						
605	VU HUU HUNG £	1956Sai gon						25.1.88	1.6.88	7G9	"	BT1472	
	Cha VU VAN NHAT	1926N.Binh	46/101985	Th si		LD 331/YTTT							
606	TRINH THI DIEM LY	1970Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1		BT1424	
	Cha TRINH VAN KHO	1943L.an	53/138745	Binh 2	Tai xe	Quan 3	13 ngay						
607	N UYEN HOANG HAI	1965Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1	co	BT1415	
	ChaNGUYEN XUAN DINH	1930	50/200257	Tr uy	TruongTBCC	Bo TTM	3 nam						
	Chi NGUYEN THI XUAN LAN	1949N.Trang			Thu ky	Bo QGHD	3 ngay						
	Chi NGUYEN THI KIM CUC	1953N.Trang		TKCN/B2/1	Thu ky	Truong TV	3 ngay						
	Anh NGUYEN HOANG PHONG	1955N.Trang	75/609044	Binh 2	Ke toan	Su doan 3/KQ	3 ngay						
608	HUYNH NHAT MY	1960.Pleiku						26.1.88	1.6.88	7G8	co	BT1436	
	Cha HUYNH NHAT QUANG	1931		tr uy									Dang o Phanat
609	NGUYEN TRAN PHUONG	1969Sai gon						24/1.88	1.6.88	7G9	co	BT1467	
	Cha NGUYEN VAN DUOC			nhan vien	Hai quan								tu tran 1970
	Anh NGUYEN PHI HO	1947		Ha si		TQLC							
610	Anh NGUYEN CHAN HUONG	1950				DP /Quan							Thuong phe binnh
610	NGUYEN NGOC THO	1965L.an						25.1.88	1.6.88	7G9	"	BT1409	
	Cha NGUYEN VAN THE	1918L.An			Nhan vien	BV/Long An							
	Chi NGUYEN THI NHIEN	1940L.An			"	Ty Y te TT							
	Anh NGUYEN VAN THONG	1951L.An			Nghia quan	Truyen tin							
611	NGUYEN THI THU GIANG	1952Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1		BT1425	
	PHAM DANH LAM	1978						"	"	"		"	
	Chong PHAM CONG NGHE	1951N.Binh	71/607232	Ha si	Chuyen vien	VK/SD3/KQ							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 48
612	NGUYEN THE HUNG Cha NGUYEN NEN	1968Sai gon	63/100526	Tr si		TD95/BDQ	Mat tich	23.1.88	1.6.88	7G3	co	BT1386	
613	HUYNH DINH KHOA Cha HUYNH DINH KHAI Chi HUYN THI NGOC DIEP Anh HUYNH DINH KHANH Chi HUYNH THI TUY DUNG	1960D.Tuong 1918D.Nang 1948Sai gon 1949Sai gon 1951G.Dinh	01881463 69/134805 7590	Hoc vien Nhan vien Th uy Nhan vien	Truong phong Xuyen phien DD truong Vien ky	Toa Do chinh PCEINC/LB TQLC/CB HKVN	5 nam 3 nam	25.1.88	1.6.88	7G4	"	BT1469	Chet trong trai
614	NGUYEN VAN THUNG Cha NGUYEN VAN THO	1963Cambodia 1917Cambodia		Nhan vien	RMK	Phi truong TN		25.1.88	1.6.88	7G4		BT1445	
615	NGO THAI BINH Cha NGO QUOC THOI	1973V.Binh 1949Tra Vinh	49/692643	Binh 1	Buu tin	TD472/TKTV		28.1.88	1.6.88	7G1	co	BT1412	
616	HUA THI NGOC PHUONG £ Cha HUA VAN HOA	1963G.Dinh 1934				Kho dan 531/GV		28.1.88	1.6.88	7G2	"	BT1444	Chet 1980
617	TRAN QUOC NGOC TRAN HUY NGA Cha TRAN VAN NGO	1972G.Dinh 1973 1945	65/118856	Tr uy	Truongban	DKRS/BTTM		28.1.88 " "	1.6.88 " "	7G2 " "		BT1384 " "	
618	NGUYEN THI SINH VU QUYNH NHU ChongVU HUU DINH	1953N.Binh 1979Sai gon 1950N.Binh		SV/si quan		Truong SQ/HQ		25.1.88 "	1.6.88 "	7G9 "	co "	BT1471 "	
619	NGUYEN VAN QUANG ChinNGUYEN THI MEN	1961Sai gon 1954H.Noi		Al		Cuc quan cu		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1533	
620	DUONGTHI THU HONG Cha DUONG NGOC KHANH	1964G.Dinh 1930Hung Yen		Th ta	Truong ty	Ty CS/VT		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1523	Hien o My
621	NGUYEN THI ANH PHUONG Anh NGUYEN DUC MANH	1966H.Giang 1948B.Viet		Th uy	CS/TP	Bien Hoa		25.1.88	1.6.88	7H7		BT1512	
622	NGUYEN HONG PHUC Cha NGUYEN HONG PHUOC	1976Sai gon 1950Can Tho	70/114815	Ha si	TQLC	KBC3331	3 ngay	22.1.88	1.6.88	7H3	co	BT1483	
623	DONG THI HOA DONG THANH TRO	1961C.Thien 1938H.Phong	58/100482	Tr si		QYU/NVN		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1534	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) to 49
624	LE THI DE Anh LE VAN CUOC	1955L.Dong 1946T.Hoa		Tr uy	Bo binh	tu tran 1972		23.1.88	1.6.88	7H7	co	BT1366	
625	DO DANG KHOA Cha DO HIEN THANH	1976Sai gon	74/604594	Tr si	chuyen vien	SD2/KQ		23.1.88	1.6.88	7H7	"	BT1496	
636	DANG HUU BANG Cha DANG HUU QUA	1972 1936		Th uy	canh sat			24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1481	
627	PHAN LAC NHAN HOA PHAN LAC NHAN BAN Cha PHAN LAC DUONG	1974L.Khanh 1975Sai gon 1949H.Phong	69/137453	Tr uy	Truong ban	SD18BB		23.1.88 " 	1.6.88 " 	7H5 " 	" " 	BT1502 " 	
628	NGUYEN THI THANH THUY NGUYEN THI TUYET TRINH Cha NGUYEN DUC MANH	1978Bienhoa 1980B en hoa 1948B.Viet		Th uy	canh sat	CSTP/BH		25.1.88 " 	1.6.88 " 	7H7 " 		BT1511 " 	
629	NGUYEN THI TUAT Cha NGUYEN NGOC RIEM Me BUI THI LUA	1960B.Hoa 1913B.Viet 1920B.Viet			Tho moc Lam phong	Long Binh Long Binh		25.1.88	1.6.88	7H7		BT1511	
630	NGUYEN VIET LINH Cha NGUYEN VAN DANG	1972Sai gon 1947 H.Yen	150148	CB/XDNT	Toan truong	GD/8	8 nam	22.1.88	1.6.88	7H8	co	BT1310	Grt;44/QD/BNV
631	DO NGOC TAI Cha DO NGOC PHAT	1965T.Duc 1943N.Dinh			TD pho	CK/Thu duc		23.1.88	1.6.88	7H5	"	BT1473	Gct11170
632	KHONG THI VUOM Chong KHONG HUU TUA	1934B.Vie 1934B.Viet			Tai xe	canh sat		24.1.88	1.6.88	7H5	"	BT1503	Gct10598
633	PHAN QUOC BAO Cha PHAN VAN THE	1972T.Duc5 1950B.Viet	70/112454	Tr si 1	TD truong	TD 30 /CTCT		23.1.88	1.688	7H5	"	BT1308	Gct12709
634	NGUYEN MINH THANH DAM NGUYEN THI MY HANH Cha NGUYEN MINH DUC	1972 Sai gon 1977Sai gon 1939	59A/700176	Th si 1	Hai quan	LST 501		22.1.88 27.1.88	1.6.88 "	7H5 "	" "	BT1287 "	
635	NGUYEN THI KIM HUYEN Cha N UYEN THAI HOAN	1967Dalat 1943N.Binh	132177	Daidy	canh sat	So CS/LT/SG	9 nam	24.1.88	1.6.88	7H9	"	BT1477	
636 C	TRAN PHUOC THO Cha TRAN TRONGTRI	1963Sai gon 1922N.Dinh			Thu ky	Truong Nha khoa		21.1.88	1.6.88	7H9	"	BT1513	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
637	TRAN THI ANH PHUONG	1967Saig on						21.1.88	1,6.88	7H9	co	BT1506	to 50
	Cha TRAN VAN DOC	HNNinh			Canh dat								
638	HONG THI TINH THUY	1967Hue						21.1.88	1.6.88	7H6	"	BT1476	
	HONG PHU PHONG	1972Hue						"	"	"	"	"	
	Cha HONGDI HA	1942	62/157709	Dai uy	Thanh tra	TK/TT	10 nam						Hien o Philippin
639	TRAN THI HOA	1973G.Kiem						24.1.88	1.6.88	7H9	"	BT1536	
6	TRAN THI HOANH ANH	1975G.Kiem						"	"	"	"	"	
	Cha TRAN KHAC DUE	1936N.Binh	NQ/375215		HDND	Gia Kiem							
640	TRAN THI THU	195 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7H3	"	BT1501	
	Cha TRAN VAN BUI	1909D.Thap		Ky su		So dien luc	Chet tai MY						
	TRAN VAN NHAN	1938		Dai uy									Hiemn o My
	TRAN THI TOT	1940G.Dinh		Can su		So dien luc							
	TRAN CONG MINH	1943Sai gon		Tdich vien		Vinh Long							Hien o Philippin
	TRAN MINH QUY	1953Sai gon		Tr si			Mat tich 1975						
641	LE QUANG DINH	1970A.Giang						23.1.88	1.6.88	7H7	"	BT1367	
	Cha LE VAN CUOC	1946T.Hoa		Tr uy	DD truong	bo binh	Tu tran 1972						
642	VO NHU TUONG	1968D.Nang						24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1305	
	Cha VO KHAI	1929D.Nang			Xa truong	Da nang	Chet						
643	HUYNH VU NONG LAN	1969Sai gon						22.1.88	1.6.88	7H4	"	BT1521	
	Cha HUYNH DON TIEN	1940G.Cong	60/124173	Tr si 1	TTQT/TU								
	Me PHAM THI SON	1943Q.Tri	VNTD#02067042		Nhan vien	MACV							
644	NGUYEN HUYNH TUAN VU	1975H.Giang						29.1.88	1.6.88	7H1	"	BT1304	
	Cha NGUYEN HUU TAM		60/128749	Tr uy	Bac si	Su doan 21							
	Me HUYNH THI CHOT		70/509655	Tr si		TD9/KB							
645	TRAN CONG TAM	1967B.tuy						22.1.88	.6.88	7H3	"	BT1450	
	TRAN THI THU LIEU	1955G.Dinh						"	"	"	"	BT1447	
	Cha TRAN CONG NHI	1940D.Thap	60/131279	Tr si	Hoa vien	Bo TT	3 nagy						
646	TRAN DUC QUANG	1971Pleiku						26.1.88	1.6.88	7H6	"	BT1475	
	Cha TRAN DUC LAM	1941	61/106518	Tr uy	SQ/QT	Can Tho							
647	NGUYEN THI MAI	1951T,Thien						22.1.88	1.6.88	7H6		BT1486	
	TRAN QUOC THAI	1980D.Nai						"	"	"		"	
	Cha NGUYEN CHI	1915	17744	Binh 2									Hien o Phap

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
648	HOANG THI THU CUC Cha HUYNH XUAN LAM	1952Q.Tri 1925 T.Thien			Truong ty	Ty tue vu/QT		21.1.88	1.6.88	7H5	co	BT1532	to 51
649	TRAN THI HONG Cha TRAN VAN DAI Anh TRAN DINH NAM Chong TRUONG TRI HIEP	1956D.Hoa 1923Go cong 1954D.Hoa 1950V.tau		Th si 1 Ch uy Ch uy BP	SQTB	SD 7/BB Truong HSQ TK/Bien hoa	10 ngay 10ngay	28.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1448	
650	N UYEN VAN THAN NGUYEN THI HUE NGUYEN VAN MAO	1957D.Nai 1944 1952		Ha si	Canh sat	Hang RMK Tan son Hoa		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1474	
651	NGUYEN THANH LOC Cha NGUYEN THANH PHAO	1954T.Duc 1925	45/301612	Th si 1		Truong BB/TD		21.1.88	1.6.88	7H9	co	BT1535	
652	HO BUU QUANG Anh HO BUU SON	1967T.Ninh 1940T.Ninh		Dai uy	Truong phong	Trai AD/GD		22.1.88	1.6.88	7H5	co	BT1745	
653	NGUYEN NGOC HA NGUYEN PHUC LAM Cha NGUYEN DINH LINH	1966Sai gon 1974Sai gon 1932Q.Binh	32/149274	Dai uy	HLV	Truong BB/TD	9 nam	22.1.88 " "	1.6.88 " "	7H8 " "	" " "	BT1494 "	IV043276 VEWLE024767
654	NGUYEN VAN HUNG Cha NGUYEN CU Me NGUYEN THI BON Chi NGUYEN THI LUU	1956B.M.Thuoc 1920Q.Tri 1947 Q Tri			hoa vien thu ky Nu ho sinh	Khu QSTT/hue CC 40/YTCB BSV Tu du		24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1410	
655	LE TUET QUEN ChaLE VAN THUYET	1968Sai gon 1929	49/303250	Th ta	Chu su			30.1.88	1.6.88	7J1		BT1497	
656	N UYEN THANH DAT Cha NGUYEN VAN MAN	1972G.Dinh 1934	222251		Canh sat	BTL/CSQG		9.3.88	1.6.88	7J1			
657	NGUYEN MANH BONG Cha NGUYEN DINH TUAN	1972Sai gon 1930N.Binh	301385	Tr si 1	Quan nhac	Bo TTM		19.1.88	1.6.88	7J2		BT1547	
658	VU VAN TAP Cha VU VAN TINH	1968G.Dinh 1930Bui chu	50/118063	Th si	Tiep lieu	LD 5/BDQ	8 nam	19.1.88	1.6.88	7J2		BT1538	Grt278
659	DUONG DUC HUNG Cha DUONG CONG CHUC	1974Sai gon 1939Q.Nam		Tr si 1		Tu dinh TT		19.1.88	1.6.88	7J2		BT1538	

660	TRAN VAN HOA	1966Bien hoa						19.1.88	1.6.88	7J2	co	
	Cha TRAN TRONG HAO	1930duyen tien	244841	tr. uy	DPQ		Tu tran					
661	NGUYEN VAN HANH	1964 Bien hoa						19.1.88	1.6.88	7J2	co	BT 1546
	Nuyen van minh	1928 Hai phong	2065456		Tho mocRMK	Long Binh						
	NGUYEN VAN CHAU	1954 Bien Hoa	77/106537	Tr. si		LD 31BDQ	Tu tan					
	NGUYEN VAN CHAU	1757 Bien Hoa		Tr. si								
662	NGUYEN VAN PHUC	1957 Sai gon						22.1.88	1.6.88	7J8	co	BT1514
	Nguyen VAN HAU					Toicaophapvien						
663	PSHM THI THU TRAM	1965Saigon						19.1.88	1.6.88			BT 1850
	PHAM QUOC TOQN	1943 Hanam	43/157880	Dai uy		Vung tau						
664	NGUYEN THI MY HUNG	1966 Sai gon						19.1.88	1.6.88	7J9	co	
	NGUYEN HUU TIEN	1931 Hai phong		Th.si	B ttm	Vung tau						
665	TRAN THI BICH HONG	1964 sai gon						21.1.88	1.6.88	7J9		BT1525
	Cha Tran the Hien			G.N Truong	DHKH saigon							
	Me DINH DIEU BANG	1931 Cao Bang		Giao su	GL Sai gon							
666	HA TRONG BAO	1973 Saigon										
	Cha HA TRONG PHU	1947Thai binh		Tr. si		Biet doan 5						
667	VU QUOC THO							25.3.88	4.6.88	7j6		BT 1677
	Cha VU DINH HAO				CSQG							
668	NGUYEN XUAN HIEU	1968 Thu duc						26.1.88	1.6.88	7A7		BT 1097
	Cha NGUYEN VAN HUE	1933 Nam dinh	53/302742	Tr.si	TTVK							
669	DINH MINH THE	1963 Bien hoa						24.6.88	1.6.88	7A7		BT 1065
	Cha DINH XUAN QUANG	1933Nam dinh		Tr. si								
	MeNGUYEN THI TRINH	1944Huong yen		Giao vien								
670	TRAN VAN NHA	1955Saigon						26.1.88	1.6.88	7A7		BT 1021
	Cha TRAN VQN PHONG			Thu ky		B. Xh						
671	TRUONG VINH PHUC	1962 VINH LONG						26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT 1080
	Cha TRUNG VAN HOOA	1926 Quang binh		Thuky HC	CSQGKhu 3							
672	TA NGUYEN PHUC	1974 Sai gon						22.1.88	1.6.88	7J8	co	
	TA DAC DUYET	1976 Son	DVTC042130	SQ.KBC3570	GIADINH							
	NGUYEN THI LUU	1948SAIGON		Giao vien	Tan phu							

673	DANH CHON	1962					31.5.88	29.8.88	7L7			
	DANH NU	1925	45/113806	Ch.uy	Tr.doi Truong	An giang						
674	SON THI HONG HOA	1964Vinh binh					11.7.88	28.8.88				
	SON SAO	1944	44/851753	Tr.si		Cang long						
675	Dao NGOC BICH	1963					6.4.88	14.7.88			co	BT2066
	N UYEN VAN CHIEN	1959					nt	nt				
	DAO VAN MAN	1937		Ky si Dien	LLhoang gia Thai							
676	DUONG N OC MAI	1968Soc Trang					11.8.88	1.9.88				BT02098
	DUONG XUAN MANH	1942	62/701877			P.T.C.KBC3338						
677	DIEP SA RA	1964 Soc trang					11.8.88	1.9.88	7H4		co	BT02097
	Diep si co dong	1969					nt	nt	nt			
	DIEP SE RAY	1970					nt	nt	nt			
	DIEP PHUONG	1928	14131		CS Vien	TTTV Ba XUYEN						
678	NGUYEN VIET QUE	1965 QN					7.5.88	29.8.88	7L7		co	
	NGUYEN KHAC TOAN		KBC 4180	Ha SI								
679	TRAN VAN KIA	1964					11.8.88	1.9.88	7H4			BT 20095
	TRAN THI MAI	1965					11.8.88	1.9.88	7H4			
	Cha TRAN VAN DUC	1935			DD Phung hiep	Phung hiep						
680	NGUYEN HU THANH	1965					21.1.88	1.6.88				BT0126
	N UYEN DUOC	1932HNN	52/109041	Tr.si	NV/TP	BCH TAN BINH						
681	LE HOANG TRUNG	1968					24.7.88	1.9.88	7K3			
	Cha LE HOANG TUAN	1945	65/130306	Dai uy	CTCT/TK/LA	TK long An						
682	LAM THANH TUNG	1965					18.1.88	1.6.88	7D2			BT01218
	LAM BUU NGUYEN	1934	39/872922	Binh2		TD358DPQ.KBC6067						

683	LE HUNG N OC	1955	Hphong					28.3.88	13.6.88	8A2		BT001509
	Cha LE DANG DOANH	1930	Namdinh	Th.uy		Ban van thu	LD					
684	PHAM THI VINH	1960	giadinh					28.3.88	13.6.88	8A2		BT001510
	PHAM VAN BINH	1928	B.Ninh	Th.si I			KBC 7193					
685	NGUYEN HOANG SON	1969	D.Nang					10.2.88	13.6.88	8A3		BT1558
	NGUYEN HOANG LAM	1950		DC/0627	Canhsat	ThukyVPCS	CSQG HIEU DUC					
686	PHAN THE BAO	1988						5.2.88	13.6.88		co	BT1671
	PhanPHU SANH	1943		NQ/817670	Tieu.D.pho	D.Dan Chu	X.Giai Xuan					
687	NGUYEN NGOC TRUNG	1970						16.2.88	13.6.88	8A3	co	BT1370
	NGUYEN KIM DAN G	1941		AN/245656	Ha si	Taixe	RMK-BRJ					
688	DINH QUOC HUNG	1973						1.2.88	13.6.88	8A8		BT 1599
	DINH VIET QUAN	1951	Bui chu	71A/700429		THUY THU	KBC 6612					
689	TRAN THI XUAN	1969						1.3.88	13.6.88	8A10	co	BT1563
	CHA TRAN VAN MINH	1936					THUONG PHE.BINH					
690	NGUYEN THI LE THUY	1966	T.Thien					10.2.88	13.6.88	8A9	co	BT1673
	NGUYEN LAC	1938				CSQG	DD5.BD.CS					
691	DUONG THI YEM	1945						10.2.88	13.6.88	8A9	co	BT1581
	N UYEN VAN CUNG	1942	Sadec	42/382428	Ha si I	Tai xe	BINH LONG					
692	TRAN HUNG QUANG	1966	TT					10.2.88	13.6.88	8A9		BT1684
	TRAN DUC	1938		119203	TSI		Vinh hung TT					
693	CAO THI TO	1961	TT					10.3.88	13.6.88	8A6	co	BT1641
	CAO HUY	1936		37/353740	TS		DA NANG					
694	CAO VANTHU	1070						nt	nt	nt		
	CAO VAN DUNG	1971		51/402763	B2	QY	QD4					
695	NGUYEN NHAT TAN	1069						16.4.88	13.6.88	8A5	co	BT1528
	NGUYEN VAN TAI	1935		KBC6280		QY						
696	NGUYEN MINH HAI	1966						16.4.88	13.6.88	8A5	co	BTI621
Cha	NGUYEN VAN TRI	I929		49/II8772	Trung Ta	Pho P.6	BTLQD 4					
697	Con Tu Si Ng th Kim HOA	20.I2.6I		B Tre				2I.I2.88	I3.6.88	8A3	co	BTI555
Cha	NGUYEN VAN CAU	Ben Tre			Truong Ap	Ap Tan Hao	G. Trom V.C. g	et I96I				
698	Con Ng Thi KIM PHUONG	5.7.65	Gia dinh					I6.2.88	I3.6.88	8A8	co	Bt I622
Cha	VU THU	I93I	Th.Binh	5I/I215I2	H/si	Th/ky TLQV	Hoc Mon G.D.					

699	con HUYNH THANH KIEM	7.8.65Th/Duc					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I579	
	Cha HUYNH VAN PHUNG	I934 V/Long	067I62	Trung si I		Tu tran I966						
700	Con NG THI THU THAO	I972 B/ Hoa					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I550	
	Cha NGUYEN CHI AN	I950 C/Tho	70I.I55763	B .2		TDI/LD23. BDQ						
70I	Con TRUONG NGOC MY	I964 B/Hoa					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I560	
	Cha TRUONG VAN LOI	I924 Can Tho			P/CT Dg Dan	Chu Q. Long Thanh						
702	Con PHUN CAY MAU	II.3.65					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I548	
	Cha PHUN VONG GIONG	I940 Quang Dong			Tr/Ap Bau Ham	Tinh Dong Nai						
703	Con LOC THI THU VAN	I0.9.62 Kh.Hoa					I5.4.88	I3.6.88	8A7	co	00I552	Bi V.C. giet I969
	Cha LOC VAN TOAN	I93I	5I/303I0I	Trung Si	TD4.TD2ISD2IB.B.							
704	Con VU THI PHUONG	9.I0.64	My Tho				I2.2.88	I3.6.88	8A5	co	00I527	
	Cha VU DINH NGO	I926 Ha Nam	300822	Tr/Si I	Thu Kho	TD7TV SD7 B.B. g/ngu 74						
705	Con TRAN THAI TRUNG	24.I0.73 My Tho					I2.2.88	I3.6.88	8A5	co	00I527	
	Cha TRAN THAI SI	I943 Nam Dinh	63/I40435	Tr/si	Thiet Giap	Giai nguMDVT so I						
706	Con NGUYEN TY	I.I2.73	Thua Thien				I0.2.88	I3.6.88	8A9	co	00I703	
	Cha NGUYEN THI	I952 Th/Thien	72/2076I6	Tr/Si I	Kh/thac Tg/Dai	TTVT/Phu Bai						
707	Con NGUYEN NHAN	Th/Thien					I0.2.88	I3.6.88	8A9	co	00I704	
	Cha NGUYEN QUYNH	I946 Hue	46/466638	Ha Si	Lai xe	KBC4699TTTVThua thien						
708	Con TRANG THI MY LOAN	30.9.65	Sa Dec				28.3.88	I3.6.88	8B3	co	00I644	
	Cha TRANG VAN SANG		37/20952I	Tr/Si		KBC4685DV4QTKien Giang						
709	Con PHAM TRAN NHU LAN	I4.2.74	Kien Giang				I6.3.88	I3.6.88	8B8	co	00I570	
	Cha PHAM NHU KIM	I945 Th/Binh	65A/702I75	Tr/si	Ph/taTX D/tu	TTHCQT R/Soi						
7I0	Con LE TRONG DAI	I5.7.7I	Kien Giang				I6.3.88	I3.6.88	8B8	co	00I57I	
	Cha LE VAN VINH	I938 Th/Binh	58A/70II69	Ha Si	NV/Sua Ch D/tu	TTHCQT R/Soi						
7II	Con NGUYEN VAN VINH	I2.9.64	Quang Duc				28.3.88	I3.6.88	8B4	co	00I690	
	Cha NGUYEN VAN MAI	I936 Di Linh		Binh 2	Phe Binh 50%	QYV Quinhon 3ngay						
7I2	Con LE THI DIEM TRANG	25.9.74	Kien Giang				27.3.88	I3.6.88	8B5	co	00I723	
	Cha LE VAN THANH	I947K/giang	67/0002I0	Tr/Si I	Sua ChuaTDTD	t/d2ITVKBC6332 7ngay						
7I3	con NGUYEN TUAN ANH	20.I0.75	Saigon				2I.2.88	I3.6.88	8B3	co	00I568	
	Cha NGUYEN VAN LOC	I947 NinhBinh	67A/700268	Tr/si	Nhan Vien	Hai Quan Cg/Xg 3ngay						
7I4	Con NGUYEN TRAN HA	I.I.76	Lam Dong				28.3.88	I3.6.88	8B4	co	00I672	
	Cha NGUYEN VAN THU	I940NinhBinh	6I/II0974	Tr/Si I	K/toanPI/ban	QS BTLSD5/BB I thang						
7I5	Con NGO THAI SON	28.2.70	Can Tho				I.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I725	
	Cha NGO PHUOC HIEU	I938 C/Tho	58/I62829	Dai uy		Tr/d338D2IBB 6 nam						
7I6	Con NGUYEN HIEU HOC	30.I0.73	Saigon				27.3.88	I3.6.88	8B5	co	00I66I	
	Cha VO VAN HIEU	I936B/Dinh	63976	Th/Uy TC	Tr/Cuoc CSQG	Xa An Tuc B/Dinh I nam						
7I7	Con LY THANH TAM	8.6.65	Thu Duc				I6.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I584	
	Me LY NGOC ANH	I942 Saigon	225508/II357I3	TIMKEEPING	Nh/Vien	RMK.BRJ						
7I8	Con DUONG THI LAN	3I.I.53	Thu Duc				I6.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I708	
	Cha DUONG VAN HUONG	I926 G.Dinh	46/II5848	Tr/ Si I		TTQ/tri Tr/uong 7 ngay						

719	Con NGUYEN QUOC KHANH	16.4.70	Tan Hiep					28.3.88	13.6.88	887	co	001605	
	Cha NGUYEN VAN KHAI	1917B.Viet	47/430564	Ha si 1		DD62DPQ/TKK.Giang Tu Tram 1972							
720	Con VU DINH HUY	1976	Gia Dinh					28.3.88	13.6.88	884	co	001605	Di voi cha
	Cha VU DINH CU	1946	66/509805	Tr/ si 1	CTCT	TK Phuoc Long	8ngay						
721	Con DO THIEU LIET	15.6.64	Saigon					28.3.88	13.6.88	886	co	001606	
	DO THI THU HA												
	Cha DO DANG KHOA	1944 Hanoi	64A/143290	Tr/ Uy		LPPh/Va TT phu	3 nam	28.3.88					
722	Con NGUYEN VAN DUNG	29.3.64	Kien Giang					27.3.88	13.6.88	885	co	001607	Cung di voi vo
	Cha NGUYEN VAN LAM	1936K.Giang	36/089374	Ha si 1		Dom Vi 4 QT	1 thang						
723	Con DO DINH RU	12.1.69	Gia Dinh					28.3.88	13.6.88	882	co	001608	Cung di voi 3 em
	Cha DO VAN TUAT	1938 Bui Chu	58/158178	Ha si 1	Ph/ta Thu	thoL/Binh KBC4920	9 ngay						
724	Con TRAN THANH DUNG	18.8.69	Kien Giang					28.3.88	13.6.88	882	co	001709	di voi chi va chau
	Cha TRAN VAN UT	1948 K.Giang	803410	NQ	Tieu doi	thoK.Binh K.G.	20ngay						
725	Con CHU TU THANG	31.8.71	Dalat					12.3.88	13.6.88	8810	co	001570	1V:506361 GDP
	Cha CHU TU CUONG	1934 Bui Chu			Pho Quan	2.Thuan Hoa BD	5 nam						
727	Con PHAN THI ANH HOA	20.6.54	Th.Binh					16.3.88	13.6.88	883	co	001569	cung di voi con
	Cha PHAN TAI LIEU	1916 Th.Binh		Uy Vien	H/TV Xa	Thanh Dong TH K.G.	8Ongay						
728	Con BUI KIM CAI	1972DaiCon						21.1.88	13.6.88	806		BT1683	
	Me BUI THI KIM HUONG	1940Da Nac			Cong chuc	Bo kinh te	7 ngay						
729	TRAN THI KIM PHUNG	1956An Xuyen						12.3.88	13.6.88	802	"	BT1576	
	Cha TRAN VAN TU	1927AnXuyen			Chu su	Toa BC/AX	3 ngay						
730	NGUYEN THI NHU Y	1955Ha Trung						21.2.88	13.6.88	805	"	BT1713	
	Cha NGUYEN XUAN DOAN	1929			Truong phong	Ty BH/SG	1 thang						
731	NGUYEN NGOC GIAU	1961Rach gia						3.4.88	13.6.88	804	"	BT1609	
	Cha NGUYEN VAN TY	1930Rach gia	187945	Tr si	TD/truong	DD413/TK/BH							
732	NGUYEN THI THANH	1973Sai gon						16.3.88	13.6.88	808		BT1717	
	Cha NGUYEN VAN TRIET	1950Hung Yen	70/119302	H a si 1	Tiep lien	TD1/PB	5 nam						
733	TRAN THI THUY	1956Sai gon						16.3.88	13.6.88	808	"	BT1697	
	Chong NGUYEN VAN THANG	1954H.Thong		Tr si		SB 5/PQ	3 nam						Hien o My
734	NGUYEN THI LAN	1954Sai gon						16.3.88	13.6.88	808	"	BT1835	1V0 34156
	Chong NGUYEN VAN THUC	1952D.Nang		Tr si		KBC4759	6 ham						Hien o My
735	NGUYEN THI BICH THUY	1964V.Long						13.3.88	13.6.88	806	"	BT1628	
	Cha NGUYEN VAN CHUONG	1940A.Giang	40/856164	Binh 2		TK/CU	1 thang						
736	TRAN THI KIM ANH	1959T.Thien						21.2.88	13.6.88	806	"	BT1717	
	Cha TRAN CONG CON			Tr si		Linh kho doPhap							
737	CAI VAN DUNG	195 T.Thien						21.2.88	13.6.88	806	"	BT1664	
	Cha CAI VIEN	192 T.Thien	446	Kho TSV		Cuoc YP/HT/TT	2 nam						
738	NGUYEN A	1963Hue						10.2.88	13.6.88	803	"	BT1608	
	ChaNGUYEN CHINH S	1941Hue	41/295634	Ha si	TP Binh	DV 1 QT							
739	TRAN QUOC CUONG	1980Kien Giang						1.2.88	13.6.88	802	"	BT1779	
	Cha TRAN TRONG CAO	1947	62/501892	Ha si		Phong TU/CG							
740	NGUYEN THI TUYET VAN	1974Sai gon						16.2.88	13.6.88	802	"	BT1630	
	Cha NGUYEN VAN CHUNG	1937Nam vang		Tr si 1	Canh sat	BCH/CSQG	7 ngay						
741	NGUYEN THI TO HOA	1968T.Thien						10.3.88	13.6.88	809	"	BT1733	
	Cha NGUYEN DANG DANG	1942T.Thien	42/134139	Dai uy	CK pho	TK/Thua Thien	7 nam1/2						

742	NGUYEN VAN THANH	1967Thien						10.3.88	13.6.88	8D1	co	BT1720	
	Cha NGUYEN BUA	1936T.Thien	108527	Ha si	Can bo	PTNT/T.Thien							
743	TRAN THI TINH	1961Hue						10.3.88	13.6.88	8D9	"	B 1731	
	Cha TRAN DE	1938 Hue	59/701238	Tr si 1		GD32 XP/Hue							
744	TRAN THUY NGOC TRAM	1975Sai gon						16.4.88	13.6.88	8D5	"	BT1632	
	Cha TRAN VAN THAO	1954B.long	74/109372	Ha si	Quan y	DD4/PR	11 ngay						
745	PHAM THI GAI	1955T.Thien						10.2.88	13.6.88	8D8	"	BT1633	
	Chong HA MIEN	1953	73/202460			TD1/TT							Hien o My
746	LE VAN HOANG	1974K.en giang						1.2.88	13.6.88	8E3	"	BT1657	
	Cha LE VAN HONG	1951Kien giang	51/516898	Binh 2		KBC4685	Thuong binh mu 2 mat						
747	NGUYEN VAN HONG	1973Ba Xuyen						16.4.88	13.6.88	8E2	"	BT01755	
	CHANGUYEN VAN CUA	1943BAxuyen		Pho truongap		NganamBaxuyen	50 ngay						
748	TRAN THI MUOI	1957Gia dinh						16.3.88	13.6.88	8.E2	"	BT01764	
	NGUYEN THE TUYEN	1941 Nam dinh					3 nam						
748	NGUYEN HUU CHINH	1971Kien giang						1.2.88	13.6.88	8E5		BT001620	
	ChaNGUYEN VAN TINH	1952Haiduong		Truong ap			Tu tran						
749	PHAM THI	1967 Sai gon						16.2.88	13.6.88	8E3	"	BT 001557	
	PHAM HU THUONG	1963Hue	56/081273	B2	Nhiep anh	KBC 4199	3 ngay						
750	VU QUOC VUONG	1968saigon						16.4.88	13.6.88				
	VU QUOC DOAN	1942Huong yen	62/100946	Tr si	Kho tiep van	KBC4061	30 ngay						
751	BUI PHI HO	1964 Sai gon						27.2.88	13.6.88	8E2	"	BT1756	
	BUI VAN QUYECH	1927H.Phong	27/001837	Th si 1	thuong vu	Sa dec	1 nam						
752	VUON VAN SON	1959K.Giang						14.1.88	13.6.88	8E3	"	BT1757	
	Cha VUON VAN MANH	1910 K.Ginag		Ha si		Phu Xuan GD							
753	VU TIEN THINH	1972Sai gon						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1619	
	Cha VU TIEN	1944T.Binh	64/176236	Th si 1		Vien BL/NQ							
754	VU TRONG VAN	1959K.Giang						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1658	
	ChaVU NGO	1936	36187474	Ha si		Kien giang	Tu tran						
755	HA QUOC TUAN	1971 T.Dong						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1759	
	Cha HA DANG DINH	1953T.Binh	73/602508	Ha si	K.Quan	SD4/KQ/CT	1 thang						
756	DUONG THUONG	1962T.Thien						12.3.88	13.6.88	8E1	"	BT1763	
	Cha DUONG THAI	1936	56/206012	Ha si		KBC4121							
757	HOANG KIM ANH	1975Sai gon						10.2.88	13.6.88	8E6	"	BT1773	
	Cha HOANG VIET HUNG	1964T.Thien	155663	NQ		Thua Thien							
758	DUONG MINH LOI	1972C.tho						12.3.88	13.6.88	8E7	"	BT1770	
	Cha DUONG VAN MEO	1970V.Long	40/083741	Th si		KBC4938							
759	DANG THI LE THANH	1962Sai gon						12.6.88	13.6.88	8E5	"	BT1639	
	Cha DANG PHAN	1936T.Binh	56/809568	Ha si 1	Tai xe	253PB	3 ngay						
760	NGUYEN THI XE	1957T.Thien						10.2.88	13.6.88	8F4	"	BT1740	
	Chong NGUYEN THANG	1955T.Thien		Ha si	Khong quan	Da Nang							
761	TRAN KHUONG TUNG	1961Sai gon						10.2.88	13.6.88	8F4	"	BT1863	
	Cha TRAN THIEN HUNG	1921HaNam		Cong chuc	chu su	phong HC/KT/SG	chet						

762	TRAN UNG MUI	1956B.thuan						16.6.88	17.6.88	8F1	co	BT1782
	ChaTRAN SEINH SAN	1922H.Ninh	301078	Tr si 1		KBC4002						
763	PHAM HONG NINH	1969K.Giang						13.2.88	13.6.88	8F1	"	BT1873
	Cha PHAM VAN CO	1934K.Giang			Cong chuc	Xi mang HT						
764	VUONGTO M AI	1953D.Thap						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1881
	AnhVUONG HUUNHI	1953R.Gia		Th ta	CSQG	Long Xuyen	13 nam					
765	DANH HOANG PHUOC	1967K.Giang						16,6.88	17.688	8G2	"	BT1859
	Cha DANH OT	1937K.Gianv			Truong ty	Ty Sac toc KG	3 nam					
766	TRAN DINH LUONG	1964K.Giang						6.5.88	17.6.88	8G10	"	BT1898
	Cha TRAN DINH LAC	1942N.dinh	42/305750	Binh 2		KBC6157	Tu tran					
767	NGUYEN THI HOA	1976 K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G6	"	
	Cha NGUYEN QUANG KGAI				Pho ap	K.Giang						
768	VU VIET TAN	1966K.Giang						5.5.88	17.6.88	8G5	"	BT1832
	Cha VU VIET RINH	1945	43/178030	Ha si	6	Kien giang	2 nam					
769	PHAM VIET TAM	1969K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G10	"	BT1802
	Cha PHAM VIET CHIN	Ha Nam		Ha si 1		KBC3485	45 ngay					
770	TRINH QUOC VIET	1971K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G10	"	BT1836
	Cha TRINH XUAN MAI	1939HaNam	230330	Ts	Thuong binh	loai 3 DPQ						
771	NGUYEN VAN HUNG	1964K.Giang						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1847
	Cha NGUYEN THANH TIN	1930K.Hiang			Xa truong	An Giang	2 nam					Vuot nguc
772	DO THI HUONG THAO	1962D.Nang						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1848
	Cha DO KIM CHAU	1928 T.Thien	48/201495	Da i uy		PD1/KS /DN						
773	NGUYEN VAN DUNG	1964 Q.Ngai						21.4.88	17.6.88	8G3	"	BT1834
	Cha NGUYEN VAN BE	1935Hue		Ha si 1		KBC4190	chet 1974					
774	TRAN CHIEU ANH TUAN	1970Sai gon						11.6.88	22.6.88	8H10	"	BT1915
	Cha TRAN CHIEU QUANG	1941D.Thap	61/600961	Th ta	Khong quan	Tan son 1	9 namloth					
775	NGUYEN NGOC LIN	1968K.Giang						21.4.88	17.6.88	8.H8	"	BT1929
	ChaNGUYEN VAN MINH	1952B.Chu		Binh 1		TD 2/BB						
776	LE XUAN CUONG	1973B.Hoa						18.4.88	17.6.88	8H4	"	BT1825
	Cha LE XUAN ANH	1940H.Dong	60/810694	Dai uy	Quan y	HT/1248/K2	28thang					
777	NGUYEN THI NGHIEM	1953HaNam						21.4.88	17.6.88	8H1	"	BT
	Chong NGUYEN VAN DIEN	1947K.Giang	67/514262	Binh 1	Quan cu	Pleiku						
778	PHAM ANH TUAN	1974 Sai gon						21.4.88	17.6.88	8H3	"	BT1804
	Cha PHAM DUC NGHIEU	1	30.275.30	160	Tho moc	RMK						
779	VIEN THI HONG THUY	1950Sai gon						18.4.88	17.6.88	8H2	"	BT1927
	Chong TRAN MINH HONG	1947	152138	Th uy	CSQG	Nha Be	8 nam					
	Cha VIEN VAN HIEU	1926	26/000673	Th si	Bao an	Phong Binh						
780	NGO THI HAI	1946 AGiang						26.6.88	3.7.88	8J4	"	BT2029
	Chong TRAN VAN TIEM	1947A.Giang		Th si 1		Qui nhon	2 nam					
781	BUI VAN TAN	1967B.Hoa						7.6.88	29.6.88	8J10	"	BT1966
	Cha BUI VAN TUOC	1928Sa dec	48/125415	Th si 1	Thuong vu	Long Kanh	7 ngay					
782	LUONG THE NGHIA	1956Sai gon						27.6.88	3.7.88	8J8	"	BT2003
	Cha LUONGTHE HANH				CSQG	Giai ngu 1969						
783	LY CONG MINH	1967D.Nang						12.5.88	3.7.88	8J9	"	BT1985
	Cha LY CONG CAO	1938B.Hoa	51A/700258	Th si 1	HLV	Vung 3/TT	2 nam					

784.	TRAN THI HUE	1952 L.An						26.6.88	3.7.88	8J7	co	BT2020
	Chong NGUYEN VAN THANH	1950L.an		Tr uy	Phi cong	PT/TSN	6 nam					
785	TRAN THI LU	1953L.An						26.6.88	3.7.88	8J7	"	BT2031
	ChongNGUYEN VAN DUOC	1945		Tr uy	Phi cong	PT/TSN	2 nam					
786	NGUYEN VAN DUNG	1957Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K2	"	BT2018
	Cha NGUYEN VAN DUONG	1923N.Binh			Cong chuc	Kho5 /QT/SG						
787	LE VAN SANH	1968Cuu Long						29.6.88	3.7.88	8K3	"	BT 1051
	Cha LE VAN SO		55/102090	NQ		Cuu Long	4 thang					
788	HUYNH HUU CUONG	1961Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT1999
	Ch aHUYNH UN	1928		Tr uy	Tham sat vien	CSQG Q4	chet					
789	TRAN THI HONG	1951Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2014
	Chong BRIAN VAN DANCY	1948H.Duong	68/601588	Tr uy	Phi conh	SD 5/KQ						
790	TRAN THI BICH THU	1963 Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2014
	Cha TRAN VAN TRU	1928N.Binh			Truong phong	Quan nhu	15 ngay					
791	NGUYEN HONG HIEN	1963Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2017
	Cha NGUYEN VAN BA	1931 Sai gon		Tr si 1	Pho phong	SD5/KQ	3 ngay					
792	LE VAN QUANG	1971Hue						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2016
	Cha LE VAN NGHIEM	1932 Hue		Tr uy								
793	VU MINH	1968Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2008
	Cha VU CHINH	Ben tre		Tr uy	Bac si	chet						
794	TRANG THI PHUONG NHI	1960Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2010
	Cha TRAUONG HUU HIEP	1934C.Boc			Truong ty	Thue vu/TSN	Chet					
795	NGUYEN THI PHUONG MAI	1966D.Nang						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT2p15
	Cha NGUYEN QUANG HIEN	1941 H e	61/215875	Tr uy		KBC4602/6	3 nam					
796	LAM THI MINH	1967V.Tau						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT2028
	ChaLAM VAN UT	1944	64/203815	Th si 1	TD pho	TTHL/LS/NT						
797	TRAN THI MAI	1963Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K4	"	BT1995
	Cha TRAN VAN SOM	1937										
798	PHAM DUC DUC	1974Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K4	"	BT19787
	Cha PHAM VAN MEO	HocMon		Ha si	Khong quan							
799	TRAN THI MOI	1958Q.Nam						29.6.88	3.7.88	8L1	"	BT2047
	Cha NGUYEN SOAN	933Q.Na		Binh 2	Nhay du	Chet 1960						
800	NGUYEN THANH TAN	1963 A.Giang						22.5.88	3.7.88	8L3	"	BT1983
	Cha NGUEYN VAN DUY	1928N.Binh	48/104282	Tr si 1	Quan cheHo so mat Bo TTM							
801	N: YEN THI NHUNG	1955Sai gon						29.6.88	3.7.88	8L4	"	BT2053
	Cha NGUYEN VAN THANH	1936N.Dinh			Truong Ap	Ap An nhon	1 thang5ngay					
802	PHAN BA TRICH	1963Sai gon						12.5.88	3.7.88	8L2	"	BT1982
	Cha PHAN THIEM	1925			Chu tich	Cuu chien binh	BoCCB 8 nam					
803	TRAN NGUYEN NHAT QUYNH	1973Hue						12.5.88	3.7.88	8C3	"	BT1992
	ChaTRAN VAN DUYEN	1948Hue	68/208296	Tr uy	TDtruong	Quang tin	3 nam					
804	BUI DUC HUNG	1966Sai gon						29.6.88	3.7.88	8L4	"	BT2064
	Cha BUI VAN TOAI	1941H.Duong		Th si	Tiep lieu	KBC4552	Tu tran					

805	VU BAO TRUNG THU	1982Bao lou						29.6.88	3.7.88	8L4	co	BT2054
	Cha VU DINH DUNG	1953 B.Chu	73/145805	Tr y	DD truong	Don Mimisa						
806	NGUYEN TUAN	1953Ba lat						2.7.88	3/7.88	8L2	"	BT2040
	Cha NGUYEN LUONG	1930K.An			Truong ty	NhaKT,SG						
807	TRAN THANH HAI	L960M.tho						12.5.88	3.7.88	8L3	"	BT1993
	Cha TRAN VAN HUU	1920M.Tho		Chu tich	Dang Dan chu	Cai Lay	5 nam					
808	NGUYEN THI KIM DINH	1969A.Giang						29.6.88	3.7.88	8L1	"	BT2050
	Cha NGUYEN VAN ROAN	1932T .Binh	52/111944	Th si		TD403/CB	3 thang					
809	NGUYEN THI NGOC ANH	1956G.Dinh						12.5.88	3.7.88	8L3	"	BT1994
	Chong SON HONG DUC	1948 V.Long	58/11818	Dai uy			10 nam					
810	DANG MY THANH	1966V.Tau						9.6.88	3.7.88	8J1	"	BT2007
	Cha DANG VU THI	1931N.Dinh	51/312334	Th ta	Truong phong	CTCT/TD7/SD5/BB	7nam					
811	LU HONG NGAN	1964V.Long						9.6.88	3.7.88	8J1	"	BT1989
	Cha LU VAN THAO	1948V.Long	68/071908	Tr y		Vinh Long	3 nam					
812	DANH NHUONG	1960K.Giang						19.8.88	136 .88	8D10	2	BT1656
	Cha DANH XUONG	1936K.Giang		Binh 2		K'en Giang	2n3thang					
813	HA VAN HAI	1964T.Thien						9.2.88	13.6.88	8F8	"	BT1866
	Cha HA VAN THIN	1941T.Thien	61/214670	Ha si 1		DD127/Hue	6 thang					
814	BUU PHUC	1957Hue						10.2.88	13.6.88	8E6	"	B_t 1735 o tu 5 nam
	Cha UNG THANH	1924Hue	44/201363	Th ta	Thanh tra	Thua thien	5 nam					
815	NGUYEN TRI CANH	1965D.Nang						16.3.88	13.6.88	8E10	"	BT1822
	ChaNGUYEN LUA	1939D.Nang	165237	NQ		CK/HV/QN	1 thang					
816	VO VAN HAI	1963T.Vinh						1.6.88	29.6.88	8H11	"	BT1968
	Cha VO VAN CANH	1943V.Binh		Binh 2		Ku tran						
817	DANH THI NGOC ANH	1964K.Giang						1.4.88	13.6.88	8D7	"	BT1610
	ChaDANH PRAD	1928K.Giang			DD pho Can	ve K.Giang						
818	PHAM NGUYEN ANH	1971Sai gon						10.2.88	13.6.88	8E6	"	B_t 1772
	ChaPHAM KIM PHAN	1941T.Binh	61/110048	Dai uy	Quan y	Tong yvien CH	14thang					
819	CAO PHUC	1957T.Thien						1012.88	13.6.88	8E6	"	BT 1736
	ChaCAO HE	1932T.Thien			Truong NDTV		30 ngay					
820	TRAN NGOC PHUONG	1967Sai gon						21.2.88	13.6.88	8C4	"	BT1587
	Cha TRAN LAM	1941Sai gon	61/195293	Ha si 1	CTCT	TD 30						
821	LE PHU QUY	1956T.Ninh						2.2.88	15.6.88	8B1	2	BT1706
	ChaLE QUANG LAU	1934L.Xuyen		Tr si 1	DC 190	C3QG /TN						
822	HOANG THI THA	1944T.Thien						24.4.88	17.6.88	8G3	"	BT1869
	Cha HOANG NVOC TICH	1951 T.Thien	71/204007			DD22VT/SD22BB	3 nam					
823	LE SONG THANH	1977A.Giang						21.4.88	17.6.88	8G11	"	BT1907
	Cha LE VAN TIENG	1932K.Giang	2319861		Chuyen vien	RMK						
824	NGUYEN HUU PHUOC	1958C.Long						14.6.88	13.6.88	8D5	"	BT 1751
	Cha NGUYEN VAN MAO	1925C.Long			Truong ap	Ap Binh Minh	7 ngay					

825	NGUYEN THI THU TRANG	1961B.Xuyen						2.7.88	20.7.88	8M3	co	BT2081
	Cha NGUYEN BINH TRONG	1926S.Trang		Thieu ta	Truong phong	ICCS	Chet trong cai cai tao Ha Noi					
826	NGUYEN VAN THANH	1969T.An						1.2.88	13.6.88	8B6	"	BT1567
	Cha NGUYEN VAN THACH	1946T.Hoa	66/504505	Th si 1	Tu tran 1971							
827	PHAN BICH THUY	1968K.Giang						18.4.88	17.6.88	8H2	"	BT1839
	Cha PHAN VAN BE	1930K.Giang	30/186385	Th ta	Chi khu pho	Kien Hoa	7 nam					
828	NGUYEN THI XUAN DUNG	1967R.Gia						21.4.88	17.6.88	8G6	"	
	Cha NGUYEN VA HIEU	1936B.Chu	56/104630	Ha sil	Quan y	BV/KG	3thang					
829	NGUYEN THAI SON	1965Pleiku						21.4.88	17.6.88	8G6	"	
	Cha NGUYEN VAN TUYEN	1931B.Chu	02932631		Tho moc	Defence attach	USA					
830	DO TRONG HUNG	1953N.Dinh						10.6.88	17.6.88	8F10	"	BT1817 Quoc gia nghia tu
	Cha DO MANH HUNG	1924B.Chu	302592		Thuong phe	binh						
831	MAI HAI BANG	1965Sai gon						10.6.88	17.6.88	8F10	2	BT1818
	Cha MAI VAN THUAT			Dai uy	Quan truong	Son Ha QN	Giai ngu 1961					

77) ANH SACH CHUNG VO CON CUU QUAN-CAN-CHINH VIET NAM CONG HOA VA NHAN-VIEN PHUC VU CAC CO QUAN HOA-KY

(To 1)

VUOT BIEN DUONG BIEN DRANG O TRAI BANTHAD THAILAND

(1) So TT	(2) Ho va ten	(3) Ngay va nam sinh	(4) So quan so dien cac danh bo	(5) Cap bac	(6) Chuc vu	(7) Don vi cuoi cung	(8) Thoi gian cai tao	(9) Ngay den Thailand	(10) Ngay den Banthad	(11) So nha	(12) So ho so	(13) Xin bao tro	(14) Ghi chu
1:	LE THI TUYEN	1959 Saigon						01-2-88	19-5-88	1A1			-IV-220595
	Cha LE VAN DINH	1930 Saigon	50/142737	Thieu-Ta	CHT/CS	Q. Phuoc-Ninh	10n.3thg						IV-41546
													Grt 174 Thu-Duc
2:	NGUYEN MINH HAI	1972 Long-an						01-2-88	19-5-88	1A1			
	Cha NGUYEN VAN CHAM	1942 Sadec	62/105767	Trg-si 1	Thg-dich	BCH/DK3	15 ngay						-Hien o My
3:	DINH VAN HOANG DUNG	17.4.64 Sadec						31.1.88	19.5.88	1A1		Co	
	Cha DINH VAN MAN	1933 Gia-dinh	53/125438	Thieu-ta	TD.Trg.	Truyen tin	9n.11ng						-Grt.105
4:	TA VAN PHUNG	2.9.64 Saig.						31.1.88	19.5.88	1A1		Co	
	Cha TA VAN THEM	1938 Gia dinh	58/100296	Ha si		TTHL/QTrung	3 ngay						-CNCT 4890
5:	THAI QUANG HUY	1969 Saigon						20,1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha THAI VAN HIEN	1944 Saigon	C44/141842	Dai uy	Trg.ban2	Chi Khu Cangio	7n.						-Grt. 87 Tan Lap
	Me NGUYEN THI DINH	1946 Giadinh		Nhan vien	Liaison	DED-CLU-JAO							-IV-037664
					Coordinator	US.Embassy	3 ngay						
6:	PHAN HOANG CUONG	1971 My-tho						21.1.88	14.5.88			Co	
	Cha PHAN VAN QUYEN	1944 Saigon	64/189044	Ha si 1	CTCT	TD30/8D7BB	3 ngay						-Grt.1130
7:	NGUYEN THI PHUOC HUAN	1967 Danang						31.1.88	19.5.88				
	Cha NGUYEN HUU HUONG	1940 Danang		Dai uy									-Mat tich 1975
8:	nguyen thanh can	1960 Long an						19.1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha NGUYEN VAN CON	1932 Long an											-Mat tich 1964
9:	TRAN HUY HAI	23.4.58 Lg.An						19.1.88	14.5.88	1A2		Co	
	Cha TRAN HUY TRANG	1930 Long an		Giam thi		Ty KienT,Lg-an	7 ngay						
	Me NGUYEN THI HEN	1933 Long an		Nhan vien		Cq.Vien tro My							
10:	NGUYEN DUY VU	1970 Saigon						8.1.88	14.5.88	1A3		Co	
	Cha NGUYEN DUY DO	1949 Ninhbinh	69/134801	Trg-si	Quan canh	TD.11Q.canh							

(to 2)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11:	NGUYEN HANH TIEN	1962 Saigon						8.1.88	14.5.88	LA3		Co	
	Cha NGUYEN VAN THAI	1925 Ninhbinh		Cong chuc		Can cu BQ QTQC							
12:	PHAN HINH THINH	8.10.62 Saig.						10.1.88	14.5.88	LA3		Co	
	Cha PHAN VAN Y	1926 Hadong	C9709	Thgsi DB		Phu ta An ninh	3 nam						-Grt.280
13:	NGUYEN THI HY LEN	1958 Saigon						15.1.88	14.5.88	LA3			
	Cha NGUYEN HUU THANH	Saigon		Nhan vien		Toa Dai su UC							
14:	HION TUYEN HONG	1960 Travinh						15.1.88	14.5.88	LA6			
	Cha THACH HION	Travinh		Cong chuc		Trg-ty ST.T.vinh	6 nam						-Hien o My
15:	TRAN VINH THINH	1968 Saigon						12.1.88	14.5.88	LA7			
	Cha TRAN VAN DUONG	1944 NhaTrg.	64/144629	Thieu uy		TK. Binh-duong							-Hy sinh 1975
16:	NGUYEN THI TUYET MAI	8.10.70 Saig.						19.1.88	14.5.88	LA6			
	Cha NGUYEN VAN TO.M	1946 Namvang	66/156998	Binh 2		TD.11 BTL Du							-Hien o My
17:	PHAN HONG DUY	1964 Q.ngai						19.1.88	14.5.88	LA7			
	Cha PHAN GIOI	Q.ngai		Trg uy	Tr.B.5 CK	Chi khu PhongPhu	6 nam						-Hien o UC
18:	NGO ANH THANH TAM	1958 Saigon						20.1.88	14.5.88	LA7	00092		
	Cha NGO THANH HION	1936 Giadinh	56A/700101	Ch.uy	Co khi	TTTL Nha be	7 ngay						
	Me NGUYEN THI BE	1938 Saigon		Nhan vien	Thu ky	IRC (US Amb.)							
19:	TRAN ANH NHA	1959 Saigon						19.1.88	14.5.88	LA9	00094		
	Cha TRAN VAN VINH	V.Tau	47/100472	Trg-Ta	CHTrg.	TTHL Nhay du	3 nam						-Chet trong tu
20:	LE VU HOAI HUONG	1969 Q. Nam						25.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha LE VAN HANH	1943 Kontum	63/205318	Dai uy	Trg.B.5	Chikhu Hoa vang	6 nam						-Grt.1188
21:	CAO THI KIM ANH	1969 Dienhoa						19.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha CAO VAN TUYEN	1926											DAng o Ly
22:	TRAN THIEN ANH CHUONG	1962 Saigon						19.1.88	14.5.88	LA9			
	Cha TRAN THIEN THANH	1942	62A/102427	Thg si	Trg.Phong	TH/QG TQLC/TLC	8 thg.						

(to 3)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
23	NGUYEN VAN TUAN Cha NGUYEN VAN CHI	1967 Saigon 1933	53/146691	Ha si		KBC.4545		19.1.88	14.5.88	L.9	0		
24	TA TRUYEN HAI Cha TA TRUYEN PHUONG	1964 Giadinh 1930 Daclieu	50/024196	Trg.euy	Trg.phong	KT. Nha Canh sat	2 nam	19.1.88	14.5.88	L.9		Co	-D.252 BTL.QK.9
25	DOAN THI THU Cha DOAN PHUOC	1968 Giadinh 1940 Thua-Th.	60/100469	Thieu uy	DDT/TS	Sd.18 BB		17.1.88	14.5.88	L.10	00066	Co	-Ly dinh 1972
26	DANG THI KIM TUYET Cha DANG VAN TRI	1968 Saigon 1928 Kienan	48A/302911	Ch.uy				17.1.88	14.5.88	L.10			-Giai ngu 1973
27	MAI THI BINH Cha MAI VAN TAN	1954 Saigon 1930 Namdinh		Thieu ta	Trg,ban	Q.tri ANQD	5 nam	17.1.88	14.5.88	LA10			-Grt.2904
28	NGUYEN NAM SON Cha NGUYEN VAN AN	1955 Kien hoa 1903 Haiduong		Dai uy				15.1.88	14.5.88	LA10			
29	LE QUOC DUNG Cha LE VAN HUONG	1953 Ha Noi 1922 Ha noi	42/100967	Thieuta	CH.Pho	Tg.HD/BQP		17.1.88	14.5.88	LA10		Co	-GCN 900/CN
30	CHAU NGOC BICH Cha CHAU NGHIA	1957 Saigon 1927 Baxuyen	47/100091	Trg.Ta	Trg-Phong	ANQD/QD3		15.1.88	14.5.88	LA11		Co	-Dang hoc cai tao
31	TRAN THI HAI PHUONG Cha TRAN XUAN THU Me TRAN THI NGAT	1978 Saigon 1945 Buichu 1949 Buichu	65A/145101 096	Trgsi 1 Tho ky	Trg.tin	TG65/KT/TT Hang Pacific	3 ngay	15.1.88	14.5.88	LA11		Co	
32	DINH THU THANH Cha DINH ANH	1960 Th.Thien 1936 Th.Thien	56/104202	Trgsi 1	Trg.Ban	Su doan Du	3 ngay	15.1.88	14.5.88	LA11		Co	-CPG 8369 AN
33	BUI THI PHI PHUNG Chong PHAN VAN HUONG	24.1.40 S.dec 1938 Can tho	58/103704	Th.uy		CD.Phuong hoang	14 thang	17.1.88	14.5.88	LB1		Co	-IV.73247 -V.25775 -Grt.30876
34	NGUYEN ANH TRUONG SON Cha NGUYEN ANH LE	21.1.75 Sadec 1938 Bentre	58/103289	Th-Ta		TrgD.16/SD9	12n.2th.	17.1.88	14.5.88	LB1		Co	-IV.30763-Grt 15 V.25723
35	NGUYEN THI THU Cha NGUYEN VAN HOACH	11.9.58 Saig. 1932 Datbiet		Thg.dichv			9 nam	1.2.88	19.5.88	LB3		Co	-Grt. 24.9.80

(1)	(2)	(3)	9 (4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(10)	(12)	(12)	(13)	(to 4) (14)
36	TRAN DINH QUANG Cha TRAN DINH NHUNG	27.4.58 BMT 1932 Nam dinh		Trg si		SD 9 BD	11 nam	15.3.88	19.5.88	1B3		Co	
37	DO VINH CO Cha DO TO TU	1967 Cholon 1942 Cholon	62/184708	Binh 2		TD3 SD9BD	3 ngay	20.1.88	14.5.88	1B4		Co	-Grt 3911
38	LE VAN QUOC VU Cha LE VAN KICH	1967 Q.tri 1930 Q.tri	50/201140	Ch-uy		LLDB/BTTM	6 nam	24.1.88	1.6.88	1B1			-IV 053945 V.0217 grt 782
39	NGUYEN THI NA Cha NGUYEN VAN RI	5.12.64Q.Nhon		Trg si 1		Ban QuannhacQD2	15 ngay	29.1.88	14.5.88	1B4			
40	LE TRUNG HIEU Cha LE XUAN HOA	23.7.77 Saig. 1955	75/126776	Binh 1		Ban Quanhac SD1	1 nam	19.1.88	14.5.88	1B6		Co	
41	DO THI THU HUYEN Cha DO VAN NGAN	8.9.71 Saigon 1.1.38 B.Viet				KBC. 4259		19.1.88	14.5.88	1B6			
42	LE XUAN THANH Cha LE XUAN THUAT	14.1.72 Saig. 1.9.55	55/301590			TD.3/SD2		19.1.88	14.5.88	1B6			
43	HOANG QUOC HAI Cha HOANG QUOC HAI	21.6.57 Dalat				Trg Ap Dalat		14.1.88	14.5.88	1B6			-Chet trong tu
44	NGUYEN THI XUAN MAI Chong TON-LONG-KY	14.7.34 QNgai				Nha K.lo Cg.Ch.		19.1.88	14.5.88	1B7			
45	NGUYEN HOANG KIM HIEU Cha NGUYEN DUC HOANG	10.12.66 Saig 25.12.45 Hdg.	45/247117	Trg uy	DDP/CTTL	Tieu K. Giadinh		1.2.88	19.5.88	1B5			-Grt 348 CucC24
46	TRAN ANH TUAN Cha TRAN HIU HDE	22.3.59 Saig. 1922	42/300076	Thg si 1		Cuc T.Tin CC60		19.1.88	25.5.88	1B7			
47	NGUYEN KIM VUI Cha NGUYEN VAN TU Me NGUYEN THI KIM LIEN	23.12.56 Saig 1934 1940				Canh sat Cg.lo		19.1.88	14.5.88	1B7			-Bi am sat 1968
48	NGUYEN TUY DUNG Cha NGUYEN NGOC KINH	25.7.69 1943		Dai uy CS		BTL/CSQG/CQE2		15.1.88	26.5.88	1B7		Co	-Grt 79
49	NGUYEN THI KIM THUY Cha NGUYEN VAN HUAN	17.4.62 DaNg. 1929	49/301967			TD2/6 BB	3 ngay	22.1.88	14.5.88	1B9			
50	TRAN THI LAN HUONG Cha TRAN DIEP	8.9.66 Saig, 5.10.28	48/103771	Trg si 1		TD5 Cong binh	7 ngay	15.1.88	14.5.88	1B9		Co	
51	NGUYENTHI NGOC DUNG Chong THAI BA THANH	22.4.52 B.Hi 1948 Hai Phg	68/600847	Trg uy		Toa DS My DS 3 Khong Q.		15.1.88	14.5.88	1B9			-IV.47261 V. 39342 Chet trong tu.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
52	NGUYEN THI KIM THUY Cha NGUYEN HUU QUYET	6.10.62 Giad. 1934 Ha Nam	54/402668	Trg si		TTHL/Quang Trg	3 ngay	22.1.88	19.5.88	1B9			
53	TRAN THI HIEN Cha TRAN CHO	1959 Hue 1917 Hue			Giao vien	Thua thien	20 ngay	20.1.88	19.5.88	1B11			-IV 059664
54	HA TO LINH Cha HA TO HA	1976 Saigon 1953 Cholon			Canh satDC	Bien hoa	4 ngay	1.2.88	19.5.88	1C1		Co	-CN7978
55	LY HINH TUNG Cha LY HINH DUC	1970 Saigon 1942 Ny tho	62/600699	Trg si 1	Trg.toan	SD1 KQ		27.1.88	19.5.88	1C1		Co	
56	NGUYEN HIEU LIEM Cha NGUYEN AN DEN	1963 Binh Tg. 1941			Trg Ap			12.3.88	19.5.88	1C1		Co	-QG Nghia tu
57	NGUYEN THI HONG PHUOC Cha NGUYEN CHI LANG	1969 Saigon 1939 Nam Dinh	59/164200	Dai uy	Trg.B.QS	KBC. 4125	3n 7 thg	1.2.88	19.5.88	1C1			
58	NGUYEN THI NU Cha NGUYEN THANH PHONG	1971 KienGi. 1935	55/443045		Nghia Q.	Chi Khu Kien Tan	2 thg.	1.2.88	19.5.88	1C1			
59	NGUYEN NGOC HUONG Cha NGUYEN QUOC DUNG	1957 Saigon 1919 Bac Ninh			Phu ta	Truong Cho Quan	7 ngay	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
60	NGUYEN THI THU HUONG Cha DUONG PHUONG	1960 Danang 1911 Danang			Cong chuc			2.4.88	19.5.88	1C2			-Hien o Ny
61	NGUYEN THANH HUY Cha NGUYEN THANH TRANG	1969 Dalat 1942	62A/121007	Trg uy	G.Su VBDL	Vo bi Dalat	3 nam	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
62	LA THI KIM LOAN Cha LA QUANG VIET	1967 Quinhon 1929 Hanoi			Nhan vien	Dai Phat thanhQG	7 ngay	2.4.88	19.5.88	1C2		Co	
63	PHAN VAN HIEN Cha VAN LOA	1953 Qui nhon 1928 Namdinh	48/302247	Trg si 1		Quan y vienQ.nhon		2.4.88	19.5.88	1C4			-CN 7093
64	NGUYEN THI NOT Cha NGUYEN VAN HIEU	1954 Saigon 1915 Kienan			Chu tich	Dang Dan chu	6 thg.	7.2.88	19.5.88	1C4			-CN 2190 GQ3BN
65	CAO TRAN TUAN Cha CAO VAN CAN	1968 Angiang 1945	65/410868	Dai uy				12.2.88	19.5.88	1C5		Co	-Chet trongtu 1980

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 6) (14)
66	NGUYEN TRAN HAI TRAM Cha NGUYEN VAN TAI	1961 Hue 1936 Hue	56/107222	Trg si 1		TD2/TB48/SD18	7 ngay	17.1.88	14.5.88	1C6		Co	-CN 5421
67	NGUYEN VAN THIEN Cha NGUYEN VAN THO	1961 Darlac 1945 N.binh				DD93/TD9 Du		15.1.88	14.5.88	1C6			
68	HOTHANH LIEM Cha HO QUANG HOAI	1957 Longan 1933 Kien H.	53/054881	Thieu ta	Trg.P.TT	T.Khu Sadec	87 thg.	17.1.88	14.5.88	1C7			-Grt 259 Hamtan
69	BUI THI HOI Chg. VU DUC HUYEN	1935 Namdinh 1922 Namdinh			Nh.vien CH		3 ngay	19.1.88	14.5.88	1c7			-CN 1106
70	HUYNH THI HOA TIEN Cha HUYNH VAN DIEU	1961 Saigon				Quan nhac SD9BB		23.1.88	14.5.88	1C7		Co.	
71	NGUYEN NGOC QUANG Cha NGUYEN NGOC NINH	1966 Ninhbinh 1943 Ninbinh	63/660519	Thg si		BTL KhgQuang	40 thg.	23.1.88	14.5.88	1C7		Co	
72	PHAN QUOC LUAN Cha PHAN VAN NUOI	1954 Dalat 1954 Haiduong	54/002470	Thg si		T.khu Tuyenduc	7 ngay	23.1.88	14.5.88	1C7			
73	PHAN VAN TUONG Cha PHAN VAN DINH	1971 Saigon 1926 K.hoa				Bo Quoc phong		2o.1.88	14.5.88	1C8		Co	
74	NGUYEN THI THU THUY Cha NGUYEN CONG TIEN	1971 BienHoa 1924 Hadong	44/400075	Trg si		TD. Thg Van	1 nam	19.1.88	14.5.88	1C8			
75	TRAN KIM NGOC Cha TRAN BUU LONG	1976 Sadec 1953 Sadec		Th uy	Trg Cuoc	Tieu K.Sadec	5 nam	17.1.88	14.5.88	1C8			
76	PHAN NGOC DUNG Cha PHAN VAN HAU	1966 Saigon 1929 N.dinh			Nhan vien	RMK/BRJ		19.1.88	14.5.88	1C8			- So My
77	LA TAN KIET Cha LA HY MINH	1972 Saign				SD1 Thiet ky		17.1.88	14.5.88	1C8			
78	HA HONG THUY Cha HA DUY KHUYECH	1958 T.ninh 1923 H.hung			Cong chuc	Ty Chieu hoi	5 nam	19.1.88	14.5.88	1C8		Co	-Grt 26/12/80
79	DAO THI THUY DUONG Cha DAO DUY TOAN	1972 1941 H.NN.	61/106617	Trg si		BTTM/HQ	3ngay	12.1.88	14.5.88	1C8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 7) (14)
80	HUYNH THI HOA Cha HUYNH VAN TAC	1959 Angiang 1929 Ch.doc	49/062842	Thg si	Trg Ban	TB.BX.QTCQN	5 ngay	13.1.88	25.5.88	1C9			
81	NGUYEN HOANG HOA Cha. DONG VAN	1953 Sadec 1949 V.long	69A/700537	Trg si	ThuyenTrg.	C/CHQ/Cat lai	3 ngay	13.1.88	25.5.88	1C9		Co	-CH 0404
82	HUYNH THANH VAN Cha HUYNH PHAN KHOI	1970 Angiang 1944 Kambuchia	132431	Daiuy CS	Trg Phong	TK. Chaudoc		15.1.88	25.5.88	1C10			-Grt380
83	CHUNG THI HUYNH MAI Cha CHUNG VAN DONG	1958 Tayninh 1929 B.duong	49/118790	Daita	Tinh-Trg	Tinh My tho	12 nam	6.2.88	19.5.88	1G1		Co	-Chet trong tu
84	PHAN THI THUY Cha PHAN CONG HIEN	1962 Giadinh 1925 Th.binh			Cong chuc	Phu Thu tuong	10 ngay	6.2.88	19.5.88	1G1			
85	NGUYEN TUYET ANH Cha NGUYEN NGOC NGA	1966 Saigon	58/103512				7 ngay	31.1.88	19.5.88	1D2		Co	
86	PHAN DINH QUYNH Cha PHAN ANH QUAN	1971 Saigon 1943 Saigon	39361	Dai uy CS	DDT/CSDC	BCH/CS BinhTuy	10 nam	31.1.88	19.5.88	1D2			-Grt 44QDBNV
87	TRUONG VAN LINH Cha TRUONG VAN LUONG	1958 Q,Tri 1931 Q.tri	51/201901	Trg Ta	Ph.TT/BTTM		10n.3thg.	17.1.88	25.5.88	1D3		Co	-Grt 168
88	NGUYEN LA VINH LINH Cha NGUYEN VAN LINH	1971 Th,hai 1942 Nghetinh				PSD/AN CCMARCOS	1 thg.	17.1.88	25.5.88	1D3		Co	
89	NGUYEN HIEM PHUNG Cha NGUYEN NGOC	1971 Saigon 1950 B.dinh		Ha si 1		TD2/SD.Du		31.1.88	19.5.88	1D4		Co	-Tu tran 4175
90	NGUYEN THI TUYET HONG Cha NGUYEN DANG DANH	1962 Saigon 1929 Th.binh		Cong chuc		B 6 D		11.5.88	19.5.88	1D4		Co	
91	VU MANH DUNG Cha VU VAN LIEM	1956 Saigon 1921 Hanam			Thu ky	Trg.DH Y khoa	7 ngay	31.1.88	25.5.88	1D4		Co	
92	PHAN VANTIEN Cha PHAN VAN LUAN	1957 Saigon 1932 H.duong		Trg si 1		BCH/K3	7 ngay	3.1.88	14.5.88	1D7		Co	
93	NGUYEN THI HUONG Cha NGUYEN VAN QUYEN	1960 Saigon 1925 N.dinh	AP096243		Nhan vien	Saigon ADVHCS		19.1.88	14.5.88	1D7		Co	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 8) (14)
94	PHAN HUAN VU Cha PHAN VAN AN	1967 Saigon 1942 H.binh	62/106704	Ha si 1		CC10QK	3 ngay	19.1.88	14.5.88	1D7		Co	-CT 8137CH
95	TRI DINH QUANG VU Cha TRI XUAN DON	1976 Honai 1953 DacViet	73/155753	Ch.uy	D.Doi Pho	Trg BB Thu duc		8.1.88	14.5.88	1D7			
96	NGUYEN THI NA Chg. LE CAO HANG	1948 Saigon 1941 Phuyen	61/151040	Daiuy		TK. Camranh	3 nam	23.1.88	14.5.88	1D10			-Grt 36 BTL/Langa
97	DOAN THI LY AI Cha DOAN VAN HO	1964 Phu-kh. 1938 Phu.kh.		Nghia quan				23.1.88	14.5.88	1D10			-Tu tran
98	LY AI DUNG Cha LY THO QUY	1957 BTT		Cong chuc		Phg.Vienthg.QT	1 thg.	17.1.88	14.5.88	1D10		Co	
99	LAM THI THANH LANG Ma SOI THI CUONG Cha LAM DUONG	1970 Vinhb'nh 1943 Ba.nuyen				Hu Quan nhan		13.1.88 13.1.88	14.5.88 14.5.88	1D10 1D10		Co	-Tu tran
100	THAI THUY Cha THAI VAN THU	1966 Saigon 1944 H.duong	64/102250	Trg si		Cuc TLC.	3 ngay	16.1.88	15.5.88	1D11			
101	PHAN VAN TUONG Cha PHAN VAN CHI HI	1962 Saigon 1935 H.dong	55/151043	Ha si 1	Y ta	Tong Y Vien CH	3 ngay	17.1.88	14.5.88	1D11		Co	-Chet
102	LE QUANG VIET Cha LE HONG DUNG	1966 1945	65/100158	Trg uy		Du doan 1 BB	3 nam	15.1.88	14.5.88	1E1			
103	NGUYEN THI THUC Cha NGUYEN LUONG DUC	1975 Tayninh 1926	46/029311	Thg si 1		AN.Phitrg TSN	3 ngay	27.3.88	15.5.88	1E1			
104	LE THI BACH LUONG Cha LE VAN TIEP	1965 1934 Namdinh	54/302788	Th.Ta	TCTV	Bo TTM	5 nam	15.1.88	25.5.88	1E1			
105	NGUYEN TRUONG HOAN Cha NGUYEN QUANG TRUONG	1973 Saigon 1951 Saigon		Ha si 1		SD3 KQ	3 ngay	15.1.88	14.5.88	1E1			
106	NGUYEN QUYNH HOA Cha NGUYEN DUC QUY	1968 Cocong 1930 Ha noi					5n.9thg.	22.1.88	25.5.88	1E2			-Grt 317
107	BA THI TUYEN Cha BA KE	1957 Phanrang 1925 Phanrang		Pho Doc su			3 nam	17.1.88	25.5.88	1E2			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 9) (14)
108	NGUYEN THI NGOC HUYEN Cha NGUYEN NGOC HO	1973 Saigon 1948 HX.binh	68/135605	Thg si	Trg.ToanQCTT	TD5 QC	3 nam	15.1.88	25.5.88	1E3			-Grt445
109	NGUYEN VAN CHI Cha NGUYEN KINH	1976 Saigon 1947 Q.tri	67/813117	Trg si		DD32 DPQ.TN.		15.1.88	24.5.88	1E3			-Hien o Panat
110	NGUYEN HOANG DIEM CHI Cha NGUYEN VAN KHON	1975 Saigon 1942 Hue				So T.N.		15.1.88	24.5.88	1E3			-Hien o My
111	NGUYEN VAN NGA Cha NGUYEN VAN NGOC	1958 Dinhtuong		Trg si 1		TD 45/SD23BB	6 thg.	10.2.88	19.5.88	1E4			
112	CAO QUANG HIEN Cha CAO QUANG TUYEN	1968 Cuulong	55/400943	Trg uy		Ban QI Tranoc	5 nam	17.1.88	14.5.88	1E5			
113	TRAN ANH THU Cha TRAN QUANG HUE	1964 Saigon 1940 Hue	60/203712	Th-ta	Trg Ban 1	LD81 BKD	5 nam	19.1.88	14.5.88	1E6		Co	-Grt 155
114	NGUYEN SINH HUY Cha NGUYEN HUU KINH	1960 Kontum 1933		Trg Ta		Pho TK.Kontum		8.1.88	14.5.88	1E6			-Hien o My
115	NGUYEN THI THUONG TRA Cha NGUYEN HUU AI	G1962 Caylay 1930 Caolanh				CT.Dg.DC Hoaan	3 thg.	17.1.88	14.5.88	1E7			-Grt 001
116	DUONG DINH HUY Cha DUONG THI DUONG	1972 Saigon 1948 Danang	68/129379	Binh 1		KBC.4685		19.1.88	14.5.88	1E7		Co	-Chet
117	TRAN THI MY LINH Cha TRAN VAN CHINH	1974 Kientuong 1945 Caylay	65/106605	Trg si 1		KBC. 6075	11 ngay	17.1.88	14.5.88	1E7			-Grt. 1645/CN
118	NGUYEN NGOC DUNG Cha NGUYEN VAN PHUNG	1969 Saigon 1947 Saigon	67/804921	Trg uy	HLV	DucMy Nhatrg.	6 nam	19.1.88	14.5.88	1E7		Co	-Grt 438
119	NGUYEN VAN HAI Cha NGUYEN VAN HANG	1967 Saigon				KBC. 4377		27.1.88	27.5.88	1E8			-Chet 1973
120	HAI ANH THANH VU Cha HAI VAN THUNG	1970 Saigon 1940 Danang		Trg si		Ty CS Danang		27.1.88	27.5.88	1E8			-Chet 1974
121	DIEM THI HONG HANH Cha DIEM LE	1967 Saigon 1940 Q.ngai	60/096545	Trg si 1		TK. Gladinh		27.1.88	28.5.88	1E8			-Tu tran

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 10) (14)
122	HUYNH VAN TUAN Cha HUYNH THU	1964 Q.nam	57/220710	Binh 1		TD3/51BB		27.1.88	23.5.88	1E8			Tu tran
123	NGUYEN VAN PHUNG Cha NGUYEN VAN DEN	1971 Dong Th. 1942 K.phong	62/512255	Binh 1		TD67/BDQ		15.1.88	14.5.88	1E10			-Tu tran 1972
124	PHAM NGOC LINH Cha PHAM DINH HIO	1968 Dongnai 1935 Th.binh	55/180591					16.1.88	14.5.88	1E10			
125	VO THI KIEU OANH Cho VO CONG BICH	1968 Danang 1938 Hue			Trg.cuoc	Ty CS Danang		29.1.88	14.5.88	1E11			-O tai ny
126	DUONG THI TRANG Chg. NGUYEN BA HAO	1971 Ngh.binh 1931 Ngh.binh		Dai uy	Trg cuoc	-"-		15.1.88	14.5.88	1E11			-Hi n o tC
127	NGUYEN THI KHANH Cha VU HINH	1953 K. An 1945 B.ninh		Trg si 1	Dan QS	Bo TTH		23.1.88	14.5.88	1E11			-"n o DC
128	PHAM NGUYEN CUONG Cha PHAM VAN NGHI	1970 1933	53/300660	Thieu ta	TDT	Cuc Tr.tin	6 nam	5.4.88	19.5.88	1F3			
129	TRAN VAN NGOC Cha TRAN VAN THEM	1973 1955 Hue	75/605688			KBC. 4324	3 ngay	5.4.88	19.5.88	1F3			
130	HUYNH BANG HY LINH Cha HUYNH NA DUNG	1967 1942	62/209794	Dai uy	Trg Ban 2	KBC.4277		5.4.88	19.5.88	1F3			-Tu tran 1968
131	NGUYEN THI CAM HOA Chg. NGUYEN VAN QUE	1942 1935		Trg uy		TK. Khanh hoa		31.1.88	19.5.88	1F3			
132	HOANG THI KIM TUYEN Cha HOANG DIEP	1964 1934			Than vien	GAO		20.1.88	14.5.88	1F4			
133	VI THI PHUONG Cha VI VAN NGUYEN	1961 1922	42/400029		Pho Th.muu	KBC 4839		20.1.88	14.5.88	1F4			
134	LE DUY DUNG Cha LE DUY ANH	1969 Saigon 1924 Hadong				Ngan hang QGVN		20.1.88	26.5.88	1F4		Co	IV 507329

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 11) (14)
135	BUI THI LE Cha BUI VAN DAU	1935		Trg si 1	CSQG	Nha trang	7 ngay	5.4.88	19.5.88	1F5			
136	NGUYEN THI HA HANH Cha NGUYEN VAN HAI	1936			CS Vien		3 ngay	20.1.88	14.5.88	1F6			
137	NGUYEN DUY NGUYEN Cha NGUYEN DUY KY	1968 1935				KBC 4420		20.1.88	14.5.88	1F6			
138	DO THANH KIET Cha DO THANH HONG	1963 Saigon 1936 Hue	56/130729			KBC 3529	5 nam	19.1.88	14.5.88	1F7			
139	TAT NGOC NAM Cha TAT QUOC THANG	1962 Saigon 1949	69/700290					18.1.88	14.5.88	1F7			
140	NGUYEN VAN SON Cha NGUYEN VAN TOA	1963 Cuulong		DPQ		My hoa Cuulong		18.1.88	14.5.88	1F7			
141	NGUYEN KIM HIEN Cha NGUYEN VAN HOANG	1973 Saigon 1954	74/162065	Binh 2		SD1 BB	9thg.	29.1.88	14.5.88	1F7			
142	PHAM THI HIEN CHAU Cha NGO HUU LOC	1951 Saigon 1948 Hanam	68/144991	Trg uy		TK. Longan		19.1.88	14.5.88	1F8			
143	TRAN QUOC PHUONG Cha TRAN DUY PHO	1963 Saigon						20.1.88	14.5.88	1F7			
144	DANG DINH VUONG Cha DANG DINH KIEM	1964 Dalat 1948 Hadong	68/300102	Trg uy		TTHL/QTrung		19.1.88	14.5.88	1F8			
145	NGO THI DUNG Cha NGO HUU KHANG	1961 Kontum 1938 Hongai	58/100086	Trg si		LL/DacB.3419		19.1.88	14.5.88	1F8			
146	NGUYEN QUANG VINH Cha NGUYEN QUANG VU	1969 Sgigon 1951 Thuduc			C.sat vien	Ty CSQG Thuduc	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1F8			
147	PHAM THI NGOC MY Cha PHAM VAN PHA	1960 Saigon 1941Kontum	61/107287	Binh 1		DTL/CSQG	7 ngan	19.1.88	14.5.88	1F8			
148	NGUYEN HUU THANG Cha NGUYEN HUU DINH	1962 Saigon 1923 Q,Yen	STT 124	Dai uy		Ty Cg.ch.ThNghe	12 thg.	19.1.88	28.5.88	1G1			-Grt 16NV, hien o Germany

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 13) (14)
149	BUI THI THUC Cha BUI DAC TAI	1968 Saigon 1938 B.dinh	58/107436		Giam doc	Ngan hang PTTN		19.1.88	29.5.88	161			
150	NGUYEN THIEN KHANH Cha TRAN THIEN KINH	1969 LongKh. 1938 H.binh	58A/700044	Trg ta	DVDN 933			16.1.88	25.5.88	162			
151	VU DOC TUAN KHOI Cha VU QUANG TRIEM	1974 Saigon		Trg si				10.1.88	25.5.88	162			
152	VU THI AI X. Cha NGUYEN AI	1969 Ngh.binh 1931 Ngh.binh						15.1.88	25.5.88	162			-Tu tran 1071
153	NGUYEN PHUONG QUOC Cha NGUYEN DINH THANG	1953 HNinh 1915 H.Ninh			Nhan vien	RNK/SRJ Lewp.		15.1.88	25.5.88	162			
154	CU THI PHUONG MAI Cha. THAI VAN MINH	1953 Saigon 1949 Cholon		Trg si 1		VP/CTTL	3 ngay	27.1.88	29.5.88	163			
155	THUONG THI MINH Cha THUONG VAN RUA	1964 Tayninh 1938 Tayninh			Nghia quan	CK.Trg.bang		27.1.88	29.5.88	164			
156	DO THI NGUYEN Cha DO HUY	1936 Hue 1930 Hue		Trg si		Quang ngai		27.1.88	28.5.88	164			-Tu tran
157	NGUYEN DAO THY THY Cha NGUYEN THANH	1962 Saigon 1952 Hue	72/211617	Th.uy	DDT		6 thg.	27.1.88	28.5.88	164			
158	DOAN THANH LUU Cha DOAN THAI DUNG	1958 Saigon 1934 H.dinh	58/6910 54/105476	Th.ta	Trg Ban 3	Trg. TSQ.10/12 QK. 3	3 ngay 8 nam	22.1.88	28.5.88	164			-rt 176
159	NGUYEN THANH SON Cha NGUYEN VAN GAT	1962 Bentre 1935	STT.6795		Chu tich	Hoi dong K.Hoa	5 nam	19.1.88	28.5.88	161			
160	NGUYEN THI HY HUONG	1951 Landong						27.1.88	28.5.88	161			
	TRAN NGOC BAO QUYEN Chg. TRAN NGOC GIAO	1972 Landong 1942 V.ninh	62/415217	Dai uy	Ban 2	CK. Bao loc	6 ham	27.1.88	28.5.88	161			-Grt 86
161	UNG KIM LONG Cha UNG THANH LONG	1950 DongTh. 1926 Sadec	46/101140	Trg ta	CHT	CC/Ngo van San	9 nam	27.1.88	28.5.88	165			-Grt 233

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 13) (14)
162	NGUYEN THI NGUYEN Cha NGUYEN TAN HUNG	1972 A.giang 1942 Cantho	62/502270	Trg si		TTHL/Chilang	6 thg.	20.1.88	14.5.88	1G6			
163	NGUYEN THI DIEU TIN Cha NGUYEN HUU THOI	1964 Hue 1928 B.dinh			Dan bieu	HV. Quinhon	10 nam	2.4.88	19.5.88	1G7			
164	NGUYEN TU TUAN Cha NGUYEN TU THAI	1967 Saigon 1924 Danang			Phu DUTUTB			2.4.88	19.5.88	1G7			-Dang cai tao
165	TRAN THI PHUONG HAN Cha TRAN VAN NGHIA	1955 Danang 1920 Hue	40/023778		CHT	TTHL Duc my		2.4.88	19.5.88	1G7			
166	LAM TONG Cha LAM VAN Y	1962 Tayninh 1934 Baclieu		Dai uy		Ky su HH.V.tau	3 ngay	2.4.88	19.5.88	1G7			
167	KIM HOANG SON Cha KIM QUPA LYLAI	1977 Travinh	54/853317	HSQ		TK. Vinhbinh		2.4.88	19.5.88	1G7			
168	PHAN THI KIM CHI Cha PHAN HIU CHAU	1959 Pleiku 1930 N.binh			Trg Ty	Ty TT.Tuy hoa		2.4.88	19.5.88	1G7			
169	TRAN HONG THU Cha TRAN VAN THU	1966 Pleiku 1938			CSV.	CSQG/Q2/Saigon	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1G8			
170	PHAN CHAU HUY Cha PHAN HAN THACH	1969 Quinhon 1930 Quinhon	50/200011	Th.ta.	Th.tra	BCH/TKBinhdinh	6 nam6th	19.1.88	14.5.88	1G8			-IV 214482 V.38245
171	NGUYEN HUU HIAN Cha NGUYEN HUU THOI	1959 Q.Nam 1928 B.dinh			Dan bieu	Ha nghi vienDD	10 nam	19.1.88	14.5.88	1G8			-IV 127612 V.34237 GrtQD165
172	NGUYEN THI MINH THU Cha NGUYEN TUYEN	1958 Hue 1930 Hue	50/074499	Dai uy		Cua khau Khu 2		19.1.88	14.5.88	1G8			-Grt 55/PT
173	NGUYEN THI THAO Cha NGUYEN VAN THAI	1961 Dalat			Nghia q.	Tuyen duc	7 ngay	19.1.88	14.5.88	1G9			
174	NGUYEN QUANG HUNG Cha NGUYEN VAN CHON	1968 Dalat 1939 Hue						19.1.88	14.5.88	1G8			
175	NGUYEN THI TOAN Chg. TONG TUONG HOI	1954 Q.tri 1950 Q.tri	70/209518	Trg uy		ANQD.Q.duc	8 nam	17.1.88	14.5.88	1G10			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 14) (14)
176	TONG THI THU BA Cha TONG VAN CONG	1956 Q.tri 1919 Q.tri		Th.uy		Ty CSQG Q.tri		17.1.88	14.5.88	1G10			
177	NGUYEN TRUC PHUONG Cha NGUYEN TRUC THU	1966 Sadec 1939 Hue	59/102208	Dai uy	Trg.ban	Phg.DH.	3 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 1074/QD
178	NGUYEN HUU DINH HINH Cha NGUYEN HUU AU	1972 Q.tri 1941 Th.binh	61/110987	Trg uy	Bac si	TYV. Conghoa		31.1.88	14.5.88	1G11			-Cai tao mat tic
179	DO THANH TRI Cha DO THANH PHONG	1969 B.duong 1944 B.duong		Dai uy CS	CK.trg	CK.Phu hoadong	8 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			
180	NGUYEN DINH QUANG Cha NGUYEN DINH VINH	1959 Saigon 1935 Dalat	56A/109142	Dai ta	TL/DN	BTL/QD 4	13 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 91
181	NGUYEN HOAI TAM Cha NGUYEN VAN TRIEU	1961 Long be 1929 H.ninh	49/300809	Trg si 1		TD. Cong vu	5 nam	15.1.88	14.5.88	1G11			-Grt 1100
182	HAI HOI NGAN Cha HAI DUOC HUNG	1958 Saigon 1935 H.dinh		Trg si 1	Ke toan	Hha V.Thong	3 ngay	31.1.88	25.5.88	1H1			
183	NGUYEN KY THU VAN Cha NGUYEN KY VONG	1968 Dalat 1939 V.tau	59/101867	Th.ta	TDT	TK. Gia dinh	5 nam	15.1.88	14.5.88	1H2			
184	LE THI YEN HUONG Cha LE HIEM TAP	1967 Saigon 1940 Saigon	60/188631	Trg uy	CK.trg	CK.Kien Phong	3n 3thg	15.1.88	14.5.88	1H2			
185	NGUYEN THI HOANG DIEP Cha NGUYEN VAN QUAN	1969 Dalat 1924 H.dong			CSQG	Ty CSQG Dalat	3 nam	15.1.88	25.5.88	1H2			
186	TRAN THI DICH OANH Cha TRAN DINH HONG	1962 Darlac 1929 H.phong	49/300013	Trg ta	TK.pho	TK.Tuyen Duc	5 nam	15.1.88	16.5.88	1H2			-Tien o Ay
187	VU THI THUY VINH Cha VU VAN DUC	1955 H.an 1927 H.binh			CSQG	CK. Condao		20.1.88	25.5.88	1H4			- -"-
188	NGUYEN HUU THAO Cha NGUYEN DU THIEN	1963 Saigon 1929 Cantho	49/125057	Dai uy		TD.130 DP		17.1.88	14.5.88	1H6			
189	LE THI LE CHI Cha LE HEM HOACH	1961 1931 Q.tri	51A/000053	Trg ta		SD1 KQ.Danang	13 nam	31.1.88	25.5.88	1H5			
190	TRUONG KY Cha TRUONG HIENG	1960 Hue 1936 Hue	56/202437	Ha si 1		CK/KT/Hue	1 thg.	15.1.88	14.5.88	1H7			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 15) (14)
191	[illegible] ANH Chg.NGUYEN VAN HAI	1934 Daria 1925 V.long		Trg ta	Truong ty	Ty AN QD.V.long	12n8thg.	20.1.88	14.5.88	1H7			
192	TRAN HUNG VIET Cha TRAN VAN HUON	1958 Saigon 19 7				Quan thue Saig.		17.1.88	14.5.88	1H7			
193	NGUYEN VAN HOANG Cha NGUYEN VAN KIEU	1960 Longan 1937 Long an	57/000843	HSQ.	Quan van		3 nam	17.1.88	14.5.88	1H8			
194	NGUYEN THI HIEN PHUNG Cha NGUYEN HIEU VUONG	1958 Saigon 1932 Long an			Phu ta		3 ngay	20.1.88	14.5.88	1H8			
195	NGUYEN THI THU VAN Cha NGUYEN VAN GIO	1972 Saigon 1948	68/339475	Ha si 1		KBC		19.1.88	25.5.88	1H4			
196	[illegible] VAN DINH Cha [illegible] VAN GIAU	1975 Saigon 1950 Saigon		Trg si 1		BTL/Hai quan		19.1.88	25.5.88	1H4			- Da chet
197	TRAN THI BICH PHUONG Cha TRAN VAN THAM	1960 1935 H.duong	55/300055	Th.ta	Pho ty	Quan 3		31.1.88	21.5.88	1H5			
198	[illegible] HOA Cha CAO LUONG	1969 D.duong 1939 D.duong		Trg si 1		Hai quan		13.1.88	21.5.88	1H5			
199	LA THY LOAN Cha LA [illegible]	1964 Saigon 1938 V.binh	58/827815			KBC 4113		22.1.88	28.5.88	1J4			
200	BUI QUY HOANG Cha BUI QUY [illegible]	1960 Hue 1932 H.duong	42/300298	Th ta		Vung 2		22.1.88	28.5.88	1J4			-Chet
201	NGUYEN THUY HUONG Cha NGUYEN VAN [illegible]	1967 Saigon 1933 D.tiap				Co quan Hoa ky		22.1.88	28,5.88	1J4			
202	[illegible] THI ANH TUYET Cha [illegible] VAN TA	1962 DIT. 1930 HXB.		Thg si		KBC 4912		22.1.88	28.5.88	1J4			
203	NGUYEN THIEN TRAN Cha NGUYEN VAN THO	1959 Saigon 1935 Hanoi						25.1.88	24.5.88	1J7			
204	NGUYEN THI SOAN Cha NGUYEN CONG KHAU	1959 B.duong 1934 H.duong	54/104506	Binh 1		TD1 Thiet giap		29.1.88	14.5.88	1J8			-Tu tran 1964
205	HOANG THU LAN Cha HOANG VAN PHAT	1970 D.nai 1942 n.binh	62/158482	Ha si	PD/HT.TOW	TD48/SD18		27.1.88	14.5.88	1J8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 16) (14)
206	[illegible] THI NGOT Cha [illegible] VAN LY	1955 Saigon 1917 N.binh			Nhan vien	So My		21.1.88	14.5.88	1H8			
207	[illegible] PHUC [illegible] Cha PHAM VAN DINH	1978 G.dinh 1940 N.binh	60/181120	Binh 2				2.1.88	14.5.88	1H8			
208	NGUYEN THI [illegible] Cha NGUYEN VAN CUOT	1967 K.giang 1937 Ch.Th.						15.1.88	15.5.88	1H9			
209	LY VAN HOA Cha LY VAN TON	1978 R.gia 1932 R.gia	52/191506	Trg si		TD426 DPQ	17 ngay	20.1.88	14.5.88	1H9		Co	-Grt 06173
210	NGUYEN THI [illegible] Cha NGUYEN [illegible] DE	1958 G.dinh 1923 Th.b.			Trg ty	Trg.HLCHTD	5 n20ng	22.1.88	14.5.88	1H10			-Grt 00117702332
211	HOANG THI TUYET NGA Chg. NGUI VAN PHAM	1941 H.noi 1933	53/266056	Trg ta	Pho TLC	LD/TQLC	5n 6thg	13.1.88	14.5.88	1H11			-Hen o Phillipine
212	HOANG GIA HUNG Cha HOANG GIA CAT	1973 Saigon 1943	63/188549	Trg uy	Trg Ban	Tg.Nha Taichanh	4n 5 thg	13.1.88	14.5.88	1H11			-Grt 111
213	LUU VAN LAI Cha LUU SUNG	1971 Saigon 1933 Hue			Tai xe			15.1.88	25.5.88	1J2			
214	LE THANH TUNG Cha LE VAN LO	1963 Nha trg 1946	64/600270			KBC.2136	2 ngay	31.1.88	25.5.88	1J2			
215	LAM THE DUC Cha LAM QUOC THUY	1975 V.long 1943 N.binh	63/187395	Trg uy	Tr.tin	TD466DPQ	5 nam	31.1.88	25.5.88	1J3			-Grt 335
216	DINH QUANG KHOI Cha DINH VAN DANG	1959 Saigon 1917 N.ninh	37/284660	Dai uy		TK. Giadinh		31.1.88	25.5.88	1J3			
217	HUYNH BUU TRI Cha HUYNH BUU LY Me NGUYEN THI HONG PHAM	1965 1941 Ch.doc		Trg si 1	Nhan vien	KBC.4039 Ty CSQG Sadec	1 thg.	10.1.88	15.4.88	1J8			
218	DANG XUAN KHANH Cha DANG XUAN TOAI	1970 D.nang 1938 D.nang	58/186305	Dai uy	LDT	TK.Quang tin	11 ngay	20.1.88	21.5.88	1J8			
219	BUI THI NHU PHUONG Cha BUI TIEN	1963			Pho HC.	Quan Tin duc		25.1.88	14.5.88	1J8			-Chet

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	td(17) (14)
220	BUI THI NHU PHAN Chg. NGUYEN HANH TUAN	1958 D.nang 1942 Q.ninh	62/208265	Dai uy	Trg Ban 2	TD6/SD2BB	8 nam	25.1.88	14.5.88	1J8			
221	PHAN THI KIM LOAN Cha PHAN VAN BIEN	1969 Saigon 1933 B.chu	92217	Trg si 1		Q.7 Saigon		22.1.88	25.5.88	1J9			-Grt 063
222	NGUYEN THI NGUYET Cha NGUYEN VAN TIEN	1960 B.duong 1937 H.hung			Pho Ap	Ap Th.Hoa B.Hoa	1n 6 thg	22.1.88	25.5.88	1J9			-Mat tich 1977
223	VU THI SA Chg. DINH NGOC LE	1954 Saigon 1946 B.chu			Chu tich	Dang DC.Kien hoa	4 ng.	22.1.88	25.5.88	1J9			
224	NGUYEN DAC TIEN Cha NGUYEN VAN LAM	1971 Saigon 1928 HTN.	22055	CSQG		Cang Saigon		15.1.88	25.5.88	1J10			
225	TRAN VAN TOAI Cha TRAN VAN GIAN	1964 C.tho 1935 C.tho	55/569748	Ha si		LD7 CB.	17 ng.	13.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 124
226	LE QUANG BINH Cha LE QUANG VIEN	1971 D.nang 1929 BTT.	49/202429	Th.ta		Tong Kho QuanVanDi	2nam	16.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 114/LT
227	DAO TRONG NGHIA Cha DAO TRONG HAU	1966 1943 H.hung			Phong vi	en Dai Tr.hinh VN	3 ngay	16.1.88	25.5.88	1J10			
228	LY HUUT Cha LY HY	1971 C.tho 1942 C.tho			Hieu trg	Trg.Phung Hiep	34 ngay	13.1.88	25.5.88	1J10			- Grt 101
229	TRUONG THI HINH TUYET Cha TRUONG NHU TONG	1963 1936 C.tho	56/156031	Th.uy	Quan tri	TD481 TK.Baclieu	2 nam	13.1.88	25.5.88	1J10			-Grt 487
230	BUI PHINGA Cha BUI THIEN TUONG	1964 T.giang 1923 B.tre	43/101698	Th.ta		Can cu Long binh		27.1.88	28.5.88	1M1			IV 528784 -Da chet
231	TRUONG NGAN HOA Chong TA KIEN HOA	1940 S.be 1947 Saigon	67/802866	Ha si 1		TD 6 QC/BK.Thudo	7 ng.	27.1.88	28.5.88	1M1			-IV 43661 -CN 85HQ3/CN
232	NGUYEN DUNG VI Cha NGUYEN MAN CO	1969 Saigon 1941 hue	61/204311	Trg uy		Biet phai BD.	2n.8thg	22.1.88	28.5.88	1M2			-Grt 256/QG
233	BUI HUY PHONG Cha BUI KIM PHUOC	1969 L.khanh 1945 Sadec	65/513196	Thg si 1		Ty AN/QD/Sadec	6 thg.	22.1.88	28.5.88	1M2			-Grt 159/LT
234	LE KHOI NGUYEN Cha LE CONG QUAN	1975 Saigon 1943	63/473062	Trg si		TT.TU/DPQ		22.1.88	28.5.88	1M2			-IV 087155

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 18) (14)
235	CAN QUOC DUNG Cha CAN VAN DE	1960 Saigon 1932 Ha tay	52/304198	Chuanuy		TD42/SD22BB	3 ngay	22.1.88	228.5.88	1M3		Co	-Grt 519
236	PHAN BICH THUY Cha PHAN VAN MAO	1960 Saigon 1939 Saigon			Trg ban	Tong vu CSQG	3 thg.	20.1.88	28.5.88	1M3			
237	TRAN THI NGOC HUONG Cha TRAN TIEN	1966 Pleiku 1937 Q.nam	57/104253	Trg si 1		BCH/TK/Pleiku		22.1.88	28.5.88	1M4			
238	TRAN MINH TRI Cha TRAN VAN DIEU	1964 G.dinh 1934 B.tre			Nhan vien	So My		22.1.88	28,5.88	1M3			-IV 4405 V.20997
239	VU THI SUOT Cha DAO MANH TRUNG	1957 Saigon 1951 Ha noi		Trg uy		Doan G1/3D1KQ		31.188	28.5.88	1M5		Co	
240	VO NGOC HAN Cha VO VAN BINH	1967 Saigon 1942B.hoa	62/151276	Dai uy	T.Doan Pho	TK. Quangda	7n 7thg.	31.1.88	28.5.88	1M8			-Grt 1165/Grt
241	PHUNG THI ANH TUYET Cha PHUNG VAN TUOI	1969 Saigon 1944 Saigon			Cong chuc	Ty B.dien		16.1.88	25.5.88	1M5		Co	
242	NGUYEN THI HONG Cha NGUYEN HIEN	1967 Saigon 1941 Q.binh	61E/196624			BCH4TV		31.1.88	25.5.88	1M5		Co	
243	PHAN THE TUNG Cha PHAN THE HUNG	1959 Saigon 1929 My tho	49/125100	Dai uy	TD Truong	TD22/PB	6 thg.	31.1.88	25.5.88	1M8			-IV 36984 -QD 15/NV
244	TRAN THI THANH THUY Cha TRAN VAN THANH	1961 Saigon 1923 H.noi	43/301780	Trg ta	Trg.khoi	Trg. CTGTDalat	5 nam	31.1.88	25.5.88	1M8			-IV 36984 -IV 36984 ?
245	DINH PHUC THINH Cha DINH KHOA	1967 BMT 1935 N.binh	55/101566		Pho TS	BTL/CSQG	3 ngay	16.1.88	14.5.88	1M9			-003313/CN
246	DINH HOAI NUYEN TRANG Cha DINH VAN THIET	1967 Saigon 1939 K.an	59/154776	Thg si 1		TD1/SD/BB	10 ngay	14.1.88	14.5.88	1M9			-IV 501945 -Grt 2360
247	DANG NGOC QUANG Cha DANG NGOC TU	1969 H.nghia 1941 q.ngai	61/211762	Th.ta		SD25BB	8 nam	19/1/88	14.5.880	1M9			-Grt 143
248	BACH THI MY Cha BACH HUONG	1957 Hue 1941 Hue.				KBC.6084		14.1.88	14.5.88	1M9			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 19) (14)
249	DANG DICH NGOC Cha DANG NGOC NGHIA	1964 Saigon 1927 N.dinh	47/211251		Cong chuc	Cty XoB.saigon		31.1.88	25.5.88	1M10			
250	NGUYEN THI TUYET Cha NGUYEN HUU CHINH	1961 D.nang 1930 S.tay			Tho ky	Cuc Congbinh	4 ngay	31.1.88	24.5.88	1M10			-IV 075038
251	VU CONG KHOI Cha VU NGOC NGOAN	1970 Saigon 1934 N.dinh	54.400679	Th uy			1 thg.	31.1.88	25.5.88	1M10			
252	TRAN THI THANH HAI Cha TRAN TRONG HUAN	1952 H.phong 1918 P.diem			Chu su	Cq.TV/Trguong	3 ngay	31.1.88	25.5.88	1M10			-IV 536023 Gcn 15299/Gn
253	NGUYEN QUOC TAN Cha NGUYEN VAN TIN	1957 Daclac 1933 B.hoa	53/140372	Dai uy	SQ.Th.Kan	P.HCTC/Tg.ha	2 nam	2o.1.88	25.5.88	1K1		Co	-Grt 213/QH
254	NGUYEN THI THU NGUYET Cha NGUYEN VAN KIM	1964 B.duong 192[illegible] L.an	114813	Trg si 1	TD.truong	SD43 BDQ		2o.1.88	25.5.88	1K1			-IV 218169 -Tu tran
255	NGUYEN THANH PHUOC Cha NGUYEN VAN TRIEM	1967 C.mau 1937 T.hoa		Thg si 1	Can su			16.1.88	25.5.88	1K1			
256	NGUYEN NGOC CAM Cha NGUYEN SON	1958 BT.Thien 1922 BT.thien	3/200637	Th ta		Giai ngu 1976	2 thg.	1[illegible].1.88	25.5.88	1K1			
257	TRINH KIM HANG Cha TRINH VAN KIM	1959 Saigon Ha noi				Thg Tan ADC		22.1.88	28.5.88	1K2			-Hien o Hy
258	NGUYEN THANH TAM Cha NGUYEN THANH TUAN	1971 D.thap		Trg si				27.1.88	28.5.88	1K2			-Hien o Hy
259	NGUYEN VAN TIMI Cha NGUYEN VAN TAN	1957 B.thuan 1927 T.hoa			Nhan v'en	So Hy		27.1.88	28.5.88	1K3			
260	NGUYEN XUAN QUOC DAO Cha NGUYEN XUAN HUYEN	1973 Q.nhon 1942 Hue			Giao Vien	Trg Kt.Q.nhon		27.1.88	28.5.88	1K3			
261	VO THI THONG Chg. LE HUE	1937 H.tinh 1937 H.tinh	57/483487	Ha si		TD382 DPQ.CD		27.1.88	28.5.88	1K3			
262	LE THINH MAN Cha LE VAN SU	1961 V.tau 1936 V.tau	56/131414	Dai uy	Trg phong	TL.Quan Nhac		27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 524650 Grt 19577
263	DUONG TUYET TRINH Cha DUONG VAN PHUOC	1973 Sa gon 1938 Ph.penh			Cong chuc	So Ngoai kieu		27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 132587

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 20) (14)
264	TRAN ANH TUAN Cha TRAN CHOC MINH	1969 X.loc 1944 L.son	64/158833	Ch uy		SD18BB	2 nam	27.1.88	28.5.88	1K4			-IV 526287
265	HO QUI HUOI Cha HO HUONG LONG	1954 B.thuan		Thg si 1				27.1.88	28.5.88	1K4			
266	PHAM THI LE QUYEN Cha PHAM CONG DINH	1959 R.gia 1957 T.binh		Thg si		LD66TT	3 thg.	25.2.88	19.5.88	1K5			
267	HOANG THI THU THAO Cha HOANG VAN HOE	1968 Saigon 1936 B.chu		Trg si 1		BTL/CSQG	7 ng.	24.1.88	1.6.88	1K5			
268	PHAM THI CHIEN Chg. NGUYEN DUY HOANH	1947 1947 G.vo	67A/700174	Ha si		CCYTTV nha be		16.1.88	25.5.88	1K5			-Hien o My
269	TRAN THI HUONG Chg. HO NHU HUNG	1952 Q.tri 1953 Hue		Th uy		SD3 KQ.	3 nam	17.1.88	25.5.88	1K6			-Hien o My
270	TRAN VUONG VU Cha TRAN DUY CAT	1967 Saigon 1940 T.binh			V.nghesi		6 namlth.	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 50033 -V. 16597 Grt3237
271	HO TRANDIEN SON Cha HO TRUNG	1968 Hue 1938 Hue	58/202089	Th ta	CK/trg.	Chi khu D.khanh	8 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 212734 -Hien o My
272	TRAN DINH QUOC BAO Cha TRAN DINH MINH	1974 Hue 1945 Hue	65/172945	Th uy		Tinh Q. tri	6 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 94495 -V 27084
273	VO HAI Cha VO TOAN	1967 Hue 1942 Hue		Dai ta	TD.trg.	TD1/SD1/QD1		19.1.88	14.5.88	1K7			-Mat tich 1975
274	BUI QUOC KHANH Cha BUI CHU	1968 V.tau 1940 K.son			Trg.Ty	Trg Ty CV A.xuyen	6 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 029088
275	LE THI TUYET MAI Chg. NGUYEN VAN MINH	1944 Q.ngai 1943 Q.ngai	158860	Th ta	Chu su	Nha GS.Mien dong	8 nam	19.1.88	14.5.88	1K7			-IV 205092 V.47039 o My
276	HUYNH THI HIEN Cha HUYNH VAN TUNG	1960 C.doc 1932			HD/ND	Phu an/Chau Doc		15.1.88	25.5.88	1K9		Co	
277	DOAN THI THUY PHUC Cha Mr. SKEY	1968 C.lai		Sergent		Co van T/Q.tin		19.1.88	25.5.88	1K9			
278	HO THI CHAU DUNG Cha HO VINH CHAU	1975 Saigon 1951 Q.nam	71/109095	Th uy		TK. Q.nam	31 thg.	15.1.88	25.5.88	1L3			-Grt 121/QD3/4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 21) (14)
279	QUACH THI NGOC HAN Cha QUACH VAN THANH	1966 Saigon 1939 H.dong	59A/151594	Th ta		Trg VB Dalat	8n.6 thg.	15.1.88	25.5.88	1L3			Grt 632
280	DAN THU HOP Cha DAN KINH	1956 Saigon 1923 B.ninh	43/200296	Th ta	Trg Ph.HL	Bo TTM		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	Grt 0055MS/T5
281	NGUYEN HUU CHUONG Cha NGUYEN VAN THUAN	1956 Dalat 1920 H.noi		Cong chuc		PDU/TB/TU		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	
282	NGUYEN THI YEN NGA Cha NGUYEN VAN BUOI	1968 Hue 1944 Hue	64/000701	Trg si		Giai ngu		28.1.88	19.5.88	1L5		Co	25.1.74
283	PHAN HONG HOA Cha PHAN VAN THUYET	1960 Saigon 1934 T.binh		Cong chuc	Tham su	Bo Thg-tin		15.1.88	25.5.88	1L6			IV 057422
284	NGUYEN VAN SANG Cha NGUYEN VAN TU	196[illegible] C.long		Nhan vien	CSQG	TraOn C.long		15.1.88	25.5.88	1L6			
285	HOANG THI HAN Cha HOANG VAN TRIEU	1965 D.nang 1927 HN.ninh		Trg si 1			3 ngay	16.1.88	25.5.88	1L6			
286	NGUYEN VAN LOI Cha NGUYEN VAN QUI	1972 Saigon 1927 H.duong	47/301721	Th uy			2n.6thg	12.1.88	25.5.88	1L6			Grt 5/QG3/16
287	PHAN HUY HOANG HAI Cha PHAN HUY HY	1972 B.hoa 1943 H.duong	63/100318	Dai uy	DDT	TD373DPQ	5 nam	19.1.88	14.5.88	1L7			IV 114336 Grt 1547/Grt
288	VU BA CUONG Cha VU BA YEN	1967 B. hoa 1939 H.phg.	59/600492	Thg si		Ph4/SD5DB	3 ngay	16.1.88	25.5.88	1L6		Co	
289	DINH THI THU HOA Cha DINH CONG KHANH	1974 Saigon 1942	62/100526	Trg si 1		SD21BB	3 ngay	16.1.88	25.5.88	1L6			GCn 45943/CN
290	LAI HIEN DUONG Cha LAI QUOC THAI	1955 Sa gon 1917 T.binh		Luc su		Bo Tu phap		15.1.88	24.5.88	1L11			IV 511517
291	TRUONG THI TUONG VI Cha TRUONG CHI LAM	1965 Sa gon 1925 T.Thien	45/300282	Trg ta	YS Trg	Bo QP	3 nam	23.1.88	14.5.88	1L8		Co	Grt 83/QD
292	LAM HOANG TUAN Cha LAM VAN TU	1969 Nam vang		CS/DC		Saigon		15.1.88	14.5.88	1L7		Co	
293	NGUYEN THI HUE Cha NGUYEN DINH SU	1961 T.duc 1928 H.dong	377736			TD4 CTCTQD4	4 thg.	2.4.88	19.5.88				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 22) (14)
294	NGUYEN NGOC HIEP Cha VU NGOC TUY	1963 Saigon			Tg.Tho ky	Nghi V.HD/GD	10 nam	2.4.88	19.5.88				
295	NGUYEN TRUNG DUNG Cha NGUYEN VAN DAN	1970 G.dinh 1949	69/126466					27.1.88	27.5.88				-Tu tran 1975
296	VO THI KIM LIEN Cha LE HUNG QUANG	1948 Dalat 1942 C.tho	62/149680	Dai uy	DDT	TD407TK/PD	7n.4thg	28.4.88	19.5.88	2E5			-V.36975 -IV 80767 Grt 177
297	NGUYEN THANH LIEM Cha NGUYEN THANH NHUT	1969 Saigon 1942 G.cong	62A/115754	Trg si	Nhanvien	Hg.Khg.DS	10 ngay	28.4.88	19.5.88	2E5		Co	-CTGN 2165QHT -KS 6942
298	NGUYEN THI LIEN Cha NGUYEN VAN THANH	1959 Saigon 1926 Cholon			Nhan vien	Bo Y te		28.4.88	19.5.88	2E5			-
299	NGUYEN NGOC PHU Cha NGUYEN NGOC ANH	1948 Saigon 1953 Saigon	73/161114	Binh 2	Tho ky TL	Dia Phg Quan	4 ngay	28.4.88	19.5.88	2E5			-Grt 2182
300	TRAN VAN HOA Cha TRAN VAN KO	1963 Hue 1926	FSL-7/3			Am.Consult Hue		6.2.88	19.5.88	2D2	DT00854		
301	TRAN DUAN HUNG Cha TRAN TRAN Me DUAN THI THUY	1962 Saigon 1935 P.yen 1938 C.tho	55/009241	Trg si 1 Tho ky	Tg.d.vien Dien Th.vien	LH/QS 4 ben Nha Y te CC/Sg	3 ngay 3 ngay	9.2.88	19.5.88	2H1	DT00843	Co	-IV 090426
302	LE THI NGOC HIEN Cha LE CANH THIET	1969 1944		Trg uy	CHT(	Nga 5 Ch.cho	7 nam	10.2.88	19.5.88	2H9			
303	HUYNH THANH TAM Cha HUYNH VAN TUONG	1960 Saigon 1934			Q. Trg	Quan Duc Tu	9 nam	31.1.88	19.5.88	2E7			
304	DUONG HOANG HA Cha HUONG HOANG CHAU	1962 T.vinh 1939		Dai uy	DDT	TK.Lamdong		2.10.87	19.5.88	2D6			
305	TRAN THI THU THAO Cha TRAN PHUC	1968 Kontum		Trg si 1	Pho T.Toan	B15 Kontum		6.2.88	19.5.88	2D6			-Tu tran 1968
306	VU DAC TAN Cha VU NGUYEN DAN	1968 Saigon	30/[illegible]00636	Trg uy	Trg Ban 1	TK Bien hoa	5 nam	22.4.88	19.5.88	2J5			
307	NGUYEN HOANH CHAU Cha NGUYEN TOI HIEN	1958 1930		Trg si 10		Bo TL/CSQG	234 ng.	14.4.88	19.5.88	2G9			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
308	NGUYEN THI THO Chg. NGUYEN DUC	1952 1950		Binh 2		LD Du Saigon		28.4.88	19.5.88	2E2			Tu tran 17.2.75
309	NGUYEN THI NGOC THAO Cha NGUYEN DUC	1972 1950		Binh 2		LD Du Saigon		28.4.88	19.5.88	2E2			Tu tran 17/2/75
310	NGUYEN VAN GNHIEM CHINH Me TRINH TUYET HAI Cha NGUYEN VAN NGHIEM	1963		Can su Th ta	Thu y Trg Ban 3	TD&TQ LC		10.2.88	19.5.88	2A2			Tu tran 1970
311	NGUYEN THI PHUONG GIANG Cha NGUYEN VAN XEP	1987	36/013998	Dai uy	DDT	TK. Tay ninh DD3/2TT/DPQ	6n3thg	10.2.88	19.5.88	2A2			
312	NGUYEN THI THUAN THAO Cha NGUYEN VAN PHUOC	1962	56A/600066	Trg si		Phi trg. TSN.		10.2.88	19.5.88	2A2			
313	LUU THI TUYET HANG Cha LUU HOAI PHUONG	1966		Dai uy	Trg PhongANQDCantho			10.2.88	19.5.88	2A2			
314	NGUYEN THI LAN PHUONG Cha NGUYEN VAN THIET	1961			Trg Cuoc CSQG Tay ninh			10.2.88	19.5.88	2A2			
315	VU THI PHUONG KHANH Cha VU VAN VAN	1961			Trg Ty Buu Dien			10.2.88	19.5.88	2A2			
316	TRAN VAN THANH Cha TRAN VAN LANG	1963		Nghia quan Tieplieu		Di CK. Vinlinh		1.2.88	19.5.88	2A6			
317	TRAN ANH BINH Cha TRAN VAN CHINH			Nha Vien	thong Bo Noi-Vu			2.4.88	19.5.88	2A1			Tu tran 1972
318	PHAM VAN KIET Cha PHAM VAN THAM	1972		Trg uy	PCK.Trg.Xa	Tan My TK.Sadec	5 nam	8.4.88	19.5.88	2A9			
319	NGUYEN THI ANH DAO Cha NGUYEN PHU QUOI	B.Hoa	58/600449	Thg si 1	Ch.V/KT	BCH/KT/KQ		2.4.88	19.5.88	2A1			
320	DUONG QUANG HIEP Cha DUONG BA NGOAN	1973		Ha si 1				10.2.88	19.5.88	2A9			
321	TRUONG THANH HAI Cha TRUONG KY	1956 Th.thien	40591	Thg si	Trg.Ban KH	UB.Phg.Hoang	Camranh 4 thg.	2.4.88	19.5.88	2A1			

(to 24)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
322	LE-HUUD DO Cha LE VAN TIEN			Danh thac	Vien Buu Dien	Saigon		2.4.88	19.5.88	2A1			
323	NGUYEN PHU QUOC Cha NGUYEN PHU QUOI	Bien hoa	58/600449	Thg si 1	ChV/KT	BCH/KT/KQ		2.4.88	19.5.88	2A1			
324	NGUYEN THI NGOC THUY Chg.NGUYEN TIEN CHAM	1957		Dai uy	Doan Trg.Ban	Quan nhu	5 nam	10.2.88	19.5.88	2A9			
325	NGUYEN QUOC THY Cha NGUYEN TIEN CHAM	1983 Saigon		Dai uy	Doan trg.Ban	Quqn nhu	5 nam	10.2.88	19.5.88	2A9			
326	NGO THI TUYET HONG Cha NGO THANH HAI	1971	264300			DD8BD222		10.2.88	19.5.88	2A9			
327	NGUYEN THI THU THUY Cha NGUYEN TRONG THIN	1971 Th.thien 1929	49/001727	Th ta	CHT		11n6thg	10.2.88	19.5.88	2C6	BT00815		
328	NGUYEN LE TRONG HOANG Cha NGUYEN TRONG THIN	1972 Saigon 1929	49/001727	Th ta	CHT		11n 6thg	10.2.88	19.5.88	2C6	BT0 0815		
329	TRAN QUY PHONG Cha TRAN VAN HOI		53A/104969	Ha si		CK/Thu duc	3 ngay	10.2.88	19.5.88	2C6			
330	CAO VAN CAM Cha CAO VAN DINH	1981 1937		Ha si			3 ngay	10.2.88	19.5.88	2C6			
331	NGUYEN VAN HOAI Cha NGUYEN VAN CHIEU	1971 Hue 1933	53/203883	Dai uy		So HCTC	2 nam	28.1.88	19.5.88	2C6			
332	NGUYEN THI KIM HONG Cha NGUYEN LONG HOAN	1960 1930		Thg si	Y ta	Q.Y V.Q.nhon	15 ngay	2.4.88	19.5.88				
333	LUU THI LAN Chg. VU THANH VIET	1953		Ha si	Ban HCTC	TD5 Nh.du	10 nam	21.2.88	19.5.88				
334	VU TRUONG THINH VU THI BICH MAI Cha VU THU TUYET	1967 Saigon 1966 Saigon 1930	50/600222	Thg si 1	Trg ban	KD30 TL	3 ngay	31.1.88 31.1.88	19.5.88 19.5.88	2D8 2D8			
335	TO MANH DE Cha TO VAN DE	1967		Dai uy	Chu su P.KT	BCH/CSQG/Q8	8n11thg6ng	6.2.88	19.5.88	2D8			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 25) (14)
336	NGUYEN PHUONG THAO	1969 Hue						12.3.88	19.5.88	2D8			
	NGUYEN PHU THINH	1972 Hue						12.3.88	19.5.88	2D8			
	Cha NGUYEN PHU THO	1941	61/100578	Trg ta	TK pho	TK.Dinhtuong	12 nam						
337	DO THI KIM LOAN	1969 Saigon						9.2.88	19.5.88	2D8			
	Cha DO VIET NINH		63/400857	Thg si									
338	NGUYEN VAN CHAU	1972						2.4.88	19.5.88	2B6			
	Cha NGUYEN VAN TINH		266677										
339	NGUYEN DO DUY HAI	1973 Saigon						9.2.88	19.5.88	2			
	Cha NGUYEN VAN DOI												
340	NGUYEN VU MINH HUNG	1974						5.2.88	19.5.88	2B9			
	Cha NGUYEN HAO KIET			Trg uy	Trg Ph.NC	CSQG/HN	8 nam						
341	NGO TRONG QUOC	1966						6.2.88	19.5.88				
	NGO TRONG DANH	1972						6.2.88	19.5.88				
	Anh NGO TRONG NHON			Binh 1									-Tu tran 1974
342	NGUYEN THI ANH LAN	1963 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	Cha NGUYEN VAN TRI												
	Anh NGUYEN VAN GIAN												
343	TRAN VU HA	1956 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	Cha TRAN VAN KINH			Dai uy		So QN Q.tri	5 nam						
	Anh TRAN ANH KIET			Trg uy		Toa HC Kontum	6 nam						
344	PHAM THE HUNG	1969						12.2.88	19.5.88				
	Cha PHAM VAN TRIEU		69/050322		CSQG	An giang	4 nam						-Chet trong tu
345	TRAN THI PHUONG	1969 Saigon						12.2.88	19.5.88				
	Anh TRAN PHUONG TRUONG		69/602239		To truon g	KD30/Baotri	3 ngay						
346	TRAN PHUONG NAM	1971 Saigon						12.2.88	19.5.88				
	Anh TRAN PHUONG TRUONG		69/602239		-"-	-"-							
347	LAI THI QUYNH LIEN	1963 Saigon						31.188	19.5.88	2E7			
	Cha LAI NANG NHUONG		49A/118272	Ha si 1	Trg ban 1	LQ/Congxuong	1 thg.						
348	LAI TIEN DUC	1972 Saigon						31.1.88	19.5.88	2E7			
	Cha LAI NANG NHUONG		-"-	-"-	-"-	-"-	-"-						
349	PHAM BA NAM	1957						10.2.88	19.5.88	2A2			
	Cha PHAM VAM HUU		41/300795	Thg si		TK.phuoc tuy							-Giai ngu 1970

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 26) (14)
350	VO QUANG TUYEN Cha VO QUANG TUONG Me TRUONG THI TIEN	1961	52/600170	Trg ta	Pho phong	SD6 Khg Quan Thau BV Phi co	8n6th6ng.	31.188	19.5.88	2A5			
351	NGUYEN GNOC TU Cha NGUYEN VAN QUYNH	1961 Hue	103187	Trg si 1	Canh sat	Quan 1 Hue		8.2.88	19.5.88 ~~8/2/88~~				
35													
352	TRAN DINH CHUONG Cha TRAN VAN XUAN	1972 1944		Dai uy	TD pho		7 nam	2.4.88	19.5.88	2E6			
353	NGUYEN THI HUE Cha NGUYEN DINH SU	1961 1928	377736		Tai xe			2.4.88	19.5.88	2E6			
354	VU NGOC HIEB Cha VU NGOC TY	1963 Saigon 1929	49/395572	Nghi vien	Hoi dong TTK	tinh G.dinh	9 nam	2.4.88	19.5.88	2E6			
355	BUI THANH MAI Cha BUI VAN LUC	1971 1949	69/102398		Thong dich	C.nh.VT Bien hoa	3 ngay	10.2.88	19.5.88	2A9			
356	HUYNH HAM KIET Cha TRAN VAN	1967		~~Tai/xe~~ Tai xe		~~Phi/truong~~ Phi truong		21.1.88	19.5.88				
357	NGO QUANG DINH Cha GNO VAN DIEN	1971 Saigon	54/402919	Th tuy		TK Bien hoa		1.2.88	19.5.88	2K9	BT001156		
358	DO BICH THUY PHAM LE TAM Cha PHAM VAN CHAI	1957 1970 Saigon	53/302425	Trg si 1	Y ta	Q.YV.T.Ng.Minh	3 ngay	1.2.88 1.2.88	19.5.88 19.5.88	2K9 2K9	~~BT 001078~~ BT 001073		
359	PHAM THI NGOC Cha PHAN VAN CHAI	1958 Saigon	-"-	-"-	-"-	-"-	-"-	1.2.88	19.5.88	2K9	BT 001078		
360	LE THI THANH THAO Cha LE MINH DUC	1969	61/106009	Dai uy	DDT	TD30 Bienhoa	3 nam	1.2.88	19.5.88				
361	LE QUANG HUONG DUYEN Cha LE QUANGTHI	1971	46/201098	Dai ta	TM pho	QD1	12n 3thg	26.1.88	19.5.88	2F7	BT00977		
362	NGUYEN TRAN HUNG Cha NGUYEN TRAN HUE	1969	48/203381	Trg ta	Trg Ph.DT	Bo TTM	9n2thg	26.1.88	19.5.88	2F7	BT00976		
363	LE THI XUAN LIEN BUI LEUYEN BUI LE DUNG BUI LE HOANG Chg.+Cha BUI MAI	1950 1969 1975 1983	63/411236	Dai uy	Trg b.TT	Chi K.Annnhon	5 nam	21.1.88 -"- -"- -"-	19.5.88 -"- -"- -"-	2F7 2F7 2F7 2F7	BT00975		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
367	Phan thi xuan Trang cha phan canh khau	1966	52/205033	Th. Ta	Truong B.1	BTTM	6N.	26.1.88	19.5.88	2E7	001006		
368	Phan Quynh - Tram cha Phan canh khau	1973	52/205033	Th. Ta	Truong B.1	BTTM		26.1.88	19.5.88	2E7	001006		
369	Phan huu Hoan cha phan huu Hoa	1957	340219			a.CAN DUOC L.A		26.1.88	19.5.88	2F7	00900		
370	Vu Tru cha Vu - TONG	1963 Saig 1931 HN	61/120847	Th. my	K.T.S.D		6N.	10.2.88	19.5.88	2D7	00914		
371	Nguyen thi Bich Ngan cha Nguyen van Ky	1956 Saig 1918 HN			nha T.V	TC. CT. CT	Thon C.T	10.2.88	19.5.88	2F7	00872		
372	Chung - Lan - Huong chg. Pham-anh-Tuan	1948 1945	65/129496	Th. Ta	T.Q.L.C	TD3		6.2.88	19.5.88	2D8	00855		Tử Tran 11.9.72
373	Dang van Sang chg. Vo.van.ut	1945 R.Gia 1941 R.Gia				P.D.UTW.T.B.	10N.	4.2.88	19.5.88	2D6	00842		
374	Nguyen vo van Tien vợ Nguyễn thi Tuyet	1924 1942 Tr.vinh		Th. Ta		CIA	8N.	1.2.88	19.5.88	2D6	00870		
375	Tran quoc Tuan Tran Khanh Du cha Tran van Dong	1958 1960 1919 HNN		Thg. Si I	Bưu. cục	B-Hoa		9.5.88 "	19.5.88 "	2D5 "	00911 "		
376	Nguyen thi Hoa cha Nguyen Vien	1968 Saig.			So Mỹ	cam Ranh		9.5.88	19.5.88	2D5	00901		
377	Nguyên thanh Hung cha Nguyen van Hai	1961 T. Hai 1941 B. Lieu	61/100004	Tr. uy	DDT	nhay Du	6N	9.5.88	19.5.88	2D5	00938		
378	Huynh thị My Dung cha Huynh Ban	1962 DN 1926 DN			R.M.K	Saigon		9.5.88	19.5.88	2D5	00678		

Tờ 28

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
379	Nguyen thi Bich Thuy Nguyen Thien Nhien	1974 L.C 1943	44/141				6N	9.5.88	19.5.88	2D4			
380	Truong thi - Hồng cha Truong van Danh	1958 Saig. 1943 B.Ninh	63/001444	Th.Ta	Q.Tng	CK. Lac Duong	13N.		19.5.88	2F6	00863		
381	Nguyen thi Kim chồng. Nguyen van Thành	1931 T. Binh 1925 T. Binh			N.Ken	T. Gia Dinh	2N. 6th		19.5.88	2F6	00863		
382	Nguyen thi Nga Nguyen binh Hoang cha Nguyen binh Hoa	1963 B Duong 1965 B. Hoa 1940 P. Nhac	60A/101390	Dai uy	DDT	DD/THD/QDIII			19.5.88 19.5.88	2F6 2F6	00052 00053		T.P. Binh 68
383	Dang th. Binh Dang van Thinh	1970 1941	61B/145.549	Dai uy	Tr.b. CT.CT.		9N.		19.5.88	2F6	00898		
384	Huynh chi Thanh cha Huynh van Hieu	1968 1935	55/161323	Ha Si	Tai xe	LD10 VTai	3ng.		19.5.88	2F6	001054		
385	Vo-hue - Tien cha Vo manh - Luong	1966 T.ninh 1938 L.An		Ha Si		DD 314 DPQ	7ng.	5.2.88	19.5.88	2C2	00826		
386	Le Thi minh Kim cha Le van Tien	1955 1932		Th. uy		BTL.CSQG		25.2.88	19.5.88	2C5	00747		Dang cai tao
387	Le thac an Binh cha Le thac an	1968 1941	61/420518	Th. uy	B1	DK. C.Ranh		25.2.88	19.5.88	2C5	00867		
388	Lai - Hoai - Triết cha Lai van Nguon	1967 K.Giang		B.II		SD 23 TS		25.2.88	19.5.88	2C5	00814		
389	Nguyen thi - Nhan cha Nguyen van Anh	1962 K.Giang				CK Cam Ranh		25.2.88	19.5.88	2C5	00804		
390	Tran thi nam Phuong cha Tran Trong kinh	1964 C.Ranh		Trsi I	CSTP.			12.3.88	19.5.88	2C5	00825		
391	Le Thuc quynh chi cha Le thuc Vien	1971 MyTho 1939	59/402.186	Dai uy	HC/Q.y	QYV. Vung T.	2n. 3th.	4.2.88	19.5.88	2H7	01033		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)7	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 29) (14)
392	TON NU HUONG TRANG Cha VINH SANH	1967	50/201466	Dai uy	Tiep lieu	TD230 Q.cu	5n 10 thg	26.1.88	19.5.88	2H7	BT001022		
393	TRAN NGOC THANH YEN Cha TRAN NGOC BINH	1965 Hue		Trg uy			5n 6 thg.	26.1.88	19.5.88	2H7	BT00970		
394	PHAM KIM NGOC Cha PHAM HUNG THINH	1962 Saigon	51/181246	Binh 1	Tai xe	TK.G.dinh		24.1.88	19.5.88	2H7	BT00978		
395	TRAN THI TRINH NGUYEN THI XUAN THAO Chg. NGUYEN HUNG	1948 Th.binh 1968 Saigon 1939	59/811244	Dai uy	Trg B.TCHL		7 nam	6.2.88 6.2.88	19.5.88 19.5.88	2B4 2B4	BT00768 -"-		
396	TRAN THI NGA HA VINH TRAN ANH Chg HA VINH YEN	1947 Thbinh 1973 Saigon 1944			Trg Ty Toa	Hanh chanh	4 ngay	31.1.88 -"-	19.5.88 -"-	2B4 -"-	BT00626 -"-		
397	DO NGOC ANH Cha DO HUU QUAN	1968 1920	313089	Binh 1				6.2.88	19.5.88	2B4	BT00787		Tu tran 1984
398	PHAM THINH TRUNG Cha PHAM VAN BINH	1972 1945		Trg uy	Ban 5	CK.Thu duc	6 nam	6.2.88	19.5.88	2B4	BT00773		
399	TO HUU THAI Cha TO HUU DUC	1971 Saigon 1929	304418			NCR.IPM		10.2.88	19.5.88	2B4	BT00691		
400	NGUYEN DUC VUONG Cha NGUYEN DUC HAI	1969 1920			TK/K.lam		3 ngay	6.2.88	19.5.88	2B4	BT00769		
401	TRAN THIEN PHU Cha TRAN NGOC KIEN	1959 Saigon			K.toan	Cuc Tiep te		6.2.88	19.5.88	2B4	BT00774		
402	NGUYEN THI TUYET NGHIA Cha NGUYEN VAN GON	1963	52/600093	Thg si		Phi trg.D.nang	4 thg.	24.1.88	19.5.88	2H8	BT001055		
403	HO DUC KHAI Cha NGOC DUC THANH	1964	55/103947	Dai uy	DDT CTCT	Phu quoc	6 nam	26.1.88	19.5.88	2H8	BT00971		
404	VU DANG QUANG chaVU CONG NHUONG	1970	61/115916	Tr.		SD7BB		24.1.88	19.5.88	2H8	BT00112		
405	TRUONG THI TRANG ChaTRUONG VAN TUONG	1961 Sai gon	40/300473	Th.si		Bo TTM		24.1.88	19.5.88	2H8	BT00104		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(to 30) (14)
406	NGUYEN MINH KHOI	1970 Saigon						9.2.88	19.5.88				
	Cha NGUYEN VAN RU	1929 H.dong			DD thg mai	CgTy Red Cross	USA Saigon						
	Me NONG THI HUE	1936 L.son			Duoc si	Bo Y te VNCH							
407	NGUYEN HOAN DUY LINH	1968						24/1/88	19.5.88	2H8			
	NGUYEN VIET QUY		62/120318	Th uy	CD pho	QD2							-Tu tran
408	TRAN DINH VINH	1969 B.hoa						24.1.88	19.5.88	2H8			
	Cha TRAN DINH VUI		113940	Thg si		Bo TTM							
409	TRAN DINH PHUONG	1969 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	TRAN PHUONG NAM	1971 Saigon						6.2.88	19.5.88				
	Cha TRAN PHUONG HUONG	1923 H.duong		VGS 3	Cheker	Army+Navy US							
	Anh TRAN PHUONG TRUONG	1949	69/502239	Binh2	To trg	KD30 BTTL							
410													
	LE HONG THUY	1956						23.1.88	1.6.88	7A1	Co	ST001095	-IV 053478
	LE HONG TRINH	1958						23.1.88	1.6.88	7A1	"	-"-	V.023768
	Cha LE DINH HIEN	1934			Nha bao	Bao Chinh luan	10 nam						
	Me HATUYET HUONG	1935			Nhan vien	TT/QG Dien anh	8 "						
411	DANG THI HOI HUONG	1953 H.dong						23.1.88	1.6.88	7A7	Co	ST1162	
	Anh DANG VAN THONG	1951 Sagon		Trg si 1	Trg Tam V	Thg,V.tau							
412	DANG THI HY DUNG	1955 Saigon						23.1.88	1.6.88	7A7		ST001012	-IV 043288
	Chg. NGUYEN VAN HAU	1948 H,dong		Trg uy		TD/ZTGV.long							-Grt 432
413	VU THI HAM	1954 Saigon						21.1.88	1.6.88	7A3	Co	ST018	-IV 512591
	Chg. NGUYEN VAN THUAN	1968		Trg uy	TDT	TK. Bien hoa	7 nam						
414	LE VAN SON	1957 T. giang						19.1.88	1.6.88	7A6	"	ST001106	
	LE DUY THAI	1987 T.giang						-"-	-"-	7A6	"	-"-	
	Cha LE VAN HUYNH			Pho cuoc	CSQG	CK. Ben tranh	3 thg						
415	NGUYEN THAI DUONG	1971 Q.tri						29.1.88	1.6.88	7A1		ST001157	
	Cha NGUYEN VAN TINH	1947 Q.tri		Dai uy	DDT Dia	phuong quan							
416	DO THI TRUC HOP	1953 Dalat						23.1.88	1.6.88	7A6	"	ST1020	
	Cha DO VAN LUU	1908 HN.ninh		Th ta	TDT	QD. LH Phap	22 nam						
417	NGUYEN NGOC ANH	1967 Hue						29.1.88	1.6.88	7A1		ST001014	
	Cha NGUYEN TRIET	1944 hue		Trg si			9 nam						
418	NGUYEN VIET THACH	1967 Saigon						22.1.88	1.6.88	7A4	"	ST1059	
	Cha NGUYEN VAN NGA	1937 H.dong			Nhan vien	Hang Khg VN							-Gct 62338

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	to(31)
419	NGUYEN THI THANH MAI	1960 B.M.Thuoc						21.1.88	1.6.88	7A3	co	BT1059	
	Cha NGUYEN DUC KHOAI	1929 Bac Ninh	49/300468	Dqi ta	Chi huy ts.	QD1/QK1							
420	DOAN THI HANG	1972						23.1.88	1.6.88	7A3		BT1153	
	DOAN THI UYEN	1982						23.1.88	1.6.88	"		"	
	Me MAI THI CUC	1932	253ANQD/QB	Dan chinh		NDL/BQP							
421	NGUYEN THI HONG TUYET	1957 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7A1		BT 1121	
	Cha NGUYEN VAN GAP	1923 Hai duong	43/301227	D.uy	SQ /DHBX	DD /THD/TTM							
422	VO CONG HINH	1970 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1134	
	ChaVO CONG TAM	1940Gia dinh	60/130558	Tr.uy	GiCh DP	BCH/PB/SD18							Grt:959
423	NGUYEN THI KIM CHI	1966Ph.dinh						21.1.88	1.6.88	7A1		BT1132	
	ChaNGUYEN VAN KHEO	1934Can tho	54A/101739			DD116/LD4VT							
424	NGUYEN HUU HANH	1966Kien hoa						21.1.88	1.6.88	7A1		BT1015	
	ChaNGUYEN VAN DINH	1930My tho	50/026717	Ch.uy	PH.H.V	TK long An							
425	NGUYEN TRONG HUNG	196[illegible] Sai gon						26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT10[illegible]1	
	Cha NGUYEN CAU	1926 Q.Binh			Lien gia tr	Ph.HV							
426	LE HOANG LONG	1973 Saigon						23.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1096	
	ChaLE HOANG CHUONG	1943	63/186800	D.uy	DDT								Grt:112/QD
427	NGUYEN THI MINH CHAU	1952Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7A9		BT 1023	IV80420
	NGUYEN NGOC THAI HIU	1977Sai gon						"	"	"		"	VEWL 84995
	NGUYEN DINH CHUNG HUY	1979Sai gon						"	"	"		"	
	Chong NGUYEN TRI PHUONG	1948 B.dinh	72/153/40	Ch.uy	A.O H.C	Vung tau							
428	NGUYEN THI BICH HAN	1972Sai gon						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1160	
	Cha NGUYEN THACH HUNG	1942	62/601337	Tr.uy	hoa tieu		8 nam						
429	LUC THANH DUOC	1965 Do.Thap						27.1.88	1.6.88	7A5	co	BT 1147	
	Cha LUC VAN DUONG	1942D.Thap	62/502567	Tr.si		TD16/KB							
430	NGUYEN VAN KHANH	1961L.Khanh						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1130	
	ChaNGUYEN VAN MAO	1936N.Binh	56/152597	HS 1		TD5/KB							Tu tran 1970
431	NGUYEN TAN DUC	1960 G.Dinh						25.1.88	1.6.88	7A5	co	BT1171	di voi con
	Cha NGUYEN THE HAO	1932 R.Gia	52/301891	D.uy	TrB /HC	ICCS	5 nam						

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 32
432	BUI XUAN HUY ChaBUI NGHIA BINH	1962V.Tau 1932 Tay Son	52/300695	Th.ta	Y si			26.1.88	1.6.88	7A8	Co	BT1064	Di voi cngai
433	PHAN LE HUYEN OANH ChaPHAN HUU KHAM	1968 Q.Tin 1946 Q.Nam	66/208327	Tr.uy			6 nam	22.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1079	Di voicon Grt:29
434	DANG PHAN HONG YEN Cha DANG VAN LUAN Me PHAN THI TINH	1969 Sai gon 1940 Nam Ha 1943 N.Binh		Tr.uy Thu ky	Truong ban Bo CCB	CSDB/E5		22.1.88	1.6.88	7A4	co	BT1133	Grt:1223 Gct:270/cn
435	DINH HINH THE ChaDINH XUAN QUANG Me NGUYEN THI TRINH	1963 Bien Hoa 1932 N.Dinh 1944 H.Yen	52/142279	Tr.si 1 Giao vien	Ch.ph Tr. BT	TD30/CTCT		24.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1065	
436	TRAN VAN NHA ChaTRAN VAN PHONG	1955 Sai gon 1921 N.Dinh			Thu ky	Bo XH		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1021	
437	NGUYEN XUAN HIEU ChaNGUYEN VAN TUC	1968 ThuDuc 1933 N.Dinh	53/302742	Tr.si		PhongTQT/TTM		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1097	Tu tran 1967
438	TRUONG VINH PHUOC ChaTRUONG VAN HOA	1962 V.Long 1926 Q.Binh			Thu ky	Bo CH/CSQG		26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT1080	IV 805 260
439	TRUONG THANH TRUONG VAN CUONG ChaTRUONG LAP DAT	1926 Sai gon 1970 Sai gon 1940 Sai gon	60/187944	Binh nhi		KDC 4091			1.6.88 " 	7B2 " 		BT 1165 " 	
440	DO HOANG VIEN Cha DO XIU MEI	1963 Sai gon 1938 S.Trang	97572 58A/103457	Tr.uy	CSDB	BTL/CSDB		18.1.88	1.6.88	7B9		BT1191	Srt :644
441	TRAN CHI THANH ChaTRAN VAN CHIEN	1960 Saigon 1933 Ha Dong	53/304890	Tr.si 1	y ta	BX/QT/TTHL	5 ngay	23.1.88	1.6.88	7B8		BT1042	
442	TRAN THI THUTHUY Cha TRAN VAN SON	1969Sai gon 1943	63A/158484	Tr.si 1		BDTC/DT		30.1.88	1.6.88	7B1			
443	LUU QUY MINH LUU NGUYEN HO HUNG Cha LUU QUY HOANG	1958 1980 1934			nhan vien	Ty y te DN		26.1.88 "	1.6.88 "	7B7 "		BT1112 "	
444	TRAN THI THANH NGA Cha TRAN TAM	1961 Gia dinh 1932 N.Binh			Truong ap			29.1.88	1.6.88	7B2		BT1109	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 33
445	NGUYEN THANH HA	1965T.hai						18.1.88	1.6.88	7B9		BT1201	
	NGUYEN THANH VAN	1966 T.hai						"	"	"		"	
	NGUYEN THANH KY Cha	1939 T.Hai	59A/402773	Tr.uy	Pho cuoc	CS /CT							
446	PHAM CONG DINH	1962 Sai gon						26.1.88	1.6.88	7B5		BT1167	
	PHAM CONG THANG	1964D.Nang						"	"	"		BT1255	
	BUI THI QUE	1961Tam hiep						"	"	"		BT1167	
	Cha PHAM CONG LAP	1936		VGS/11/4	MOTHE/EB	Sai gon	5 nam						
447	TRAN VAN TRUNG	1961 Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1044	
	TRAN BICH THUY	1965HT Xa						"	"	"		"	
	ChaTRAN VAN ROANH	1931N.Dinh	51/301433	Th.si 1	Ch su vu	BTTM-NHQGVN							
448	SON KOM	1960Hung Chau						26.1.88	1.6.88	7B6			
	ChaSON PHANH		177-378	Binh 1		TD 2/14							Tu tran 14.1162
449	NGUYEN THI HUONG	1952Bui chu						25.1.88	1.6.88	7B3		BT1137	Di voi con
	Chong DAO VAN HAU	1951				Dia phuong Q							Hien o My
450	LE THANH HOANG VU	1975 Sai gon						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1168	
	Cha LE THANH HIAN	1947 Ha Nam		Tr.si 1		Ah ninh QD	1o nam						Grt:15
451	PHAM THE HONG	1955Q.Nam						21.1.88	1.6.88	7B5		BT1113	
	Cha PHAM THE THUY	1933		Ha si									
452	VU NGOC MINH HOANG	1974Sai gon						23.1.88	1.6.88	7B5		BT1088	
	Cha VU NGOC HUONG	1940 My tho	135997	Th..uy	CB/DK	BCH/CSDB/BD	10 nam						Grt:966/BCA
453	TRINH VAN DUNG	1960 B.Hoa						23.1.88	1.6.88	7B5			
	ChaTRINH VAN VINH		57/300292	Tr.si 1		TD 3/14							Tu tran 1974
454	NGUYEN HOANG PHUONG	1972B.Thuan						18.1.88	1.6.88	7B9		BT1211	
	ChaNGUYEN HOANG NHAN	1939H.Dong	39/157792	D.uy	Chi khu pho	TK/BT							
455	TRAN BICH LIEN	1959 T.Ninh						29.1.88	1.6.88	7B2		BT1103	
	Cha TRAN VAN TU	1937 HN Ninh		Tr.uy									Hien o My
456	VU THI KIM THOA	1960						21.1.88	1.6.88	7B8		BT1100	
	Cha VU CHI THANH	1918		giao vien		Bo QGGD							Chet 1972
457	TRAN VAN KHIEM	1964						30.1.88	1.6.88	7B1		BT1085	Di cung 2 con
	Cha TRAN VAN BIEN	1929			tai xe	phu tong thong							1 chet do chim bom

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 34
458	NGUYEN TAN HUY	1974 Bien Hoa						25.1.88	1.6.88	7D3		BT1173	
	Cha NGUYEN VAN LUONG	1948 Bui chu	68/602377	Tr.si		PD .223SD3/KQ							
459	NGUYEN NGOC THANH AN	1969 Cu chi							1.6.88	7B2		BT1024	
	TRUONG THI KIM EN	1967 Cu chi							1.6.88	"		"	
	Cha NGUYEN NGOC XUAN	1944	64/160570	Dai uy	CDT/TG	TD 1/10							
460	VU MINH TU	1968 D.Nang						23.1.88	1.6.88	7B8		BT1070	IV LUK -130
	VU MAI TRANG	1975 D .Nai						"	"	"		"	
	Cha VU LUAN	1932 T.Binh	52/305694	Th.si	DDT/YTT	TYV/DT/DN	15ngay						Grt:766
461	HUYNH VAN HAU	1960P.Dinh						24.1.88	1.6.88	7B6		BT1099	
	ChaHUYNH VAN TU		51/137964	Tr.si 1		LD 68/YTTT							
462	PHAM KHOI	1961 B.Dinh						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1028	
	ChaPHAM SAM	B.Dinh		Tr.uyCS	Th S Vien	Ty CS/BD							
	Me TA THI HUNG	B.Dinh		Giao vien	TTHDT/BD								
463	HA VAN THANG	1965						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
	Cha HA THE	1934		Th .si 1	P .TC/TKH	Ty CS/KH							
	HATHI KHANH VI	1983						23.1.88	1.6.88	"		"	
464	NGUYEN THI KIM CHI	1958						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
	Cha NGUYEN XUAN OANH	1928	48/103827	Ha si	Y ta	So y te SG							
465	HA DANG TUAN	1981						23.1.88	1.6.88	7B7		BT1041	
464	LUU THI HONG NHUNG	1957T.Giang						24.1.88	19.5.88	2B8	co	BT1056	
	LUU THI THUY TIEN	1964Sai gon						22.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1057	
	LUU THI HONG CUC	1969Sai gon						"	"	"	"	BT1058	
	LUU THI CUC	1942 BTThien				Tan son nhat							Hien o My
	Anh LUU DUC LINH	1951		Th.uy		TD9/TQLC							Nat tich 3/1975
465	HO THI THANH THUY	1963 Q.Nhon						22.1.88	1.6.88	7C9	co	BT 1241	
	HO THI THANH LIEN	1966 Pleiku						22.1.88	1.688	"	"	BT1242	
	Cha HO HIEU VO	1927 Th.Thien		Tr.ta	TK.pho	TK/BMT	8 nam						Grt :52
466	TON THAT CUONG	1965						24.1.88	1.6.88	7C6	co	BT1234	
	Cha TON THAT VIEN	1953 Hue		Th.uy CS									IV86800

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
467	NGUYEN THI BICH HANG Cha NGUYEN TAN DAT Me NGUYEN THI GIANG	1968 Nha trang 1934 Gia Lam 1945	54/300049 55B/100028	Dai uy Th.uy	Tr.phong	TTHL/QG/LS T HSQ/DD/NT		22.1.88	1.6.88	7C7	BT1048	BT1048	to 35
468	LE QUANG HOANG DUC Cha LE QUANG PHU	1973 N.Binh 1945		D.uy CS		Ty CS/NT	13 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	co	BT1169	Grt 307
469	HA HUU MINH HA HUU CHANH Cha HA VIEN	1966 N.Binh 1969 N.Binh N.Binh	401135	Dai uy	SQ/Hoa yem	Su doan22BB		23.1.88 "	1.6.88 "	7C6 "	co "	BT1046 "	
470	PHUNG VAN HAI Cha PHUNG VAN BANG	1971B.Dinh 1924 B.Giang			Nhanvien	Phi truong QN		21.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1188	
471	NGUYEN CONG THANH ChaNGUYEN NGOC CAM	1957 1924			Nhan vien	Bo thong tin	2 nam	25.1.88	1.6.88	7C5	"	BT1203	Grt 230/QD
472	TRAN NGOC THANG ChaTRAN NGOC HA	1974 N.Binh 1936	56A/104209	Th si		Quan canh		23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1170	
473	TRAN QUOC CUONG Cha TRAN VIET PHA	1969 Sai gon 1947 HaNam			CB Nong thon	Bien Hoa	7 nam	29.1.88	1.6.88	7C7	"	BT1199	Lenh tha 45
474	NGUYEN CUU DIEU TRANG NGUYEN CUU DINH	1957 Th.Thien 1932	205034	Tr.ta	SQ/TC	Su doan25BB	4 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1115	Grt 545
475	NGUYEN HUY THONG ChaNGUYEN VAN TRO	1969Q.Nam 1936Th.Thien	56/400741	TR.uy	SQ/quan bac	Quan doan I	4 nam	23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1197	
476	NGUYEN THI THU ChaNGUYEN DINH YEN	1975N.Binh 1940 N.Binh	60A/140991	Tr.uy	SQ/Biet phai	SD 22BB		23.1.88	1.6.88	7C6	"	BT1215	
477	LE VINH KHOA LE VINH KHANG ChaLE VAN DUNG	1973N.Binh 1976N.Binh 1939N.Binh	59/904344		BP/Giao chuc			23.1.88 "	1.6.88 "	7C6 "	" "	BT1198 "	
478	HUYNH VAN THO Cha HUYNH VAN QUANG	1958 T.Ninh 1923L.an			Nhan vien	PT/Tan son h		21.1.88	1.6.88	7C3	"	BT1185	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 36
479	VU THI HONG DIEP	1964Sai gon						23.1.88	1.6.88	7C7	co	BT1150	
	VU TRONG NGUYEN	1973Sai gon						"	"	"	"	"	
	Cha VU DINH HO	1930 N.Dinh	53/190086	Tr.ta	chi huy pho	P1/BTTM	9 nam.						Grt 87812282
480	PHAM THI KIM KHANH	1962D.tuong						28.1.88	1.6.88	7C5	"	BT1202	
	Chg NGUYEN HUNG	1951B.Dinh			Giang vien	DHKH		15.1.87					Hien o Hy
481	NGUYEN THI THUY LOAN	1963Sai gon						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1247	IV 025016
	Cha NGUYEN SANH KINH	1903 Hue			truong ty	buu dien							VEWL 39086
482	NGUYEN DINH TAN	1955Da Nang						26.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1217	
	VUONG NGOC BICH	1954G.Dinh						"	"	"	"	"	
	Cha NGUYEN DINH KHUYEN	1929Th.thien		Dai uy	Truong F64	Tinh bao	12 nam						
483	NGUYEN HOANG MINH	1977Sai gon						26.1.88	1.6.88	7C9	"	BT1217	
	NGUYEN HOANG TUAN	1978Sai gon						"	"	"	"	"	
	ChaNGUYEN KIM VINH				Giao vien	Tr.A thanhTD							
	Me VUONG NGOC BICH	1951GDinh			Giao vien	Tr.A thanhTD							
484	NGUYEN THI LOAN	1949N.DInh						28.1.88	1.6.88	7C1	"	BT1146	
	NGUYEN CAO LE DUNG	1975Sai gon						"	"	"	"	"	
	Chong NGUYEN CAO UNG	1946N.Dinh		Tr si	HLV	TTHL/QT							Hien o Hy
485	NGUYEN THE BAO	1970N.trang						20.1.88	1.6.88	7C1	"	BT1194	
	ChaNGUYEN HUU ANH	1952Q.Nam	62/209071	Tr uy	Dai doi Tr	22/QCTP							
486	DINH THI KIM CHI	1964 Q.Nhon						23.1.88	1.6.88	7C7	"	BT1235	
	Cha DINH KIM KIU	1932 Son Tay	52/001847	Th ta	CH truong	TTYT/TV/NT							
487	LE THI TUET MAI	1965Q.Nam.						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1151	IV 86/100922/38
	ChaLE TAN HOC	1929Q.Nam			Tr.L.Vien	Ty cong chanh							
488	NGUYEN THI THU	1955Sai gon						28.1.88	1.6.88	7C8	"	BT1216	
	NGUYEN THUY HAI YEN	1980B.Hoa						"	"	"	"	"	
	Chong NGUYEN VAN QUAN	1954H.Duong	74/165584	Binh 1	Bietkich du								Hien o Hy
489	NGO THI LAN	1963Vinh long						15.5.88	1.6.88	7C4	"	BT1186	
	TRAN VAN HUONG	1932Can tho						"	"	"	"	"	
	TRAN VAN E	1950C.Doc		Binh 2		Su doan 21							
	Cha NGO VAN LAU	1928V.Long		Th.si 1	TPTL	Trung tam 4							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 37
490	LE DINH KHANG ChaLE XUAN THO	1970 1949H.N.Ninh	69/133385	Tr uy	TB/CTCT	TK/BD	8 nam	21.1.88	1.6.88	7C5	co	BT1233	Grt 619 TD t
491	TRINH VIET CUONG ChaDINH VIET HUONG	1970Sai gon 1933La Phu	305542		Congchuc	CC70/TT YD	3 ngay	22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1206	
492	TRAN QUANG DUNG NGUYEN THI MAI HUONG TRAN QUANG VU NGUYEN THI NGOC NGA ChaNGUYEN DUC TIEN	1960Sai gon 1959Sai gon 1982Sai gon 1966Sai gon 1934 Bui chu	5696	4105	Thu ky	Hang khongVN		25.1.88 " " "	1.6.88 " " "	7D1 " " "	" " " "	BT1237 " " "	
493	NGUYEN THI THANH THAI ChaNGUYEN DO	1963 1931	120650	Ha si	Ban tiep lieu	QD1	50 ngay	23.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1154	
494	NGUYEN THI HOA NGUYEN VAN THONG	1945 G.Dinh 1949Sai gon		Lam so My Tr si 1	Boi phong TDT	PT Gam ranh GD 609		26.1.88	1.6.88	7D9	"	BT1790	Hien o My
495	NGUYEN THANH HUNG Cha NGUYEN VAN CA	1968 1943G.Dinh	600380	Binh 1	canh ve	Khong doan 33		8.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1281	
496	NGUYEN CHI LINH Cha NGUYEN VAN XIEN	1964Da lat 1941Ha Dong	61A702687	Ha sil	Tai xe	Bo tu lenh HQ		19.1.88	1.6.88	7D5	"	BT1250	
498	TRAN NGOC PHAN ChaTRAN NGOC LAM	1965Sai gon 1930 Ha Nam	50/600086	Th si	Hieu thinh	SD 5/KH Q	3 ngay	19.1.88	1.6.88	7D5		BT1245	
498	TONG VAN CHI TONG DUY Cha TONG VAN TIEM Anh TONG VAN THIEN	1960Sai gon 1934 1919HNinh 1948HNinh	68A/701850	Tr si		Hai quan		28.1.88 "	1.6.88 "	7D8 "	co "	BT1289 "	
499	BUI THI DUNG Cha BUI QUANG MINH Me NGUYEN THI LUONG	1960CDinh 1928Ha Noi 1933Ha Noi			TP/NV	Nganh DYV Nganh DYV		19.1.88	1.6.88	7D2	"	BT1275	
500	PHAN BA TUAN KIET ChaPHAM BA KHOAT	1971 Sai gon 1944	46/143940	Dai uy	phao doi tr	TD 184P3/CD		24.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1208	Hien o My
501	VU THI NGHIEM DUONG VAN HAN	1938Ha Noi 1935 Ha Dong		Tr si				22.1.88	1.6.88	7D7	"	BT 1282	Di voi 1 con

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 38
502	NGUYEN QUOC KHANH Cha NGUYEN VAN THANH	1957		Th si		CSQG/TB		23.1.88	1.6.88	7D8	co	BT1269	Chet 1972
503	HUYNH THI KIM LU Cha HUYNH VAN THU	1921V.Long			NV Kiem xa	Ty QT/AG		22.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1258	Chet 1984
504	TRAN THI VUONG LE XUAN CHIEN con	1935		Tr uy		Bo TL/HQ	5 nam	23.1.88	1.6.88	7D3	"	BT1256	
505	TA THI TUYET TA DAC NGOC	1960Sai gon 1953 Son Tay				QT/VK/VT		24.1.88	1.6.88	7D8	"	BT1284	Chet 1971
506	VO NGOC QUANG VINH Cha VO NGOC DONG Me NGUYEN THI LIEU	1969Sai gon 1940Q.Nam 1942 Q.Nam			canh sat	BCH/CSQG/GV The3rdF.Hospital		22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT 1040	Grt2057A/3/CH
507	TRAN DINH KHOI ChaTRAN DUC KHIEM Anh TRAN DUC THE	1964Pleiku 1937B.Chu 1956Sai gon		Ha si Th si	Khau phao TDT	TK/CD Dia phuong quan		22.1.88	1.6.88	7D5	"	BT 1220	Grt1193A/3 Grt1305A3/CH
508	MAI THI HOANG YEN Cha MAI HUY PHUC	1973Sai gon 1938Hung Yen	38/172395	Th si	Toan truong	Biet tham TD	3 thang	25.1.88	1.6.88	7D5		BT1225	
509	NGUYEN THI MAI ChaNGUYEN VU NGHIEM NGUYEN VU SOI Anh	1955 Sai gon 1922 1945	8768	Th uy Tr si	TDT/ PV	DTL/CSQG/SG CTLC/DL		26.1.88	1.6.88	7D8		BT1283	
510	MAI QUOC NGUYEN ChaMAI HUY LOC	1970 P.cuong 1942Hung Yen	42/160783	Th si 1		BCH/TK/BD	3 ngay	19.1.88	1.6.88	7D5	co	BT1249	
511	TRAN THI KIM DUNG ChaTRAN LONG THAO	1967 Sai gon 1937 B.Dau	37/09786	Th si				23.1.88	1.6.88	7D6			
512	PHAN NGOC VIEN Cha PHAN NGOC NONG	1958 1930			Q.truong		6 nam	28.1.88	1.6.88	7D3		BT1153	Di voi volcon
513	LE THI MY DUNG LE TRUNG LOC	1968 D.Nang 1943	63/208276	Tr uy		TD3/6/BB		28.1.88	1.6.88	7D3		BT1153	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5													to 39
514	CHUNG QUANG CHINH CHUNG QUANG MINH CHU QUANG DIEN cha	1972 1975 Gia dinh 1943Ha Bac	43/145653	Th si		Tong nha TC		26.1.88 " "	1.6.88 " "	7E4 " "		BT1313 " "	
515	DAO THI THANH CAN ChaDAO TO CHUC	1955Sai gon 1929H.Phong			NV ke toan	AMERICAN BANK		21.1.88	1.6.88	7E9	co	BT1396	
516	LE THI HA LIEN Cha LE HA VAN Me VO THI LE THUY	1956 B.T.Thien 1929 B.T.Thien 1938 B.T.Thien	49A/118132	Tr uy BS	Giam doc Luat su	Dai hoc Y khoa T.T.Tham Hue		21.1.88	1.6.88	7E6	"	BT1418	
517	NGUYEN QUANG DINH Cha NGUYEN VAN LIEM	1964Sai gon 1939Cho lon	59A/165224	Binh 2	Tho may			21.5.88	1.6.88	7E7		BT1377	
518	NGUYEN THI MINH KHAI cha NGUYEN TRAN	1962L.Khanh 1937B.Dinh	dB260253		To truong	lang phe binh		19.1.88	1.6.88	7E6	co	BT1452	
519	DAO DUY MINH NGUYEN THI BICH THUY Cha DAO VAN THANH	1956 .Tri 1965Sai gon 1938 Hue	58/420310	KS/MC	Truong ty	Ty nong nghiep		21.1.88 "	1.6.88 "	7E6 "	" "	BT1395 "	
520	TRUONG THI HANH Cha vo NGUYEN MINH DAN	1944 Hue 1936 Sai gon		Huan su Th si		Ty CN/Hue chi khu TU/LM							
521	TRAN THI THANH THUY Cha TRAN VAN DIEN	1965Sai gon 1937	37/213546	Ha si		TTQT/TV/GD		21.1.88	1.6.88	7E9		BT1397	
522	TRAN KIEN LIEN Chong DANG MINH THANH	1950B.Duong 1949B.Duong	69/601432	Tr uy		Su doan 3/KQ		21.1.88	1.6.88	7E9	"	BT1337	
523	TRUONG THI NGOC DIEP Cha TRUONG CAO DINH	1961Sai gon				So TTVH HoaKy		21.1.88	1.6.88	7E9	co	BT1378	Chet
524	TU HOAN DUNG ChaTU HUU	1971Sai gon 1937Saigon	57/133188	Ha si 1		TT/HLQT		21.1.88	1.6.88	7E8	"	BT1464	
525	LE THI KIEU LAN Cha LE NGOC TRIET	1960A.Giang		TK/HC	Truong phong	HC/HN		21.1.88	1.6.88	7E8	"	BT1463	Di cung chong con

526													
526	KHUAT THI BACH TUYET KHUAT VAN PHONG Chh Anh KHUAT VAN QUY	1962Sai gon 1926 SonTay	74/161926	Dinh 2	K.B.C4329	Tu tran tai TD1/8	Dac To mat tich	25.1.88	1.6.88	7E2	co	BT1373	to 40 QGT:11518/ND GTT:3/124/61 GKT: 1974
527	NGUYENTHI ANH LOAN NGUYEN BA CHINH Chong NGUYEN VAN AN Cha voNGUYEN BA DINH Chachong NGUYEN VAN PHU	1965Sai gon 1971Sai gon 1957Sai gon 1943H.Duong CC1935 S.Gon	63/204187 54/100187	Dai uy Ha si	CVP	SD2S BB Cuc quan Y		21.1.88 " "	1.6.88 " "	7E6 " "		BT1393 " "	
528	PHAM THI KIM CHI TRAN THI THANH THAO Chong TRAN CONG MINH	1953V.Long 1980 1943			T.dich vien	Vinh Long		21.1.88 " 28.8.87	1.6.88 "	7E1 "		BT1431 "	
529	LE VINH DUC Cha LE VINH HUNG	1970Sai gon 1944		Th si		Phi trường DN		21.1.88	1.6.88	7E9		BT1292	
530	NGUYEN DUC HAI ChaNGUYEN DUC THUONG	1967Sai gon 1936	56/120972	Ha si	nhan vien	cuc tam ly chien		22.1.88	1.6.88	7E1		BT1277	
531	LE TRONG NGHI Cha LE VAN NGOC	1966Minh Hai 1939		Ky su	chanh su vu	Nha thuy lam		19.1.88	1.6.88	7E8	co	BT1239	
532	QUANG KIM TUYET Chong DANG THIEN HUE	1959C.Dinh 1948B.Duong	58/125492	Tr si 1	tiep lieu			22.1.88	1.6.88	7E5	co	BT1294	
533	DUONG HOAI DUY ChaDUONG DANH	1967S.Trang 19443.Trang			Thu ky	Ty CS/ST		26.1.88	1.6.88	7E2	"	BT1209	
534	PHAN THI NGOC NHUNG ChaPHAN VAN TU	1964Bao loc5 1922Q.Tri	42/060076	Th si		DD545	chet1967	25.1.88	1.6.88	7E2	"	BT1413	
535	HUYNH THI HANH Chong NGUYEN HUU HAO Cha HUYNH VAN PHU	1952Da lat 1950T.Vinh 1917Sai gon	70/513319	Tr si 1	thu ky TB cong xa	TA/QS/CT Ty CS/SD		21.1.88	1.6.88	7E5	"	BT1353	
536	LAI THI KIM CUC Cha LAI THE MY	1960 C.Dinyh 1923Nam Dinh		Chuan uy	TD truong			26.1.88	1.6.88	7E7	"	BT1395	
537													
537	TRAN THI TUYET NO ChaTRAN NGOC THUONG	1960Sai gon 1935N.Dinh	55/180233	Tr uy	DD pho	TD1/45/BB		21.1.88	1.5.88	7E8		BT1355	810/Grt

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
538	DO THI THUY HUONG	1964Sai gon						21.5.88	1.6.88	7E3	co		to 41
	DO QUOC PHONG	1972Sai gon						"	"	"	"		
	Cha DO VAN BUC	1932N.Dinh	53/301170	Binh 2		Biet khu TD							
539	PHAM THU HA	1964Sai gon						21.5.88	1.6.88	7E7	co	BT1315	
	PHAM TOAN THANG	1972Sai gon						"	"	"	"	"	
	PHAM MINH THE	1974Sai gon						"	"	"	"	"	
	Cha PHAM XUAN HUYEN	1925N.Dinh		Tr uy	Truong ban	BTL/CSQG	7 nam						Grt:651
540	VU DUC MINH	1954H.Giang						22.1.88	1.6.88	7E5	"	BT1375	
	VU DUC VINH	1964Sai gon						"	"	"	"	BT1376	
	Cha VU THIEN CHIEM	1931N.Dinh	51/308748	Th si		Tr.Bo binh							
541	LE THI KIM HAI	1963Sai gon						28.1.88	1.6.88	7E6		BT1417	
	LE QUANG HAI	1971Sai gon						"	"	"		"	
	Cha LE QUANG MINH	1939	59A/600246	Th si 1		Vien an TT							Gcn:4494
542	PHAM THI LY	1957Sai gon						26.1.88	1.6.88	7E2		BT1331	
	DINH THIEN HUONG	1961Sai gon						"	"	"		"	
	PHAM NGOC THUY	1960						"	"	"		"	
	Cha PHAM NGOC TRAC	1925Bui chu	2503380001	Th si		NhaTLC/BTL/CS							Grt 7134
	Chong DINH QUANG HOAI	1952Bui chu	381485	Th uy		NhaKT/BTL/CS	5 nam						Grt 354
543	NGUYEN THI XUAN HUONG	1967Xuan loc						25.1.88	1.6.88	7E2		BT1005	
	ChaNGUYEN VAN HUYEN	1940H.Duong	60/089654	Tr si		TK/LK							
544	NGUYEN ANH KIET	1972Sai gon						23.1.88	1.6.88	7E1		BT 1265	
	ChaNGUYEN HAI	1951B.T.Thien	71/104248										
545	NGUYEN THI CAM HAI	1972Hue						21.1.88	1.6.88	7E1		BT1372	
	ChaNGUYEN CONG DINH	1946B.T.Thien	66/207358	Tr si 1	Truong toan	TDDT/TTVT							
546	HAI ANH TUYET	1963Ba xuyen						15.5.88	1.6.88	7E3		BT1260	
	Chong HO VAN DIEP	1944V.Binh		Dai uy	chu su	BEH/CSQG/KH	7nam 6th						
547	TRI NGOC HUYEN	1971Sai gon						25.1.88	1.6.88	7E2		BT1210	
	ChaTRI MINH CHAU	1941B.Chu	61/104461	Ha si	TD pho	TD 8 du							Grt 3972
548	NGUYEN DUCQUOC	1975Sai gon						26.1.88	1.6.88	7E4		BT1392	
	NGUYEN QUOC VIET	1976Sai gon						"	"	"		"	
	ChaNGUYEN VAN DUC	1943HaBac	KE48A-12254			CSQG							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 42
549	NGUYEN TAI Cha NGUYEN DOAI	1969D.Nai 1930N.Dinh	320049			Chi khu KT		25.1.88	1.6.88	7E4		BT1334	
550	NGUYEN THANH HOANG ChaNGUYEN THANHTHIEN	1969 B.Hoa 1947N.Dinh	318796			chi khu KT		25.1.88	1.6.88	7E4		BT001383	Mat tich 1975
551	NGUYEN THANH HOA NGUYEN THI VAN ANH NGUYEN HHI Cha Anh NGUYEN VIET PHAT AnNGUYEN VIET PHAN	1955D.Tuong 1961 Sai gon 1912 N.Dinh 1964N.Dinh 1950 N.Dinh	314339 64/156150 70/106208	ha si 1 Tr uy Ha si 1	HL vien nhac vien	SD7/BB Tr /TV TQLC		25.1.88 26.1.88	1.6.88 1.6.88	7E7 "		BT	
552	LE THI PHUONG DUNG ChaLE VAN KHACH	1965 B.Ninh 1938 B.Ninh	58A/111587	Tr si 1		TD 3/QC/LB		25.1.88	1.6.88	7F1	co	BT1465	
553	PHAN VAN TOI Cha PHAN VAN HUONG Chi PHAN THI CAM	1959T.Giang 1925T.Giang 1946T.Giang			Tuan vien Than vien	Ty QT /SG So My		24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1379	
554	BUI VU THUY LIN Cha BUI THE DAN	1968Sai gon 1953B.Viet	37	Th uy		D.P.Q		21.1.88	1.6.88	7F9	"	BT1345	
555	DO TRONG PHUC ChaDO TRONG TUAT	1969Sai gon 1946HNinh	66/600195	Binh 2				25.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1454	
556	NGUYEN THI KIM NGA Cha NGUYEN VAN KHUYEN	1957BTTh en			Truong ty	Chieu hoi TT		24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1316	
557	DO KHAC LOI Cha DO KHAC DUY	1955BTTh ien 1955BTTien		Th si	truong ban	Ty CSQG/QT		24.1.88	1.6.88	7F1	"	BT1316	
558	VO TUAN ANH VO TRAN ANH Cha VO HUU TANH	1971Sai gon 1976Sai gon 1939		Th si		Khong quan		21.1.88 "	1.6.88 "	7F2 "		BT1437 "	
559	NGUYEN NGOC THUC TRANG NGUYEN NGOC QUYNH NHU NGUYEN NGOC CHANH NGUYEN PHU VIN Me NGUYEN THI THUC HIEN Cha NGUYEN NGOC CAN	1972Tuy hoa 1974N.Binh 1975S.gon 1982S.gon 1948 Ha noi 1943 Ha noi	132155	Dai uy	Giao vien DD truong	TTH/DD/QN CSDC/BB		23.1.88 " " " "	1.6.88 " " " "	7F4 " " " "		BT1401 " " " "	IV52677

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
560	N UYEN KIM HOAN	1952N.Binh						23.1.88	1.6.88	7F4	co	BT1432	to 43 IV022856
	Cha NGUYEN NGOC XUYEN	1928N.Binh			Giao vien	TTH/NI/GD							Hien o My
561	N UYEN THI THANH MAI	1963Sai gon						23.1.88	1.6.88	7F4	"	BT1432	IV053110
	NGUYEN THI THANH THUY	1967Sai gon						"	"	"	"	BT1433	
	cha NGUYEN VAN HIEN	1934H.Duong			Nhan vien	Bo lao dong							
	Me NGUYEN THI CHAU	1938Q.Binh	58/100049	Th si	Nu phu ta	TT/QTTU/BTTM							
562	NGUYEN DINH THANH	1969						18.1.88	1.6.88	7F3	"	BT1439	
	Cha NGUYEN DINH TRUNG		70/116055										
563	NGUYEN THI QUYNH TRANG	1964 My tho						21.1.88	1.6.88	7F5		BT1298	
	DO THI ANH KHOA	1984Sai gon						"	"	"		"	
	Cha NGUYEN NGOC AN	1937 Bac Viet			Truong ty	Ty TN/GD							
564	TON HUU NGHIA	1972Sai gon						21.1.88	1.6.88	7F5	co	BT1342	
	Cha TON NGOC THINH	1932 My tho		Tr ta	Truong ty	Ty Canh sat Q5	chet trong trai cai tao						
565	LAI THI MAY	1954Bac lieu						21.1.88	1.6.88	7E5	co	BT1297	
	TRUONG THI THUY AN	1974Bien Hoa						"	"	"	"	"	
	TRUONG NGOC MAI	1976Bien hoa						"	"	"	"	"	Co giay nhap canh My
	LAI THANH HUNG	1953Bien Hoa						"	"	"	"	"	IV504763
	Anh TRUONG VAN TRUYEN	1953		Tr si 1	Quan canh	Quan vu TT	chet 197						VEWL 014226
	Anh LAI VAN HOAN	1950		Chuan uy		TTQT							
	Em LAI THANH LONG	1953	HL.12	Tan binh	hai quan								
	Chi LAI THI XU	1948		Thu ky		RMK-BRJ							
566	NGUYEN THI CHANH	1952Ha noi						23.1.88	1.6.88	7F4		BT1318	
	NGUYEN VAN CHUNG	1910 Bac Viet			Thu ky	Bo cong chanh							IV23735 VEWL 39046
567	TRAN ANH TUAN	1971Sai gon											
	Cha TRAN XUAN HIEN	1933T.Binh	53/145178			TD53/CBKT							
568	PHAN HINH LONG	1971Kontum						21.1.88	1.6.88	7F2		BT1340	
	Cha PHAN VAN CU	1933Kom tum	53/400262	Th si	KT VTVA/251A	Bo TTM							
569	NGUYEN THI THU	1954						23.1.88	1.6.88	7F8		BT1300	
	PHAN THI HUYEN TRAM	1978						"	"	"		"	
	Chong PHAN THI HA	1954				TD 8/TQLC							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													1044
570	PHAN VAN BINH PHAN VAN TUU Cha Anh PHAN VAN HA	1966 Sai gon 1931 H.Phong 1954		Th si "	HLV	TTHL/VK/TDS .TDS/TQLV		23.1.88	1.6.88	7F8	co	BT1301	
572	TRAN VAN THU ChaTRAN VAN LUAT Anh TRAN VAN NAM	1964Sai gon 1929 1955	49/118822	Ha si 1 binh 2		TTHL/QT Su doan 5		23.1.88	1.6.88	7F8		BT1456	
573	LA QUOC LAC Anh LA QUOC TRUNG	1967Sai gon 1954		Binh 2		Su doan 21		23.1.88	1.6.88	7F8		BT1139	
574	HOANG THE LONG ChaHOANG TIEN DUE Anh HOANG THE LAN	1959DaNang 1926 1955		th si 1 Tr si	HLV HT vien	TTHL/QT Su doan 25		23.1.88	1.6.88	7F8		1299	
575	TRAN THI KIM LIEN TRAN THI KIM KHANH Cha TRAN DINH HY	1961L.Khanh 1963L.Khanh 1935T.Binh	55/100636	Tr si 1		Ty CS/BH	1 nam	22.1.88 "	1.6.88 "	7F7 "		BT1441 "	
576	HOANG THI ANH TUYET Cha HOANGVAN TRINH	1966Sai gon 1942V.Phu	62A/600335	Th si	Thu ky	Bo TLKQ		25.1.88	1.6.88	7F1		BT1380	
577	NGUYEN QUOC VIET Cha NGUYEN VAN DONG Me DINH THI HIEN	1967Sai gon 1937T.Binh 1944N.Binh	57/199881	Th si	Phu dong	KEC 4939 TD 230		20.1.88	1.6.88	7F7		BT1442	
578	VU DUC HIEU HOANG THI HA VU HOANG GIANG Cha VU DUC LUAT Anh VU NGOC LIEN	1959D.Nang 1963D.Nai 1965Sai gon 1930T.Binh 1955K.Hoa	50/303735	Th si Tr si	Truong toan	TD53/CBKT		23.1.88 " "	1.6.88 " "	7F8 " "		BT1321 " "	
579	LE MANH TIEN Cha LE DINH SINH	1961Sai gon 1935B.Viet		Tr si 1	Nh vien	Doi CSLT/GT		20.1.88	1.6.88	7F9		BT1334	
580	THAI NGOC HAN Cha THAI NGOC CAN Me NGUYEN THANH DIEP	1970Sai gon 1945B.Viet 1946			Pho TBVH/TH Nh vien	Quan BT Phong hoc vu GD		22.1.88	1.6.88	7F9		BT1230	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
581	NGUYEN MINH TRANG	1956Sa dec						22.1.88	1.6.88	7F9		BT1339	to 45
	NGUYEN VAN IT Cha	1922Sa dec		Dai uy	DD truong	Chet 1967							
	Me KHUU MINH TIET	1931Sa dec			Thu ky	TDS /VNCH							
582	NGUYEN DUY THIEN	1970QuiNhon						23.1.88	1.6.88	7F2		BT 1317	
	Cha NGUYEN DUY LONG	1923B.Dinh		Th si		QYV/QN							
583	DOAN THI LAN TRAN	1951S.Tay						25.1.88	1.6.88	7F6		BT1404	
	DOAN MINH PHUONG ANH	1975Sai gon						"	"	"		"	
	NGUYEN THI THANH NGUYEN	1985Sai gon						"	"	"		"	
	Chong NGUYEN DUC HIEP	1939T.Binh	59/154573	Tr uy	NC /BT	Bo TTM		"	"	"		"	
584	TRAN HUU THAN	1970B.Dinh						23.1.88	1.6.88	7F2		BT1419	
	Cha TRAN HUU ICH	1931B.Dinh		Tr si 1		Ty CS/BD							
585	TRAN NGUYEN HO VAN	1969Sai gon						21/1.88	1.6.88	7F5		BT1440	
	Cha TRAN VAN LAN	1943	63A/702799	Dai uy	Bac si	BV Hai quan							IV02142
586	DANG THI CHON	1953 T.Thien						21.1.88	1.6.88	7F7		BT1423	
	Chong HOANG HUNG	1941T.thien	41/145028	Th ta	TD truong	TK/QN							Dang o Philippin
587	NGUYEN NGOC TRI	1969Ho nai						22.1.88	1.6.88	7F9		BT1343	
	Cha NGUYEN VAN QUAN	1943H.yen				KBC4100							
588	NGUYEN DINH GIAO THUY	1968Q.Nhon						21.1.88	1.6.88	7F7		BT1422	
	Cha NGUYEN DINH KHIEM	1942V.Xuan	62/204678	Tr uy	Truong toan	TD 10							
589	DOAN THI KIM THOA	1970K.Tum						25.1.88	1.6.88	7F6		BT1405	
	Cha DOAN DINH Y	1939		Dai uy		Su doan 22							
	Me NGUYEN THI KIM LY	1947			Thu ky	MACV							
590	DOAN NGOC DIEP	1946H.Phong						25.1.88	1.6.88	7F6		BT1403	
	Cha DOAN DINH DE			Dai uy	Ky su	Nha HKDS							
	Anh DOAN DINH Y	1939				Su doan 22							
	Anh DOAN DINH THUAN	1940				Su doan 7							
	Anh DOAN KHAM NY	1941		Thieu uy									
	Anh DOAN MAI	1943		Dai uy		Su doan 5							
592	VU THI NGOC DIEP	1962Sai gon						25.1.88	1.6.88	7F6		BT1406	
	VU NGOC AN	1966Sai gon						"	"	"		"	
	Cha VU THANH CONG	1929H.Duong	49/300424	Tr ta.	Chi huy Tr	TD9/SD5							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to46
593	DINH HUU TRINH Cha DINH VAN PHUONG Me NGUYEN THI THUY NGOC	1969Sai gon 1940Hue 1935Sa dec		Cong chuc "	Truong ty Y ta	Cap thuy TN BV GAKL		21.1.88 21.1.88	1.6.88 1.6.88	7F7 7F5		BT1361 BT1319	
594	HUYNH CONG TAN Cha HUYNH CONG CU	1975Can tho 1943 Hue	15 309	Th uy	Truong cuc	CS/TN	5 nam						
595	NGO THI MAI NGUYEN DUC THINH NGUYEN THI THAI MY Anh NGO VAN THU Anh NGO VAN BACH	1954Vung tau 1958Sai gon 1988Thailand 1948G.Din 1951G.Dinh		Can bo Hai quan	XD/Nt	Vien doan 33		21.1.88 " "	1.6.88 " "	7G8 " "	co " "	BT1435 " "	
596	SAM NGOC LAN LAM UY MAN SAM KIEN HOA Cha SAM NANG PHAN	1965Sai gon 1960Cho lon 1971 1938H.Ninh	58/325177			Su doan 25BB		25.1.88 " "	1.6.88 " Z	7G5 " "		BT1429 " "	
597	CHU DUY THANH PHAM THI BICH NGOC Cha CHU DUY PHUC Me DOAN THI KHANH PHAM VAN TONG	1953H.Yen 1960Ba Ria 1923H.Yen 1922H.Yen 1923Ben Tre	43/300265	Tr uy Thu ky	Truong ty	Trai L.V.D Long binh Bo NN		23.1.88 "	1.6.88 "	7G9 "		BT1468 "	
598	TRAN NGOC TOAN Cha TRAN VAN KY Me NGUYEN THI LOAN	1953N.Binh 1927N.Binh 1936N.Binh		Tuy phai Thu ky		Toa HC/Q10 NAVY		28.1.88	1.6.88	7G3	co	BT1302	
599	DANG THI NGA ChaDANG VAN VINH	1960P.Tuy 1934N.Binh	54/303483	Th si 1	Tiep van	Long Binh		28.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1426	
600	NGUYEN HAI PHUONG HOANG ChaNGUYEN PHI HAI	1976Sai gon 1952N.Binh	72/152680	Th uy	PT/TL/TD	Tieu doan356		28.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1302	
601	DAO BAO TRAM Cha DAO VAN MAU	1971Sai gon 1939H.Noi		Co van	Dien tu			25.1.88	1.6.88	7G4		BT1388	
602	PHAN THANH SAC Cha PHAN THAI DINH	1966Sai gon 1946G.Dinh	108026	Th uy	Tr Doi truong	TD4/DD303		23.1.88	1.6.88	7G5		BT1459	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 47
603	CHAU THI SONG	1951H.Giang						29.1.88	1.6.88	7G8	co	BT1324	
	CHAU THUY	1909H.Giang						"	"	"	"	"	
	KHATHI EN	1916H.Giang						"	"	"	"	"	
	LY NHAT LAN THUY	1974H.Giang											
	Chong LY THANH TAM	1948B.Xuyen	68/103145	Ha si	tai xe	KBC 3294							
604	DINH VAN DANG	1957Sai gon						23.1.88	1.6.88	7G3	"	BT1387	
	DINH THI NGOC DIEP	1986Sai gon						"	"	"	"	"	
	NINH THI HOP	1958G.Dinh						"	"	"	"	"	
	Anh DINH DANG	1953N.Binh	73/147286	Th uy	DD pho	TM Binh Tuong	5 nam						
	Anh DINH DICH	1951N.Binh	71/605326	H si		SD3/KQ	5 ngay						
	Anh DINH QUANG NHO	1947		Tr uy	DH vien	Tan son 1	6 nam						
	Chi NINHTHI LAM	1949		Nhan vien		Bo XH	5 ngay						
605	VU HUU HUNG £	1956Sai gon						25.1.88	1.6.88	7G9	"	BT1472	
	Cha VU VAN NHAT	1926N.Binh	46/101985	Th si		LD 331/YTTT							
606	TRINH THI DIEM LY	1970Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1		BT1424	
	Cha TRINH VAN KHO	1943L.an	63/138745	Binh 2	Tai xe	Quan 3	13 ngay						
607	N UYEN HOANG HAI	1965Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1	co	BT1415	
	ChaNGUYEN XUAN DINH	1930	50/200257	Tr uy	TruongTBCC	Bo TTM	3 nam						
	Chi NGUYEN THI XUAN LAN	1949N.Trang			Thu ky	Bo QGGD	3 ngay						
	Chi NGUEEN THI KIM CUC	1953N.Trang		TKCN/B2/1	Thu ky	Truong TV	3 ngay						
	Anh NGUEEN HOANG PHONG	1955N.Trang	75/609044	Binh 2	Ke toan	Su doan 3/KQ	3 ngay						
608	HUYNH NHAT MY	1960.Pleiku						26.1.88	1.6.88	7G8	co	BT1436	
	Cha HUYNH NHAT QUANG	1931		tr uy									Dang o Phanat
609	NGUYEN TRAN PHUONG	1969Sai gon						24/1.88	1.6.88	7G9	co	BT1467	
	Cha NGUYEN VAN DUOC			nhan vien	Hai quan								tu tran 1970
	Anh NGUYEN PHI HO	1947		Ha si		TQLC							
610	Anh NGUYEN CHAN HUONG	1950				DP /Quan							Thuong phe binnh
610	NGUYEN NGOC THO	1965L.an						25.1.88	1.6.88	7G9	"	BT1409	
	Cha NGUYEN VAN THE	1918L.An			Nhan vien	BV/Long An							
	Chi NGUYEN THI NHIEN	1940L.An			"	Ty Y te TT							
	Anh NGUYEN VAN THONG	1951L.An			Nghia quan	Truyen tin							
611	NGUYEN THI THU GIANG	1952Sai gon						28.1.88	1.6.88	7G1		BT1425	
	PHAM DANH LAM	1978						"	"	"		"	
	Chong PHAM CONG NGHE	1951N.Binh	71/607232	Ha si	Chuyen vien	VK/SD3/KQ							

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													to 48
612	NGUYEN THE HUNG Cha NGUYEN NEN	1968Sai gon	63/100526	Tr si		TD95/BDQ	Mat tich	23.1.88	1.6.88	7G3	co	BT1386	
613	HUYNH DINH KHOA Cha HUYNH DINH KHAI Chi HUYN THI NGOC DIEP Anh HUYNH DINH KHANH Chi HUYNH THI TUY DUNG	1960D.Tuong 1918D.Nang 1948Sai gon 1949Sai gon 1951G.Dinh	01881463 69/134806 7590	Hoc vien Nhan vien Th uy Nhan vien	Truong phong Xuyen phien DD truong Vien ky	Toa Do chinh PCEINC/LB TQLC/CB HKVN	5 nam 3 nam	25.1.88	1.6.88	7G4	"	BT1469	Chet trong trai
614	NGUYEN VAN THUNG Cha NGUYEN VAN THO	1963Cambodia 1917Cambodia		Nhan vien	RMK	Phi truong TN		25.1.88	1.6.88	7G4		BT1445	
615	NGO THAI BINH Cha NGO QUOC THOI	1973V.Binh 1949Tra Vinh	49/692643	Binh 1	Buu tin	TD472/TKTV		28.1.88	1.6.88	7G1	co	BT1412	
616	HUA THI NGOC PHUONG £ Cha HUA VAN HOA	1963G.Dinh 1934				Kho dan 531/GV		28.1.88	1.6.88	7G2	"	BT1444	Chet 1980
617	TRAN QUOC NGOC TRAN HUY NGA Cha TRAN VAN NGO	1972G.Dinh 1973 1945	65/118856	Tr uy	Truongban	DKRS/BTTM		28.1.88 " 	1.6.88 " 	7G2 " 		BT1384 " 	
618	NGUYEN THI SINH VU QUYNH NHU ChongVU HUU DINH	1953N.Binh 1979Sai gon 1950N.Binh		SV/si quan		Truong SQ/HQ		25.1.88 "	1.6.88 "	7G9 "	co "	BT1471 "	
619	NGUYEN VAN QUANG ChinNGUYEN THI MEN	1961Sai gon 1954H.Noi		Al		Cuc quan cu		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1533	
620	DUONGTHI THU HONG Cha DUONG NGOC KHANH	1964G.Dinh 1930Hung Yen		Th ta	Truong ty	Ty CS/VT		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1523	Hien o My
621	NGUYEN THI ANH PHUONG Anh NGUYEN DUC MANH	1966H.Giang 1948B.Viet		Th uy	CS/TP	Bien Hoa		25.1.88	1.6.88	7H7		BT1512	
622	NGUYEN HONG PHUC Cha NGUYEN HONG PHUOC	1976Sai gon 1950Can Tho	70/114815	Ha si	TQLC	KBC3331	3 ngay	22.1.88	1.6.88	7H3	co	BT1483	
623	DONG THI HOA DONG THANH TRO	1961C.Thien 1938H.Phong	58/100482	Tr si		QYW/NVN		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1534	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) to 49
624	LE THI DE Anh LE VAN CUOC	1955L.Dong 1946T.Hoa		Tr uy	Bo binh	tu tran 1972		23.1.88	1.6.88	7H7	co	BT1366	
625	DO DANG KHOA Cha DO HIEN THANH	1976Sai gon	74/604594	Tr si	chuyen vien	SD2/KQ		23.1.88	1.6.88	7H7	"	BT1496	
636	DANG HUU BANG Cha DANG HUU QUA	1972 1936		Th uy	canh sat			24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1481	
627	PHAN LAC NHAN HOA PHAN LAC NHAN BAN Cha PHAN LAC DUONG	1974L.Khanh 1975Sai gon 1949H.Phong	69/237453	Tr uy	Truong ban	SD18BB		23.1.88 " "	1.6.88 " "	7H5 " "	" " "	BT1502 " "	
628	NGUYEN THI THANH THUY NGUYEN THI TUYET TRINH Cha NGUYEN DUC MANH	1978BienHoa 1980B en hoa 1948B.Viet		Th uy	canh sat	CSTP/BH		23.1.88 " "	1.6.88 " "	7H7 " "		BT1511 " "	
629	NGUYEN THI TUAT Cha NGUYEN NGOC RIEM Me BUI THI LUA	1960B.Hoa 1913B.Viet 1920B.Viet			Tho moc Lam phong	Long Binh Long Binh		25.1.88	1.6.88	7H7		BT1511	
630	NGUYEN VIET LINH Cha NGUYEN VAN DANG	1972Sai gon 1947 H.Yen	150148	CB/XDNT	Toan truong	GD/8	8 nam	22.1.88	1.6.88	7H8	co	BT1310	Grt;44/QD/BNV
631	DO NGOC TAI Cha DO NGOC PHAT	1965T.Duc 1943N.Dinh			TD pho	CK/Thu duc		23.1.88	1.6.88	7H5	"	BT1473	Gct11170
632	KHONG THI VUOM Chong KHONG HUU TUA	1934B.Vie 1934B.Viet			Tai xe	canh sat		24.1.88	1.6.88	7H5	"	BT1503	Gct10598
633	PHAN QUOC BAO Cha PHAN VAN THE	1972T.Duc5 1950B.Viet	70/112454	Tr si 1	TD truong	TD 30 /CTCT		23.1.88	1.688	7H5	"	BT1308	Gct12709
634	NGUYEN MINH THANH DAM NGUYEN THI MY HANH Cha NGUYEN MINH DUC	1972 Sai gon 1977Sai gon 1939	59A/700176	Th si 1	Hai quan	LST 501		22.1.88 27.1.88	1.6.88 "	7H5 "	" "	BT1287 "	
635	NGUYEN THI KIM HUYEN Cha N UYEN THAI HOAN	1967Dalat 1943N.Binh	132177	Daidy	canh sat	So CS/LT/8G	9 nam	24.1.88	1.6.88	7H9	"	BT1477	
636 C	TRAN PHUOC THO Cha TRAN TRONGTRI	1963Sai gon 1922N.Dinh			Thu ky	Truong Nha khoa		21.1.88	1.6.88	7H9	"	BT1513	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
637	TRAN THI ANH PHUONG Cha TRAN VAN DOC	1967Saig on HNNinh			Canh dat			21.1.88	1,6.88	7H9	co	BT1506	to 50
638	HONG THI TINH THUY HONG PHU PHONG Cha HONGDI HA	1967Hue 1972Hue 1942	62/157709	Dai uy	Thanh tra	TK/TT	10 nam	21.1.88 " 	1.6.88 " 	7H6 " 	" " 	BT1476 " 	Hien o Philippin
639 6	TRAN THI HOA TRAN THI HOANH ANH Cha TRAN KHAC DUE	1973G.Kiem 1975G.Kiem 1936N.Binh	NQ/375215		HDND	Gia Kiem		24.1.88 " 	1.6.88 " 	7H9 " 	" " 	BT1536 " 	
640	TRAN THI THU Cha TRAN VAN BUI TRAN VAN NHAN TRAN THI TOT TRAN CONG MINH TRAN HNH QUY	195 Sai gon 1909D.Thap 1938 1940G.Dinh 1943Sai gon 1953Sai gon		Ky su Dai uy Can su Tdich vien Tr si		So dien luc So dien luc Vinh Long	Chet tai MY Mat tich 1975	21.1.88	1.6.88	7H3	"	BT1501	Hiemn o My Hien o Philippin
641	LE QUANG DINH Cha LE VAN CUOC	1970A.Giang 1946T.Hoa		Tr uy	DD truong	bo binh	Tu tran 1972	23.1.88	1.6.88	7H7	"	BT1357	
642	VO NHU TUONG Cha VO KHAI	1968D.Nang 1929D.Nang			Xa truong	Da nang	Chet	24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1305	
643	HUYNH VU MONG LAN Cha HUYNH DON TIEN Me PHAM THI SON	1969Sai gon 1940G.Cong 1943Q.Tri	60/124173 VNTD#02067042	Tr si 1	TTQT/TU Nhan vien	MACV		22.1.88	1.6.88	7H4	"	BT1521	
644	NGUYEN HUYNH TUAN VU Cha NGUYEN HUU TAM Me HUYNH THI CHOT	1975H.Giang	60/128749 70/509655	Tr uy Tr si	Bac si	Su doan 21 TD9/KB		29.1.88	1.6.88	7H1	"	BT1304	
645	TRAN CONG TAM TRAN THI THU LIEU Cha TRAN CONG NHI	1967B.tuy 1955G.Dinh 1940D.Thap	60/131279	Tr si	Hoa vien	Bo TT	3 nagy	22.1.88 " 	.6.88 " 	7H3 " 	" " 	BT1450 BT1447 	
646	TRAN DUC QUANG Cha TRAN DUC LAM	1971Pleiku 1941	61/106518	Tr uy	SQ/QT	Can Tho		26.1.88	1.6.88	7H6	"	BT1475	
647	NGUYEN THI MAI TRAN QUOC THAI Cha NGUYEN CHI	1951T,Thien 1980D.Nai 1915	17744	Binh 2				22.1.88 " 	1.6.88 " 	7H6 " 		BT1486 " 	Hien o Phap

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
648	HOANG THI THU CUC Cha HUYNH XUAN LAM	1952Q.Tri 1925 T.Thien			Truong ty	Ty thue vu/QT		21.1.88	1.6.88	7H5	co	BT1532	to 51
649	TRAN THI HONG Cha TRAN VAN DAI Anh TRAN DINH NAM Chong TRUONG TRI HIEP	1956D.Hoa 1923Go cong 1954D.Hoa 1950V.tau		Th si 1 Ch uy Ch uy BP	SQTB	SD 7/BB Truong HSQ TK/Bien hoa	10 ngay 10ngay	28.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1448	
650	N UYEN VAN THAN NGUYEN THI HUE NGUYEN VAN MAO	1957D.Nai 1944 1952		Ha si	Canh sat	Hang RMK Tan son Hoa		26.1.88	1.6.88	7H6		BT1474	
651	NGUYEN THANH LOC Cha NGUYEN THANH PHAO	1954T.Duc 1925	45/301612	Th si 1		Truong BB/TD		21.1.88	1.6.88	7H9	co	BT1535	
652	HO BUU QUANG Anh HO BUU SON	1967T.Ninh 1940T.Ninh		Dai uy	Truong phong	Trai AD/GD		22.1.88	1.6.88	7H5	co	BT1745	
653	NGUYEN NGOC HA NGUYEN PHUC LAM Cha NGUYEN DINH LINH	1966Sai gon 1974Sai gon 1932Q.Binh	32/149274	Dai uy	HLV	Truong BB/TD	9 nam	22.1.88 " "	1.6.88 " "	7H8 " "	" " "	BT1494 "	IV043276 VEWLE024767
654	NGUYEN VAN HUNG Cha NGUYEN CU Me NGUYEN THI BON Chi NGUYEN THI LUU	1956B.M.Thuoc 1920Q.Tri 1947 Q Tri			hoa vien thu ky Nu ho sinh	Khu QSTT/hue CC 40/YTCB BSV Tu du		24.1.88	1.6.88	7H2	"	BT1410	
655	LE TUET QUEEN ChaLE VAN THUYET	1968Sai gon 1929	49/303250	Th ta	Chu su			30.1.88	1.6.88	7J1		BT1497	
656	N UYEN THANH DAT Cha NGUYEN VAN MAN	1972G.Dinh 1934	222251		Canh sat	BTL/CSQG		9.3.88	1.6.88	7J1			
657	NGUYEN MANH BONG Cha NGUYEN DINH TUAN	1972Sai gon 1930N.Binh	301385	Tr si 1	Quan nhac	Bo TTM		19.1.88	1.6.88	7J2		BT1547	
658	VU VAN TAP Cha VU VAN TINH	1968G.Dinh 1930Bui chu	50/118063	Th si	Tiep lieu	LD 5/BDQ	8 nam	19.1.88	1.6.88	7J2		BT1538	Grt278
659	DUONG DUC HUNG Cha DUONG CONG CHUC	1974Sai gon 1939Q.Nam		Tr si 1		Tu dinh TT		19.1.88	1.6.88	7J2		BT1538	

660	TRAN VAN HOA	1966Bien hoa						19.1.88	1.6.88	7J2	co	
	Cha TRAN TRONG HAO	1930duyen tien	244841	tr. uy	DPQ		Tu tran					
661	NGUYEN VAN HANH	1964 Bien hoa						19.1.88	1.6.88	7J2	co	BT 1546
	Nuyen van minh	1928 Hai phong	2065456		Tho mocRMK	Long Binh						
	NGUYEN VAN CHAU	1954 Bien Hoa	77/106537	Tr. si		LD 31BDQ	Tu tan					
	NGUYEN VAN CHAU	1757 Bien Hoa		Tr. si								
662	NGUYEN VAN PHUC	1957 Sai gon						22.1.88	1.6.88	7J8	co	BT1514
	Nguyen VAN HAU					Toicaophapvien						
663	PSHM THI THU TRAM	1965Saigon						19.1.88	1.6.88			BT 1850
	PHAM QUOC TOQN	1943 Hanam	43/157880	Dai uy		Vung tau						
664	NGUYEN THI MY HUNG	1966 Sai gon						19.1.88	1.6.88	7J9	co	
	NGUYEN HUU TIEN	1931 Hai phong		Th.si	B ttm	Vung tau						
665	TRAN THI BICH HONG	1964 sai gon						21.1.88	1.6.88	7J9		BT1525
	Cha Tran the Hien			G.N Truong	DHKH saigon							
	Me DINH DIEU BANG	1931 Cao Bang		Giao su	GL Sai gon							
666	HA TRONG BAO	1973 Saigon										
	Cha HA TRONG PHU	1947Thai binh		Tr. si		Biet doan 5						
667	VU QUOC THA							25.3.88	4.6.88	7j6		BT 1677
	Cha VU DINH HAO				CSQG							
668	NGUYEN XUAN HIEU	1968 Thu duc						26.1.88	1.6.88	7A7		BT 1097
	Cha NGUYEN VAN HUE	1933 Nam dinh	53/302742	Tr.si	TTVK							
669	DINH MINH THE	1963 Bien hoa						24.6.88	1.6.88	7A7		BT 1065
	Cha DINH XUAN QUANG	1933Nam dinh		Tr. si								
	MeNGUYEN THI TRINH	1944Huong yen		Giao vien								
670	TRAN VAN NHA	1955Saigon						26.1.88	1.6.88	7A7		BT 1021
	Cha TRAN VQN PHONG			Thu ky		B. Xh						
671	TRUONG VINH PHUC	1962 VINH LONG						26.1.88	1.6.88	7A7	co	BT 1080
	Cha TRUNG VAN HOOA	1926 Quang binh		Thuky HC	CSQGKhu 3							
672	TA NGUYEN PHUC	1974 Sai gon						22.1.88	1.6.88	7J8	co	
	TA DAC DUYET	1976 Son	DVTC042130	SQ.KBC3570	GIADINH							
	NGUYEN THI LUU	1948SAIGON		Giao vien	Tan phu							

673	DANH CHON	1962					31.5.88	29.8.88	7L7			
	DANH NU	1925	45/113806	Ch.uy	Tr.doi Truong	An gieng						
674	SON THI HONG HOA	1964Vinh binh					11.7.88	28.8.88				
	SON SAO	1944	44/851753	Tr.si		Cang long						
675	Dao NGOC BICH	1963					6.4.88	14.7.88			co	BT2066
	N UYEN VAN CHIEN	1959					nt	nt				
	DAO VAN MAN	1937		Ky si Dien	LLhoang gia Thai							
676	DUONG N OC MAI	1968Soc Trang					11.8.88	1.9.88				BT02098
	DUONG XUAN MANH	1942	62/701877			P.T.C.KBC3338						
677	DIEP SA RA	1964 Soc trang					11.8.88	1.9.88	7H4		co	BT02097
	Diep si co dong	1969					nt	nt	nt			
	DIEP SE RAY	1970					nt	nt	nt			
	DIEP PHUONG	1928	14131		CS Vien	TTTV Ba XUYEN						
678	NGUYEN VIET QUE	1965 QN					7.5.88	29.8.88	7L7		co	
	NGUYEN KHAC TOAN		KBC 4180	Ha SI								
679	TRAN VAN KIA	1964					11.8.88	1.9.88	7H4			BT 20095
	TRAN THI MAI	1965					11.8.88	1.9.88	7H4			
	Cha TRAN VAN DUC	1935			DD Phung hiep	Phung hiep						
680	NGUYEN HU THANH	1965					21.1.88	1.6.88				BT0126
	N UYEN DUOC	1932HNN	52/109041	T r .si	NV/TP	BCH TAN BINH						
681	LE HOANG TRUNG	1968					24.7.88	1.9.88	7K3			
	Cha LE HOANG TUAN	1945	65/130306	Dai uy	CTCT/TK/LA	TK long An						
682	LAM THANH TUNG	1965					18.1.88	1.6.88	7D2			BT01218
	LAM BUU NGUYEN	1934	39/872922	Binh2		TD358DPQ.KBC6057						

6[illegible]3	LE HUNG N OC	1955Hphong					28.3.88	13.6.88	8A2			BT001509
	Cha LE DANG DOANH	1930Namdinh	Th.uy		Ban van thu	LD						
584	PHAM THI VINH	1960giadinh					28.3.88	13.6.88	8A2			BT001510
	PHAM VAN BINH	1928B.Ninh	Th.si I			KBC 7193						
585	NGUYEN HOANG SON	1969D.Nang					10.2.88	13.6.88	8A3			BT1558
	NGUYEN HOANG LAM	1950	DC/0627	Canhsat	ThukyVPCS	CSQG HIEU DUC						
586	PHAN THE BAO	1988					5.2.88	13.6.88			co	BT1671
	PhanPHU SANH	1943	NQ/817670	Tieu.D.pho	D.Dan Chu	X.Giai Xuan						
587	NGUYEN NGOC TRUNG	1970					16.2.88	13.6.88	8A3		co	BT1370
	NGUYEN KIM DAN G	1941	BN/245656	Ha si	Taixe	RMK-BRJ						
688	DINH QUOC HUNG	1973					1.2.88	13.6.88	8A8			BT 1599
	DINH VIET QUAN	1951Bui chu	71A/700439		THUY THU	KBC 6612						
689	TRAN THI XUAN	969					1.3.88	13.6.88	8A10		co	BT1563
	CHA TRAN VAN MINH	1936				THUONG PHE BINH						
690	NGUYEN THI LE THUY	1966T.Thien					10.2.88	13.6.88	8A9		co	BT1673
	NGUYEN LAC	1938			CSQG	DD5.BD.CS						
691	DUONG THI YEM	1945					10.2.88	13.6.88	8A9		co	BT1581
	N UYEN VAN CUNG	1942 Sadec	42/382428	Ha si I	Tai xe	BINH LONG						
692	TRAN HUNG QUANG	1966 TT					10.2.88	13.6.88	8A9			BT1684
	TRAN DUC	1938	119203	TSI		Vinh hung TT						
693	CAO THI TO	1961 TT					10.3.88	13.6.88	8A6		co	BT1641
	CAO HUY	1936	37/353740	TS		DA NANG						
694	CAO VANTHU	1070					nt	nt	nt			
	CAO VAN DUNG	1971	51/402763	B2	QY	QD4						
695	NGUYEN NHAT TAN	1069					16.4.88	13.6.88	8A5		co	BT1528
	NGUYEN VAN TAI	1935	KBC6280		QY							
696	NGUYEN MINH HAI	1966					16.4.88	13.6.88	8A5		co	BT1621
Cha	NGUYEN VAN TRI	1929	49/II8772	Trung Ta	Pho P.6	BTLQD 4						
697	Con Tu Si Ng th Kim HOA	20.I2.6I	Tre				2I.I2.88	I3.6.88	8A3		co	BTI555
Cha	NGUYEN VAN CAU	Ben Tre		Truong Ap	Ap Tan Hao	G. Trom V.C. g	et I96I					
698	Con Ng Thi KIM PHUONG	5.7.65	Gia dinh				I6.2.88	I3.6.88	8A8		co	Bt I622
Cha	VU THU	I93I	Th.Binh	5I/I215I2	H/si	Th/ky TLQV	Hoc Mon G.D.					

699	con HUYNH THANH KIEM	7.8.65Th/Duc					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I579	
	Cha HUYNH VAN PHUNG	I934 V/Long	067I62	Trung si		Tu tran I966						
700	Con NG THI THU THAO	I972 B/ Hoa					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I550	
	Cha NGUYEN CHI AN	I950 C/Tho	70I.I55763	B .2		TDI/LD23. BDQ						
70I	Con TRUONG NGOC MY	I964 B/Hoa					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I560	
	Cha TRUONG VAN LOI	I924 Can Tho			P/CT Dg Dan	Chu Q. Long Thanh						
702	Con PHUN CAY MAU	II.3.65					5.2.88	I3.6.88	8A4	co	00I548	
	Cha PHUN VONG GIONG	I940 Quang Dong			Tr/Ap Bau Ham	Tinh Dong Nai						
703	Con LOC THI THU VAN	I0.9.62 Kh.Hoa					I5.4.88	I3.6.88	8A7	co	00I552	Bi V.C. giet I969
	Cha LOC VAN TOAN	I93I	5I/303I0I	Trung Si	TD4.TDZISD2IB.B.							
704	Con VU THI PHUONG	9.I0.64	My Tho				I2.2.88	I3.6.88	8A5	co	00I527	
	Cha VU DINH NGO	I926 Ha Nam	300822	Tr/Si I	Thu Kho	TD7TV SD7 B.B. g/ngu 74						
705	Con TRAN THAI TRUNG	24.I0.73 My Tho					I2.2.88	I3.6.88	8A5	co	00I527	
	Cha TRAN THAI SI	I943 Nam Dinh	63/I40435	Tr/si	Thiet Giap	Giai nguMDVT so I						
706	Con NGUYEN TY	I.I2.73	Thua Thien				I0.2.88	I3.6.88	8A9	co	00I703	
	Cha NGUYEN THI	I952 Th/Thien	72/2076I6	Tr/Si I	Kh/thac Tg/Dai	TTVT/Phu Bai						
707	Con NGUYEN NHAN	Th/Thien					I0.2.88	I3.6.88	8A9	co	00I704	
	Cha NGUYEN QUYNH	I946 Hue	46/466638	Ha Si	Lai xe	KBC4699TTTVThua thien						
708	Con TRANG THI MY LOAN	30.9.65	Sa Dec				28.3.88	I3.6.88	8B3	co	00I644	
	Cha TRANG VAN SANG		37/20952I	Tr/Si		KBC4685DV4QTKien Giang						
709	Con PHAM TRAN NHU LAN	I4.2.74	Kien Giang				I6.3.88	I3.6.88	8B8	co	00I570	
	Cha PHAM NHU KIM	I945 Th/Binh	65A/702I75	Tr/si	Ph/taTX D/tu	TTHCQT R/Soi						
7I0	Con LE TRONG DAI	I5.7.7I	Kien Giang				I6.3.88	I3.6.88	8B8	co	00I57I	
	Cha LE VAN VINH	I938 Th/Binh	58A/70II69	Ha Si	NV/Sua Ch D/tu	TTHCQT R/Soi						
7II	Con NGUYEN VAN VINH	I2.9.64	Quang Duc				28.3.88	I3.6.88	8B4	co	00I690	
	Cha NGUYEN VAN MAI	I936 Di Linh		Binh 2	Phe Binh 50%	QYV Quinhon 3ngay						
7I2	Con LE THI DIEM TRANG	25.9.74	Kien Giang				27.3.88	I3.6.88	8B5	co	00I723	
	Cha LE VAN THANH	I947K/giang	67/0002I0	Tr/Si I	Sua ChuaTDTDt	/d2ITVKBC6332 7ngay						
7I3	con NGUYEN TUAN ANH	20.I0.75	Saigon				2I.2.88	I3.6.88	8B3	co	00I568	
	Cha NGUYEN VAN LOC	I947 NinhBinh	67A/700268	Tr/si	Nhan Vien	Hai Quan Cg/Xg 3ngay						
7I4	Con NGUYEN TRAN HA	I.I.76	Lam Dong				28.3.88	I3.6.88	8B4	co	00I672	
	Cha NGUYEN VAN THU	I940NinhBinh	6I/II0974	Tr/Si I	K/toanPI/ban	QS BTLSD5/BB I thang						
7I5	Con NGO THAI SON	28.2.70	Can Tho				I.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I725	
	Cha NGO PHUOC HIEU	I938 C/Tho	58/I62829	Dai uy		Tr/d33SD2IBB 6 nam						
7I6	Con NGUYEN HIEU HOC	30.I0.73	Saigon				27.3.88	I3.6.88	8B5	co	00I66I	
	Cha VO VAN HIEU	I936B/Dinh	63976	Th/Uy TC	Tr/Cuoc CSQG	Xa An Tuc B/Dinh I nam						
7I7	Con LY THANH TAM	8.6.65	Thu Duc				I6.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I584	
	Me LY NGOC ANH	I942 Saigon	225508/II357I3	TIMKEEPING	Nh/Vien	RMK.BRJ						
7I8	Con DUONG THI LAN	3I.I.53	Thu Duc				I6.2.88	I3.6.88	8B6	co	00I708	
	Cha DUONG VAN HUONG	I926 G.Dinh	46/II5848	Tr/ Si I		TTQ/tri Tr/uong 7 ngay						

719	Con NGUYEN QUOC KHANH	76.4.70	Tan Hiep						28.3.88	13.6.88	807	co	001605	
	Cha NGUYEN VAN KHAI	1917B.Viet	47/430364	Ha si I			DD62DPQ/TKK.Giang	Tu Tram 1972						
720	Con VU DINH HUY	1976	Gia Dinh						28.3.88	13.6.88	804	co	001605	Di voi cha
	Cha VU DINH CU	1946	66/509805	Tr/ si I		CTCT	TK Phuoc Long	8ngay						
721	Con DO THANH LIEM	15.6.64	Saigon						28.3.88	13.6.88	806	co	001606	
	DO THI THU HA													
	Cha DO DANG KHOA	1944 Hanoi	6AA/143290	Tr/ Uy			LDPh/Ve TT phu	3 nam	28.3.88					
722	Con NGUYEN VAN DONG	29.3.64	Kien Giang						27.3.88	13.6.88	805	co	001607	Cung di voi vo
	Cha NGUYEN VAN LAM	1936K.Giang	36/089374	Ha si I			Dom Vi 4 QK	1 thang						
723	Con DO DINH RU	12.1.69	Gia Dinh						28.3.88	13.6.88	802	co	001608	Cung di voi 3 em
	Cha DO VAN TUAT	1938 Bui Chu	58/158176	Ha si I	Ph/ta Tha	thoi/Binh	KBC4920	9 ngay						
724	Con TRAN THANH DUNG	18.8.69	Kien Giang						28.3.88	13.6.88	882	co	0017	di voi chi va chau
	Cha TRAN VAN UT	1948 K.Giang	803410	HQ	Tien dot	phoK.Binh	K.G.	20ngay						
725	Con CHU TU THANG	31.8.71	Dalat						12.3.88	13.6.88	8810	co	001577	IV:506861 CDP
	Cha CHU TU CUONG	1934 Bui Chu			Pho Quan	G.Thuan	Hoa Di	5 nam						
727	Con PHAN THI ANH HOA	20.6.54	Th.Binh						16.3.88	13.6.88	883	co	001569	cung di voi con
	Cha PHAN TAI LIEU	1946 Th.Binh		Uy Vien	H/TV	Xa Thanh	Dong Tu	K.G. 60ngay						
728	Con BUI KIM GAI	1972BaiCon							21.1.88	13.6.88	806		BT1603	
	Me BUI THI KIM HUONG	1940Ba Dec			Cong chuc	Bo kinh te		7 ngay						
729	TRAN THI KIM PHUNG	1956An Xuyen							12.3.88	13.6.88	802	"	BT1576	
	Cha TRAN VAN TU	1937AnXuyen			Chu su	Toa HC/AX		3 ngay						
730	NGUYEN THI NHU Y	1955Ha Trung							21.2.88	13.6.88	806	"	BT1713	
	Cha NGUYEN XUAN DOAN	1929			Truong phong	Ty HE/SG		1 thang						
731	NGUYEN NGOC GIAU	1961Rach gia							3.4.88	13.6.88	804	"	BT1609	
	Cha NGUYEN VAN TY	1930Rach gia	187945	Tr si	TD/truong	DD413/TK/BM								
732	NGUYEN THI THANH	1973Sai gon							16.3.88	13.6.88	808		BT17 7	
	Cha NGUYEN VAN THIEN	1950Hung Yen	70/119302	Ha si I	Tiep lieu	TUI/PB		5 nam						
733	TRAN THI THUY	1956Sai gon							16.3.88	13.6.88	808		BT1597	
	Chong NGUYEN VAN THANG	1954H.Thong		Tr si		SB 5/KQ		3 nam						Rien o My
734	NGUYEN THI LAN	1954Sai gon							16.3.88	13.6.88	808		BT1835	IV0 41?6
	Chong NGUYEN VAN TRUC	1952D.Nang		Tr si		KBC4759		6 ham						Rien o My
735	NGUYEN THI BICH THUY	1964V.Long							13.3.88	13.6.88	806		BT1628	
	Cha NGUYEN VAN CHUNG	1940A.Giang	40/854164	Binh 2		TK/CO		1 thang						
736	TRAN THI KIM ANH	1959T.Thien							21.2.88	13.6.88	806		BT1712	
	Cha TRAN CONG SON			Tr si		Linh kho doPhap								
737	CAI VAN DUNG	195?T.Thien							21.2.88	13.6.88	806		BT1604	
	Cha CAI VIEN	192?T.Thien	666	Kho TSV		Cuoc YP/KT/TT		2 nam						
738	NGUYEN A	1963Hue							10.2.88	13.6.88	803		BT1608	
	ChaNGUYEN CHINH	1941Hue	41/295634	Ha si	TP Binh	DV 1 QK								
739	TRAN QUOC CUONG	1950Kien Giang							1.2.88	13.6.88	802		BT1779	
	Cha TRAN TRONG CAO	1947	62/501892	Ha si		Phong TU/CG								
740	NGUYEN THI TUYET VAN	1974Sai gon							16.2.88	13.6.88	802		BT1630	
	Cha NGUYEN VAN CHUNG	1937Nam vang		Tr si	Canh sat	BCH/CSQG		7 ngay						
741	NGUYEN THI TO LOAN	1968T.Thien							10.3.88	13.6.88	809		BT1733	
	Cha NGUYEN DANG DANG	1947T.Thien	42/134199	Dai uy	CK pho	TK/Thua Thien		7 nam1/2						

742	NGUYEN VAN THANH	1967TThien						10.3.88	13.6.88	8D1	co	BT1720	
	Cha NGUYEN BUA	1936T.Thien	108527	Ha si	Can bo	PTNT/T.Thien							
743	TRAN THI TINH	1961Hue						10.3.88	13.6.88	8D9	"	B 1731	
	Cha TRAN DE	1938 Hue	59/701238	Tr si 1		GD32 XP/Hue							
744	TRAN THUY NGOC TRAM	1975Sai gon						16.4.88	13.6.88	8D5	"	BT1632	
	Cha TRAN VAN THAO	1954B.long	74/109372	Ha si	Quan y	DD4/PR	11 ngay						
745	PHAM THI GAI	1955T.Thien						10.2.88	13.6.88	8D8	"	BT1633	
	Chong HA MIEN	1953	73/202460			TD1/TT							Hien o My
746	LE VAN HOANG	1974K.en giang						1.2.88	13.6.88	8E3	"	BT1657	
	Cha LE VAN HONG	1951Kien giang	51/516898	Binh 2		KBC4685	Thuong binh mu 2 mat						
747	NGUYEN VAN HONG	1973Ba Xuyen						16.4.88	13.6.88	8E2	"	BT01755	
	CHANGUYEN VAN CUA	1943BAxuyen		Pho truongap		BganamBaxuyen	50 ngay						
748	TRAN THI MUOI	1957Gia dinh						16.3.88	13.6.88	8.E2	"	BT01764	
	NGUYEN THE TUYEN	1941 Nam dinh					3 nam						
748	NGUYEN HUU CHINH	1971Kien giang						1.2.88	13.6.88	8E5		BT001620	
	ChaNGUYEN VAN TINH	1952Haiduong		Truong ap			Tu tran						
749	PHAM THI	1967 Sai gon						16.2.88	13.6.88	8E3	"	BT 001557	
	PHAM HU THUONG	1963Hue	56/081273	B2	Nhiep anh	KBC 4199	3 ngay						
750	VU QUOC VUONG	1968saigon						16.4.88	13.6.88				
	VU QUOC DOAN	1942Huong yen	62/100946	Tr si	Kho tiep van	KBC4061	30 ngay						
751	BUI PHI HO	1964 Sai gon						27.2.88	13.6.88	8E2	"	BT1756	
	BUI VAN QUYECH	1927H.Phong	27/001837	Th si 1	thuong vu	Sa dec	1 nam						
752	VUON VAN SON	1959K.Giang						14.1.88	13.6.88	8E3	"	BT1757	
	Cha VUON VAN MANH	1910 K.Ginag		Ha si		Phu Xuan GD							
753	VU TIEN THINH	1972Sai gon						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1619	
	Ch aVU TIEN	1944T.Binh	64/176236	Th si 1		Vien BL/NQ							
754	VU TRONG VAN	1959K.Giang						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1658	
	ChaVU NGO	1936	36187474	Ha si		Kien giang	Tu tran						
755	HA QUOC TUAN	1971 T.Dong						16.2.88	13.6.88	8E4	"	BT1759	
	Cha HA DANG DINH	1953T.Binh	73/602508	Ha si	K.Quan	SD4/KQ/CT	1 thang						
756	DUONG THUONG	1962T.Thien						12.3.88	13.6.88	8E1	"	BT1763	
	Cha DUONG THAI	1936	56/206012	Ha si		KBC4121							
757	HOANG KIM ANH	1975Sai gon						10.2.88	13.6.88	8E6	"	BT1773	
	Cha HOANG VIET HUNG	1964T.Thien	155663	NQ		Thua Thien							
758	DUONG MINH LOI	1972C.tho						12.3.88	13.6.88	8E7	"	BT1770	
	Cha DUONG VAN MEO	1970V.Long	40/083741	Th si		KBC4938							
759	DANG THI LE THANH XE	1962Sai gon						12.6.88	13.6.88	8E5	"	BT1639	
	Cha DANG PHAN	1936T.Binh	56/809568	Ha si 1	Tai xe	253PB	3 ngay						
760	NGUYEN THI XE	1957T.Thien						10.2.88	13.6.88	8F4	"	BT1740	
	Chong NGUYEN THANG	1955T.Thien		Ha si	Khong quan	Da Nang							
761	TRAN KHUONG TUNG	1961Sai gon						10.2.88	13.6.88	8F4	"	BT1863	
	Cha TRAN THIEN HUNG	1921HaNam		Cong chuc	chu su	phong HC/KT/SG	chet						

762	TRAN UNG MUI	1956B.thuan						16.6.88	17.6.88	8F1	co	BT1782
	ChaTRAN SENH SAN	1922H.Ninh	301078	Tr si 1		KBC4002						
763	PHAM HONG NINH	1969K.Giang						13.2.88	13.6.88	8F1	"	BT1873
	Cha PHAM VAN CO	1934K.Giang			Cong chuc	Xi mang HT						
764	VUONGTO M AI	1953D.Thap						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1881
	AnhVUONG HUUNHI	1953R.Gia		Th ta	CSQG	Long Xuyen	13 nam					
765	DANH HOANG PHUOC	1967K.Giang						16,6.88	17.688	8G2	"	BT1859
	Cha DANH OT	1937K.Gianv			Truong ty	Ty Sac toc KG	3 nam					
766	TRAN DINH LUONG	L964K.Giang						6.5.88	17.6.88	8G10	"	BT1898
	Cha TRAN DINH LAC	1942N.dinh	42/305750	Binh 2		KBC6157	Tu tran					
767	NGUYEN THI HOA	1976 K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G6	"	
	Cha NGUYEN QUANG KGAI				Pho ap	K.Giang						
768	VU VIET TAN	1966K.Giang						5.5.88	17.6.88	8G5	"	BT1832
	Cha VU VIET RINH	1945	45/178030	Ha si	6	Kien giang	2 nam					
769	PHAM VIET TAM	1969K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G10	"	BT1802
	Cha PHAN VIET CHIN	Ha Nam		Ha si 1		KBC3485	45 ngay					
770	TRINH QUOC VIET	1971K.Giang						21.4.88	17.6.88	8G10	"	BT1836
	Cha TRINH XUAN MAI	1939HaNam	230330	Ts	Thuong binh	loai 3 DPQ						
771	NGUYEN VAN HUNG	1964K.Giang						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1847
	Cha NGUYEN THANH TIN	1930K.Hiang			Xa truong	An Giang	2 nam					Vuot nguc
772	DO THI HUONG THAO	1962D.Nang						16.6.88	17.6.88	8G2	"	BT1848
	Cha DO KIM CHAU	1928 T.Thien	48/201495	Da i uy		PD1/KS /DN						
773	NGUYEN VAN DUNG	1964 Q.Ngai						21.4.88	17.6.88	8G3	"	BT1834
	Cha NGUYEN VAN BE	1935Hue		Ha si 1		KBC4190	chet 1974					
774	TRAN CHIEU ANH TUAN	1970Sai gon						11.6.88	22.6.88	8H10	"	BT1915
	Cha TRAN CHIEU QUANG	1941D.Thap	61/600961	Th ta	Khong quan	Tan son 1	9 namloth					
775	NGUYEN NGOC LIN	1968K.Giang						21.4.88	17.6.88	8.H8	"	BT1929
	ChaNGUYEN VAN MINH	1952B.Chu		Binh 1		TD 2/BB						
776	LE XUAN CUONG	1973B.Hoa						18.4.88	17.6.88	8H4	"	BT1825
	Cha LE XUAN ANH	1940H.Dong	60/810694	Dai uy	Quan y	HT/1248/K2	28thang					
777	NGUYEN THI NGHIEM	1953HaNam						21.4.88	17.6.88	8H1	"	BT
	Cheng NGUYEN VAN DIEN	1947K.Giang	67/514262	Binh 1	Quan cu	Pleiku						
778	PHAM ANH TUAN	1974 Sai gon						21.4.88	17.6.88	8H3	"	BT1804
	Cha PHAM DUC NGHIEU	1	30.275.30	160	Tho moc	RMK						
779	VIEN THI HONG THUY	1950Sai gon						18.4.88	17.6.88	8H2	"	BT1927
	Chong TRAN MINH HONG	1947	152138	Th uy	CSQG	Nha Be	8 nam					
	Cha VIEN VAN HIEU	1926	26/000673	Th si	Bao an	Phong Binh						
780	NGO THI HAI	1946 AGiang						26.6.88	3.7.88	8J4	"	BT2029
	Chong TRAN VAN TIEM	1947A.Giang		Th si 1		Qui nhon	2 nam					
781	BUI VAN TAN	1967B.Hoa						7.6.88	29.6.88	8J10	"	BT1966
	Cha BUI VAN TUOC	1928Sa dec	48/125415	Th si 1	Thuong vu	Long Khanh	7 ngay					
782	LUONG THE NGHIA	1956Sai gon						27.6.88	3.7.88	8J8	"	BT2003
	Cha LUONGTHE HANH				CSQG	Giai ngu 1969						
783	LY CONG MINH	1967D.Nang						12.5.88	3.7.88	8J9	"	BT1985
	Cha LY CONG CAO	1938B.Hoa	51A/700258	Th si 1	HLV	Vung 3/TT	2 nam					

784.	TRAN THI HUE	1952 L.An						26.6.88	3.7.88	8J7	co	BT2020
	Chong NGUYEN VAN THANH	1950L.an		Tr uy	Phi cong	PT/TSN	6 nam					
785	TRAN THI LU	1953L.An						26.6.88	3.7.88	8J7	"	BT2031
	ChongNGUYEN VAN DUOC	1945		Tr uy	Phi cong	PT/TSN	2 nam					
786	NGUYEN VAN DUNG	1957Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K2	"	BT2018
	Cha NGUYEN VAN DUONG	1923N.Binh			Cong chuc	Kho5 /QT/SG						
787	LE VAN SANH	1968Cuu Long						29.6.88	3.7.88	8K3	"	BT 1051
	Cha LE VAN SO		55/102090	NQ		Cuu Long	4 thang					
788	HUYNH HUU CUONG	1961Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT1999
	Ch aHUYNH UN	1928		Tr uy	Tham sat vien	CSQG Q4	chet					
789	TRAN THI HONG	1951Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2014
	Chong BRIAN VAN DANCY	1948H.Duong	68/601588	Tr uy	Phi conh	SD 5/KQ						
790	TRAN THI BICH THU	1963 Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2014
	Cha TRAN VAN TRU	1928N.Binh			Truong phong	Quan nhu	15 ngay					
791	NGUYEN HONG HIEN	1963Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2017
	Cha NGUYEN VAN BA	1931 Sai gon		Tr si 1	Pho phong	SD5/KQ	3 ngay					
792	LE VAN QUANG	1971Hue						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2016
	Cha LE VAN NGHIEM	1932 Hue		Tr uy								
793	VU MINH	1968Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2008
	Cha VU CHINH	Ben tre		Tr uy	Bac si	chet						
794	TRANG THI PHUONG NHI	1960Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K7	"	BT2010
	Cha TRAUONG HUU HIEP	1934C.Boc			Truong ty	Thue vu/TSN	Chet					
795	NGUYEN THI PHUONG MAI	1966D.Namg						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT2p15
	Cha NGUYEN QUANG HIEN	1941 H e	61/215875	Tr uy		KBC4602/6	3 nam					
796	LAM THI MINH	1967V.Tau						9.6.88	3.7.88	8K6	"	BT2028
	ChaLAM VAN UT	1944	64/203815	Th si 1	TD pho	TTHL/LS/NT						
797	TRAM THI MAI	1963Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K4	"	BT1995
	Cha TRAN VAN SOM	1937										
798	PHAM DUC DUC	1974Sai gon						9.6.88	3.7.88	8K4	"	BT19787
	Cha PHAM VAN MEO	HocMon		Ha si	Khong quan							
799	TRAN THI MOI	1958Q.Nam						29.6.88	3.7.88	8L1	"	BT2047
	Cha NGUYEN SOAN	933Q.Na		Binh 2	Nhay du	Chet 1960						
800	NGUYEN THANH TAN	1963 A.Giang						22.6.88	3.7.88	8L3	"	BT1983
	Cha NGUEYN VAN DUY	1928N.Binh	48/104282	Tr si 1	Quan cheHo so	mat Bo TTM						
801	N: YEN THI NHUNG	1955Sai gon						29.6.88	3.7.88	8L4	"	BT2053
	Cha NGUYEN VAN THANH	1936N.Dinh			Truong Ap	Ap An nhon	1 thang5ngay					
802	PHAN BA TRICH	1963Sai gon						12.6.88	3.7.88	8L2	"	BT1982
	Cha PHAN THIEM	1925			Chu tich	Cuu chien binh	BoCCB 8 nam					
803	TRAN NGUYEN NHAT QUYNH	1973Hue						12.6.88	3.7.88	8C3	"	BT1992
	ChaTRAN VAN DUYEN	1948Hue	68/208296	Tr uy	TDtruong	Quang tin	3 nam					
804	BUI DUC HUNG	1966Sai gon						29.6.88	3.7.88	8L4	"	BT2064
	Cha BUI VAN TOAI	1941H.Duong		Th si	Tiep lieu	KBC4552	Tu tran					

805	VU BAO TRUNG THU	19[illegible]2Bao loc						29.6.88	3.7.88	8L4	co	BT2054
	Cha VU DINH DUNG	1953 B.Chu	73/145805	Tr ty	DD truong	Don Mimisa						
806	NGUYEN TUAN	1953Ba lat						2.7.88	3/7.88	8L2	"	BT2040
	Cha NGUYEN LUONG	1930K.An			Truong ty	NhaKT/SG						
807	TRAN THANH HAI	L960M.tho						12.5.88	3.7.88	8L3	"	BT1993
	Cha TRAN VAN HUU	1929M.Tho		Chu tich	Dang Dan chu	Cai Lay	5 nam					
808	NGUYEN THI KIM DINH	1969A.Giang						29.6.88	3.7.88	8L1	"	BT2050
	Cha NGUYEN VAN ROAN	1932T .Binh	52/111944	Th si		TD403/CB	3 thang					
809	NGUYEN THI NGOC ANH	1956G.Dinh						12.5.88	3.7.88	8L3	"	BT1994
	Chong SON HONG DUC	1988 V.Long	58/11818	Dai uy			10 nam					
810	DANG MY THANH	1966V.Tau						9.6.88	3.7.88	8J1	"	BT2007
	Cha DANG VU THI	1931N.Dinh	51/312334	Th ta	Truong phong	CTCT/TD7/SD5/BB	7nam					
811	LU HONG NGAN	1964V.Long						9.6.88	3.7.88	8J1	"	BT1989
	Cha LU VAN THAO	1948V.Long	68/071908	Tr ty		Vinh Long	3 nam					
812	DANH NHUONG	1960K.Giang						19.8.88	136 .88	8D10	2	BT1656
	Cha DANH XUONG	1936K.Giang		Binh 2		Ken Giang	2n3thang					
813	HA VAN HAI	1964T.Thien						19.2.88	13.6.88	8F8	"	BT1866
	Cha HA VAN THIN	1941T.Thien	61/214670	Ha si 1		DD127/Hue	6 thang					
814	BUU PHUC	1957Hue						10.2.88	13.6.88	8E6	"	B_t 1735 o tu 5 nam
	Ch aUNG THANH	1924Hue	44/201363	Th ta	Thanh tra	Thua thien	5 nam					
815	NGUYEN TRI CANH	1965D.Nang						16.3.88	13.6.88	8E10	"	BT1822
	ChaNGUYEN LUA	1939D.Nang	165237	NQ		CK/HV/QN	1 thang					
816	VO VAN HAI	1963T.Vinh						7.6.88	29.6.88	8H11	"	BT1968
	Cha VO VAN CANH	1943V.Binh		Binh 2		Xu tran						
817	DANH THI NGOC ANH	1964K.Giang						1.4.88	13.6.88	8D7	"	BT1610
	ChaDANH PRAD	1928K.Giang			DD pho Can	ve K.Giang						
818	PHAN NGUYEN ANH	1971Sai gon						10.2.88	13.6.88	8E6	"	B_t 1772
	ChaPHAM KIM PHAN	1941T.Binh	61/110048	Dai uy	Quan y	Tong yvien CH	14thang					
819	CAO PHUC	1957T.Thien						1012.88	13.6.88	8E6	"	BT 1736
	ChaCAO HE	1932T.Thien			Truong NDTV		30 ngay					
820	TRAN NGOC PHUONG	1967Sai gon						21.2.88	13.6.88	8C4	"	BT1587
	Cha TRAN LAM	1941Sai gon	61/195293	Ha si 1	CTCT	TD 30						
821	LE PHU QUY	1956T.Ninh						2.2.88	15.6.88	8B1	2	BT1706
	ChaLE QUANG LAU	1934L.Xuyen		Tr si 1	DC 190	CSQG /TN						
822	HOANG THI THA	1944T.Thien						24.4.88	17.6.88	8G3	"	BT1869
	Cha HOANG NVOC TICH	1951 T.Thien	71/204007			DD22VT/SD22BB	3 nam					
823	LE SONG THANH	1977A.Giang						21.4.88	17.6.88	8G11	"	BT1907
	Cha LE VAN TIENG	1932K.Giang	2319861		Chuyen vien	RMK						
824	NGUYEN HUU PHUOC	1958C.Long						14.6.88	13.6.88	8D5	"	BT 1751
	Ch aNGUYEN VAN MAO	1925C.Long			Truong ap	Ap Binh Minh	7 ngay					

825	NGUYEN THI THU TRANG	1[illegible]1B Xuyen						2.7.88	20.7.88	8M3	co		BT2081
	Cha NGUYEN BINH TRONG	19[illegible]6S.Trang		Thieu ta	Truong phong	ICCS	Chet trong cai cai tao Ha Noi						
826	NGUYEN VAN THANH	19[illegible]9T.An						1.2.88	13.6.88	8B6	"		BT1567
	Cha NGUYEN VAN THACH	194[illegible]T.Hoa	66/504505	Th si 1	Tu tran 1971								
827	PHAN BICH THUY	1968K.Giang						18.4.88	17.6.88	8H2	"		BT1839
	Cha PHAN VAN BE	1930K.Giang	30/186385	Th ta	Chi khu pho	Kien Hoa	7 nam						
828	NGUYEN THI XUAN DUNG	1967R.Gia						21.4.88	17.6.88	8G6	"		
	Ch aNGUYE VA HIEU	1936B.Chu	56/104630	Ha si1	Quan y	BV/KG	3thang						
829	NGUYEN THAI SON	1965Pleiku						21.4.88	17.6.88	8G6	"		
	Cha NGUYEN VAN TUYEN	1931B.Chu	02932631		Tho moc	Defence attach	USA						
830	DO TRONG HUNG	1953N.Dinh						10.6.88	17.6.88	8F10	"		BT1817Quoc gia nghia tu
	Cha DO MANH HUNG	1924B.Chu	302592		Thuong pha	binh							
831	MAI HAI BANG	1965Sai gon						10.6.88	17.6.88	8F10	2		BT1818
	Cha MAI VAN THUAT			Dai uy	Quan truong	Son Ha QN	Giai ngu 1961						